

# Kinh Phật Nói Bốn Mười Hai Chương Lược Giảng

The Sutra in Forty Two Sections Spoken By The Buddha

**Phật thuyết tứ thập nhị chương kinh**

Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng

(Giảng năm 1974 Tại Kim Sơn Tự, San Francisco, California, Hoa Kỳ)

## Đề Tựa

Tên đề của bộ kinh này có bảy chữ "Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh" và bảy chữ ấy bao gồm cả tên chung (thông danh) lẫn tên riêng (biệt danh). Trong đó, chữ "Kinh" là tên chung. Tất cả kinh điển do Đức Phật thuyết giảng đều có cùng một tên chung là "Kinh"; và những chữ còn lại nằm trong tên đề thì thuộc về phần tên riêng. Tên riêng là tên gọi đặc biệt của bộ kinh, không hề trùng hợp với tên riêng của bất kỳ một bộ kinh nào khác.

Chữ "Kinh" ở đây cũng giống như trường hợp chữ "người" là tên chung để chỉ nhân loại chúng ta vậy. Bên cạnh đó, mỗi người lại còn có một tên gọi riêng biệt, như kẻ thì xưng là Trương Tam, người thì gọi là Lý Tứ... Kinh điển do Đức Phật thuyết giảng cũng tương tự như vậy, cũng đều có cả tên chung và tên riêng. Tên riêng của bộ kinh này là "Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương". Phần tên riêng ấy cho thấy bộ kinh này thuộc loại Nhân Pháp Lập Đề, tức là dùng tên

của người nói ra giáo-pháp và tên của giáo-pháp mà người ấy nói ra, để lập thành tên đề của bộ kinh; trong đó, "Phật" là người và "Tứ Thập Nhị Chương" là pháp.

Bộ kinh này chứa đựng giáo-pháp do chính Đức Phật thuyết giảng. Trong thời kỳ Kết Tập Kinh Tạng, các đệ tử của Ngài đã kết nối từng chương một lại với nhau để hình thành một bộ kinh. Đây cũng có thể xem như một tập Ngũ Lục của Đức Phật, và bốn mươi hai chương sách chính là bốn mươi hai đoạn ngũ lục, hay bốn mươi hai lời dạy bảo của Ngài!

Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh là một bộ kinh được truyền đến nước Trung Hoa trước nhất. Lúc bấy giờ, vào đời vua Minh Đế nhà Hậu Hán, có hai Tôn giả là Ca-Diếp-Ma-Đẳng và Trúc-Pháp-Lan dùng ngựa trắng để chuyên chở kinh điển từ nước Ấn Độ sang Trung Hoa. Và sau đó, vua Hán-Minh-Đế đã cho cất Chùa Ngựa Trắng (Bạch Mã Tự) ngay tại kinh đô Lạc Dương.

Như vậy, Phật pháp được truyền bá đến nước Trung Hoa vào đời nhà Hán. Tuy nhiên, vì Đạo giáo tại Trung Hoa thời ấy đang rất thịnh hành, nên khi Phật giáo lan truyền đến quốc gia này thì có nhiều đạo sĩ sanh lòng ganh ghét và tâu với vua rằng: "Phật giáo chỉ là thứ giả. Đó là tôn giáo của ngoại bang chứ không phải của Trung Hoa. Vậy, xin Bệ hạ hãy ngăn cấm việc truyền bá đạo Phật và trục xuất Phật giáo ra khỏi lãnh thổ Trung Hoa! Nếu Bệ hạ không muốn xóa bỏ Phật giáo, thì xin hãy tổ chức một cuộc so tài!"

So tài như thế nào ư? Các đạo sĩ yêu cầu nhà vua cho mang tất cả kinh điển do Đức Phật thuyết giảng và kinh điển do

Đạo giáo đến xếp chung vào một chỗ rồi châm lửa đốt. Hễ kinh điển của bên nào bị cháy thì bên ấy thứ giả; và kinh điển của bên nào không bị cháy thì bên đó là thứ thiệt!

Đương thời bên Đạo giáo có đạo sĩ tên Chủ Thiện Tín, là một trong những vị thủ lĩnh của Đạo giáo. Ông ta dẫn theo 500 đạo sĩ, tất cả cùng nhau khuân vác các kinh điển, linh văn của Đạo giáo xếp vào một chỗ; rồi lâm râm khẩn vái với Thái Thượng Lão Quân: "Kính bạch Đại Đức Thiên Tôn! Xin Ngài hãy thị hiện oai linh, xui khiến cho kinh sách của Đạo giáo chúng ta đều không bén lửa, còn kinh điển của Phật giáo thì bị cháy rụi hết thảy!"

Thời bấy giờ có rất nhiều đạo sĩ có thần thông. Người thì có thể cỡi mây lướt gió; kẻ lại có thể bay lên trời hoặc chui xuống đất. Có Đạo sĩ còn biết cả thuật ẩn hình (ẩn hình tức là quý vị vừa mới thấy họ sờ sờ ngay trước mắt thì đột nhiên lại biến mất, không còn thấy tăm dạng của họ đâu nữa)...; những đạo sĩ bản lĩnh như thế đều có cả. Có đạo sĩ còn biết dựa vào phép độn, tức là phương pháp "kỳ môn độn giáp" mà chạy thoát thân. Nhờ dựa vào nào phù, nào chú, nào bùa phép của Đạo giáo nên các đạo sĩ có được rất nhiều phép thần thông; song, đến lần dùng lửa đốt kinh sách này thì thế nào?

Kinh điển của Phật giáo chẳng những đã không bốc cháy mà lại còn phát hào quang! Bấy giờ, xá lợi của Đức Phật phóng hào quang năm màu, kinh điển cũng tỏa hào quang rực rỡ. Các đạo hào quang tỏa ánh sáng chan hòa khắp

không trung, trông chẳng khác nào vàng thái dương đang soi tỏ cả thế gian vậy!

Còn kinh điển của Đạo giáo vừa đốt, thì đều bén lửa cháy rụi ngay, không còn sót lại gì cả! Bây giờ, những đạo sĩ từng biết cõi mây cõi mưa lại chẳng thể cõi mây cõi mưa được nữa vì không còn phép thần thông! Kẻ biết bay lên trời thì chẳng thể bay đi, biết chui xuống đất lại chẳng tài nào chui lọt mình xuống đất, biết ẩn hình cũng chẳng thể ẩn nấp ở đâu được nữa! Lúc ấy, tất cả phù, chú của họ đều hết linh nghiệm, không còn công hiệu nữa. Bây giờ, toàn bộ kinh sách của Đạo giáo đều bị cháy sạch khiến cho các đạo sĩ như Chủ Thiện Tín, Phí Chánh Thanh đều tức tối tưởng chết đi được ngay giữa công chúng. Trong khi họ đang trong cơn tức giận như thế, thì có đến hai, ba trăm đệ tử của họ lại cắt bỏ râu tóc ngay tại hiện trường để xuất gia đầu Phật! Đây là cuộc "đấu phép" xa xưa nhất giữa Phật giáo và Đạo giáo; và Đạo giáo đã chuốc lấy phần thảm bại!

Sau đó, hai Tôn giả Ca-Diếp-Ma-Đẳng và Trúc-Pháp-Lan cùng bay vọt lên hư không, thị hiện 18 phép biến hóa như thân trên ra lửa thân dưới ra nước, thân dưới ra lửa thân trên ra nước, đi lại trong hư không, nằm ngủ trong hư không..., và vô số phép thần thông biến hóa khác. Cho nên, những người đương thời và luôn cả Hoàng Đế thảy đều dốc lòng tin theo đạo Phật.

Vì vậy bộ kinh này rất quan trọng và đây cũng là bộ kinh đầu tiên được truyền đến nước Trung Hoa, cho nên hôm nay tôi muốn cùng quý vị nghiên cứu bộ kinh này.

Bây giờ, chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa của chữ "Phật". "Phật" tức là Phật-Đà-Da, và là tiếng Phạn; dịch sang tiếng Trung Hoa là Giác giả, nghĩa là Đấng Giác Ngộ. Có ba loại giác ngộ là Tự-giác, Giác-tha, và Giác-hạnh-viên-mãn.

1. **Tự-giác** (tự trở nên giác ngộ). Bậc tự giác thì không giống như hạng phàm phu là kẻ chưa được giác ngộ. Những người tu theo Nhị thừa đều có thể tự họ trở nên giác ngộ; vì thế, họ đều khác hẳn kẻ phàm phu.

2. **Giác-tha** (làm cho người khác trở nên giác ngộ). Hàng Nhị thừa có thể trở nên giác ngộ, nhưng họ không giác ngộ người khác. Do đó, người có thể khiến cho người khác trở nên giác ngộ là bậc Bồ Tát, chứ không phải là hàng Nhị thừa. Bồ Tát đã có thể tự giác, lại có thể giác tha; và vừa làm lợi cho mình vừa có thể làm lợi cho người khác. Bồ Tát xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau; cho nên sau khi đã tự giác ngộ rồi, các Ngài mong rằng hết thảy chúng sanh cũng đều được giác ngộ, được sáng suốt như mình. Đó gọi là Giác tha.

3. **Giác hạnh viên mãn**: Bậc Bồ Tát tuy có thể giác ngộ người khác, nhưng vẫn chưa thể đạt được giác hạnh viên mãn. Trong khi đó, chư Phật đã có thể tự trở nên giác ngộ, lại có thể làm cho người khác được giác ngộ, và còn có thể hoàn thành mỹ mãn hạnh tự giác giác tha của mình nữa. Chính nhờ đã hoàn tất trọn vẹn cả ba hạnh nguyện giác ngộ này nên các ngài đã được thành Phật.

"Thuyết" nghĩa là nói. Bộ kinh này vốn do Đức Phật nói ra. Chữ "thuyết" còn bao hàm ý nghĩa "duyệt sở hoài". Thế nào

gọi là "duyệt sở hoài"? Tức là nói ra những điều mà trong lòng mình ưa thích, và một khi đã nói ra rồi thì càng cảm thấy hoan hỷ vui vẻ hơn.

"Tứ Thập Nhị Chương" nghĩa là bốn mươi hai chương. Bộ kinh này có bốn mươi hai chương. Đó là bốn mươi hai đoạn ngữ lục của Đức Phật và cũng là bốn mươi hai chương Phật pháp do chính Đức Phật tuyên thuyết.

"Kinh" có bốn ý nghĩa là: Quán (kết nối), Nhiếp (thâu về), Thường, và Pháp.

1. "**Quán**" là "quán xuyên sở thuyết nghĩa"; nghĩa là nối kết những nghĩa lý đã được thuyết giảng lại với nhau. Cũng giống như tràng chuỗi niệm Phật, các đạo lý trong Kinh được liên kết với nhau từng chữ, từng chữ một.

2. "**Nhiếp**" là "nhiếp trì sở hóa cơ" nghĩa là thâu phục, dẫn dắt tất cả chúng sanh có căn cơ và đã sẵn sàng để đón nhận sự giáo hóa.

3. "**Thường**". Thế nào gọi là "thường"? "Cổ kim bất biến viết thường", nghĩa là từ xưa đến nay không hề biến đổi thì gọi là "thường". Những đạo lý chứa đựng trong Kinh vốn bất biến - trong quá khứ đã không thay đổi, ngay hiện tại cũng không thay đổi, và trong tương lai cũng sẽ không thay đổi, cho nên gọi là thường.

4. "**Pháp**". "Tam thế đồng tuân viết Pháp", nghĩa là những gì mà tam thế đều đồng tuân theo thì gọi là "Pháp". "Tam-thế" là ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả chúng sanh

trong ba đời đều tôn thờ và noi theo giáo pháp trong Kinh mà tu hành.

Chữ "Kinh" còn bao hàm nhiều ý nghĩa khác như:

-**Suối phun** (dũng tuyến). Vì các đạo lý hàm chứa trong Kinh chẳng khác nào những mạch nước ngầm tuôn ra từ lòng đất cho nên Kinh cũng ví như suối phun vậy.

-**Dây mực** (thăng mạt). Kinh tựa như sợi dây có chấm mực mà thợ mộc thường dùng để vẽ đường thẳng. Tỷ dụ biểu thị Kinh là tiêu chuẩn mẫu mực của pháp.

Ngoài ra, vì Kinh dạy người đời phương pháp tu hành, cho nên "Kinh" cũng có nghĩa là "**con đường**" (kính lộ) - con đường tu hành.

Trên đây là phần giải thích sơ lược về đề mục của bộ Kinh Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương.

## **Dịch Giả**

*Nhà Hậu Hán, Ca-Diếp-Ma-Đẳng (Kashyapa-maganta) và Trúc-Pháp-Lan (Gobharana) cùng dịch*

Bộ kinh này là bộ kinh đầu tiên của Phật giáo được truyền từ Ấn-Độ đến Trung Hoa, nên cần phải được phiên dịch sang Hoa-văn. Nhà Hậu Hán, Ca-Diếp-Ma-Đẳng và Trúc-Pháp-Lan cùng dịch. Ca-Diếp-Ma-Đẳng là một người, và Trúc-Pháp-Lan là một người khác nữa; cả hai Ngài đều là người miền Trung Ấn. Bấy giờ, nhằm đời nhà Hậu Hán, hai



người đã cùng nhau dịch bộ Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh này sang tiếng Trung-Hoa.

Triều đại nhà Hán gồm có Tây-Hán<sup>1</sup> và Đông-Hán<sup>2</sup>; và nhà Hậu-Hán tức là nhà Đông-Hán. Năm Vĩnh Bình thứ ba<sup>3</sup>, đời vua Minh-Đế nhà Đông-Hán (Vĩnh-Bình là niên hiệu của triều vua Hán Minh-Đế, và bây giờ là năm thứ ba của triều đại ấy), là năm năm Canh-thân. Vào năm Canh-thân này, một hôm, vua Hán Minh-Đế bỗng mộng thấy một người vàng (Kim-nhân) trên đỉnh đầu có vầng hào quang hình tròn sáng chói, từ không trung bay thẳng vào Hoàng-cung. Hôm sau, nhà vua bèn hỏi ý kiến các quan văn võ đại thần trong triều về điềm chiêm bao ấy.

Bây giờ, trong triều có quan Thái-sử tên là Phó Nghị tâu rằng: "Hạ thần nghe nói là về phía tây tại nước Ân Độ, có một vị thần được mọi người tôn xưng là Phật. Nay người vàng mà Bệ hạ mộng thấy ấy nhất định là Phật rồi!" Tiếp đến, có một vị Học-giả tên Vương Tuân cũng tâu với vua rằng: "Nhà Chu có truyền lại một bộ sách tên Dị Ký, trong đó ghi chép toàn những sự kiện kỳ lạ, đặc biệt."

Sách ấy ghi chép những gì? Trong bộ sách của nhà Chu ấy ghi chép rằng:

*"Phật đản ư Chu-Chiêu-Vương nhị thập lục, niên Giáp-dần. Thời, giang hà phiếm dật, đại địa chấn động, ngũ sắc tường quang quán Thái-vi tinh."*

Nghĩa là: Đức Phật ra đời vào năm thứ 26 của triều đại Chu Vương<sup>4</sup>, và năm ấy là năm Giáp-dần. Lúc bấy giờ, tức là



khi Đức Phật đản sanh, thì mực nước ở các sông hồ đều dâng cao và chảy tràn ra khỏi bờ, cả mặt đất đều rung chuyển. Đồng thời, trên trời có đạo hào quang năm màu báo điềm lành phóng xuyên qua sao Thái Vi.

Đương thời có viên quan Thái-sử (Thái-sử là chức quan trông coi về Thiên-văn học và khoa Toán-số) tên Tô Do. Thái-sử Tô Do dùng Kinh Dịch để bói quẻ; và vừa gieo thì được ngay quẻ Càn Cửu-ngũ, tức là quẻ Phi long tại thiên" (rồng bay giữa trời). Căn cứ vào quẻ này, quan Thái-sử chiêm đoán rằng có bậc Thánh nhân vĩ đại ra đời tại nước Ấn Độ và sau khi xuất thế, vị Thánh nhân này sẽ đi truyền bá một giáo pháp mà khoảng một ngàn năm sau, giáo pháp ấy sẽ được truyền đến Trung Hoa. Vua Chu-Chiêu-Vương liền sai người ghi chép và khắc những dữ kiện ấy vào đá, rồi truyền đem chôn ở cổng thành phía nam. Nhà vua dự tính rằng như thế đời sau sẽ có bằng chứng để kiểm nghiệm, xem có đúng là một ngàn năm nữa thì giáo pháp ấy (tức là Phật giáo) sẽ được truyền đến Trung Hoa hay không.

Đến đời vua Chu-Mục-Vương, một hôm, cả đại địa bỗng nhiên rung chuyển và trên trời xuất hiện mười hai đạo bạch-hồng (chữ "hồng" này tức là chữ "hồng" trong từ ngữ "hồng-nghe" có được đề cập đến trong Kinh Lăng Nghiêm, và có nghĩa là mống vòng cầu). Đây là hiện tượng "bạch hồng quán nhật" tức là giữa ban ngày bỗng có mười hai mống cầu vòng màu trắng hiện ra, nằm bắt qua mặt trời; và hiện tượng này xảy ra lúc Đức Phật viên tịch. Tuy rằng Đức Phật viên tịch tại Ấn Độ nhưng ở Trung Hoa cũng thấy

được hiện tượng ấy. Như vậy, sự xuất thế của Đức Phật không phải là chuyện ngẫu nhiên hay tình cờ! Khi Đức Phật ra đời tại nước Ấn Độ, thì ở Trung Hoa, mực nước của các sông, hồ đều dâng cao và chảy lên láng ra khỏi bờ, toàn thể đại địa đều rung chuyển. Rồi đến khi Đức Phật viên tịch, ở Trung Hoa cũng thấy có mười hai mống cầu vòng màu trắng bắt qua mặt trời.

Lúc bấy giờ có viên Thái-sử tên Hồ Đa cũng dùng Kinh Dịch để chiêm đoán. Sau khi gieo quẻ, Thái-sử Hồ Đa thốt lên: "Ôi! Vị đại Thánh nhân ở Tây-Vực đã nhập diệt rồi!" Tức là, vị đại Thánh nhân ra đời tại nước Ấn Độ vào năm Giáp-dần, đời vua Chu-Chiêu-Vương thứ 26 trước đây, nay đã nhập diệt đã vào cõi Niết-bàn rồi! Như vậy, tuy sự xuất thế và nhập diệt của Đức Phật đều xảy ra ở Ấn Độ một quốc gia nằm cách nước Trung Hoa rất xa, nhưng ở Trung Hoa đều biết được cả. Đó là nhờ người Trung Hoa đương thời đã hiểu về Toán-số, nên đã có thể đoán biết được tình hình lúc ấy.

Tính từ đời vua Chu-Mục-Vương đến vua Minh-Đế nhà Hậu-Hán, thời gian cách nhau ước khoảng 1.000 năm. Năm mộng thấy Đức Phật vào năm Vĩnh-Bình thứ 3, thì đến niên hiệu Vĩnh-Bình thứ 7, nhằm năm Giáp-tý, Hán-Minh-Đế truyền lệnh cho ba người là Thái-Ấm, Tần-Cảnh, và Vương-Tuân mang theo 18 người khác nữa, cùng nhau sang Ấn Độ tìm cầu Phật pháp. Tại Trung Ấn, họ gặp được Tôn giả Ca-Diếp-Ma-Đẳng và Tôn giả Trúc-Pháp-Lan. Sau đó, hai tôn giả cùng theo phái đoàn của Thái-Ấm, Tần-Cảnh và Vương-Tuân trở về Trung Hoa. Tất cả về đến kinh đô Lạc-dương

vào niên hiệu Vĩnh-Bình thứ 10, tức năm Đinh-mão. Vì lúc đến hai Ngài dùng ngựa trắng để chở kinh sách, nên vua Hán-Minh-Đế cho cất một ngôi chùa đặt tên là chùa Ngựa Trắng (Bạch Mã Tự).

Đến ngày mừng một tháng năm, niên hiệu Vĩnh-Bình thứ 14, thì nhóm đạo sĩ từ dãy Ngũ-nhạc-sơn<sup>5</sup> của Trung Hoa rầm rộ kéo tới gây trở ngại cho Phật giáo. Và như đã tường thuật ở trên, họ đòi thiêu đốt kinh sách của đôi bên. Kết quả là tất cả kinh sách của Đạo giáo đều bị cháy sạch, trong khi kinh sách của Phật giáo thì lại không hề hấn gì cả! Xá lợi của Đức Phật còn phóng ra hào quang năm màu sáng rực cả bầu trời; và từ trên không trung, các đạo hào quang ấy kết tụ lại trông như một cái tàn khổng lồ bằng ánh sáng bao trùm lấy đại chúng! Trước cảnh tượng kỳ diệu ấy, mọi người đều đồng lòng kính tin Phật giáo.

Kinh tựa

Kinh Văn:

**Hán Văn: Thế Tôn thành Đạo dĩ, tác thị tư duy: "Ly dục tịch tịnh, thị tối vi thắng!" Trụ đại Thiên định, hàng chư ma đạo. Ư Lộ-dã uyển trung, chuyển Tứ-Đế-Pháp-Luân, độ Kiều-Trần-Như đẳng ngũ nhân, nhi chứng Đạo quả. Phục hữu Tỳ-khưu sở thuyết chư nghi, cầu Phật tiến chỉ. Thế-Tôn giáo sắc, nhất nhất khai ngộ, hiệp chương kính nặc, nhi thuận Tôn-sắc.**

**Dịch Nghĩa: Sau khi Đức Thế-Tôn thành Đạo, Ngài suy nghĩ rằng: "Xa lìa dục vọng, được sự tịch tịnh, là thù-thắng nhất!" Rồi Ngài trụ trong Đại Thiên-định mà hàng phục ma đạo. Tại vườn Lộc-dã, Ngài chuyển Pháp-luân Tứ Đế, độ nhóm năm người của Tôn giả Kiêu-Trần-Như đều chứng được Đạo quả. Lại có thầy Tỳ-khưu bày tỏ các chỗ còn nghi ngờ, cầu Phật dạy bảo sự tiến chỉ. Đức Thế-Tôn ban giáo sắc khiến ai nấy đều được khai ngộ. Các ngài cung kính chấp tay vâng lời, tuân thuận sự chỉ dạy của Đức Thế-Tôn.**

Lược giảng:

Sau khi Đức Thế-Tôn thành Đạo... "Thế-Tôn" là một trong mười danh hiệu của Phật; và ở đây, Đức Thế-Tôn chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi Đức Phật ngồi dưới cội cây Bồ-đề và nhân trông thấy vì sao sáng trong đêm tối mà ngộ đạo rồi, Ngài suy nghĩ rằng: "Xa lìa dục vọng, được sự tịch tịnh là thù thắng nhất!" Đức Phật tự nghĩ "Ta nên độ ai trước? Ta nên làm việc gì trước?". "Xa lìa dục vọng" nghĩa là không còn dục niệm, không còn cái pháp nhiệm ô, như bản. "Được sự tịch tịnh" nghĩa là trở nên trong sạch, không có sự tạo tác, lúc nào cũng ung dung tự tại, như như bất động. Đó là điều thù thắng nhất, không thể nghĩ bàn nhất!

Rồi Ngài trụ trong Đại Thiên-định mà hàng phục ma đạo. Ở trong Đại Thiên-định là một điều hết sức thù thắng. Trong lúc an trụ trong Đại Thiên-định, Đức Phật có thể khiến cho

tất cả bè lũ ma vương và kẻ ngoại đạo đều phải chịu đầu hàng, quy phục.

Tại vườn Lộc-dã. Sau khi nghĩ và quán xét, Đức Phật thấy rằng nhóm năm người của Tôn giả Kiền-Trần-Như cần được độ trước nhất, nên Ngài bèn đến ngay vườn Lộc-dã để gặp họ và tại nơi này, Ngài chuyển Pháp-luân Tứ Đế. Tứ Đế tức là Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Trong đó, Khổ là quả thế gian, Tập là nhân thế gian, Diệt là quả xuất thế gian, và Đạo là nhân xuất thế gian. Khổ, Tập, Diệt và Đạo được gọi là Pháp Tứ Đế.

Sau khi thành Phật, Đức Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm để độ các vị pháp thân Đại sĩ. Ngài nhận thấy rằng hạng phàm phu chưa thể lãnh hội được giáo pháp vĩ đại này; thật là:

*Hữu nhãn bất kiến Lô-Xá-Na,*

*Hữu nhĩ bất văn Viên-Đốn Giáo.*

(Có mắt mà chẳng thấy được Phật Xá-Na,

Có tai mà chẳng nghe được giáo pháp Viên-Đốn!)

Vì thế, Đức Phật phải tìm đến vườn Lộc-dã. Khu vườn ấy sở dĩ được gọi là vườn Lộc-dã hay vườn Nai là vì có hai con Nai chúa sinh sống và giáo hóa cả đàn nai tại đó. Khi giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi đã thuật lại công án này rất cặn kẽ; quý vị nào muốn biết rõ thêm thì có thể tìm xem trong bộ Kinh Lăng Nghiêm Lược Giảng.

Lúc bấy giờ, cả năm Tôn giả: Mã-Thắng (Ashvajit), Tiểu-Hiền (Subhadra), Ma-Ha-Nam (Mahanama-kulika), Kiêu-Trần-Như (Ajnata-kaundinya) và Thập-Lực-Ca-Diếp (Dashabala-kashyapa) đều đang tu hành tại vườn Lộc dã. Năm người này trước kia đều ở chung với Phật và đều là bà con thân thích của Ngài. Ba Tôn giả Mã-Thắng, Tiểu-Hiền và Ma-Ha-Nam là bà con bên nội của Phật; còn hai ông Tôn giả Kiêu-Trần-Như và Thập-Lực-Ca-Diếp là bà con bên ngoại và đều là cậu của Phật. Năm người này vốn do phụ thân của Phật phái đến để hầu hạ Phật. Nhưng về sau, Tôn giả Kiêu-Trần-Như và Thập-Lực-Ca-Diếp vì không chịu nổi sự khổ hạnh nên bỏ đi trước. Kế đến, ba Tôn giả Mã-Thắng, Tiểu-Hiền và Ma-Ha-Nam do thấy Phật thọ nhận bát cháo cúng dường của thiên nữ, ngỡ rằng Phật không thể nào tu khổ hạnh được nữa, nên cũng bỏ đi. Và, tất cả đều đi đến vườn Lộc-dã. Do đó, sau khi thành Đạo, Đức Phật liền đi tìm năm ông thị giả này và độ họ trước nhất.

Sau khi Đức Phật thành Đạo và thuyết xong Kinh Hoa Nghiêm, Ngài quán sát tất cả những cơ duyên cần phải độ, những chúng sanh cần phải cứu vớt. Khi biết được rằng nhóm năm người của Tôn giả Kiêu-Trần-Như cần phải cứu độ trước nhất, Ngài liền tới ngay vườn Lộc-dã để chuyển Pháp-luân Tứ Đế.

"Chuyển" tức là triển-chuyển nghĩa là xoay vần, lăn chuyển không ngừng.

"Tứ Đế" là Khổ, Tập, Diệt và Đạo.

"Pháp" là phương pháp, phép tắc.

"Luân" nghĩa là bánh xe. Bởi các Pháp do Đức Phật thuyết giảng đều là từ trong tâm tánh của Ngài tuôn trào ra, rồi lại luân lưu vào tâm khảm chúng sanh, khiến cho chúng sanh thức tỉnh mà lìa bỏ bến mê để quay về bến giác, cho nên gọi là "luân". Chữ "luân" còn bao hàm ý nghĩa "tồi phục" - "tồi phá" làm bể nát; và "phục" là hàng phục, làm cho kẻ khác phải chịu đầu hàng, vâng theo. Bánh xe có thể nghiền dập nát và cán vỡ vụn những thứ cứng rắn, ngay cả sự kiên cố của ngoại đạo và ma vương! Đó là ý nghĩa của chữ "luân".

Pháp Tứ Đế là giáo pháp đầu tiên mà Đức Phật thuyết giảng ở thế gian này. Pháp luân Tứ Đế được chuyển ba lần, gọi là Tam Chuyển Pháp-luân Tứ Đế:

**1. Thị chuyển Pháp-luân Tứ Đế:** Lần chuyển thứ nhất gọi là Thị chuyển. "Thị" nghĩa là chỉ thị, chỉ bảo cho mà biết; bởi vì chúng ta không hiểu nên Đức Phật phải chỉ dẫn, phải nói cho chúng ta hiểu. Thế nào gọi là Thị chuyển? Đó là chỉ rõ, cho biết về Pháp Tứ Đế. Thị chuyển còn được gọi là Sơ chuyển (lần chuyển đầu tiên), bởi Đức Phật vừa bắt đầu chuyển Pháp luân. Bây giờ Đức Phật dạy:

Đây là Khổ, tánh bức bách;

Đây là Tập, tánh chiêu cảm;

Đây là Diệt, tánh khả chứng;

Đây là Đạo, tánh khả tu.



"Đây là Khổ, tánh bức bách." Bức bách như thế nào? Cái Khổ rất lợi hại, nó làm cho quý vị cảm thấy khổ sở, đau đớn đến nỗi thở không ra hơi. Aip bức, đè ép, dày vò con người một cách ghê gớm chính là tánh cách bức bách của Khổ. Có bao nhiêu thứ khổ? Có Tam Khổ (Ba mỗi khổ), Bát Khổ (Tám mỗi khổ) và vô lượng vô biên nỗi khổ khác nữa.

Tam khổ là ba nỗi khổ: Khổ-khổ, Hoại-khổ, và Hành-khổ.

a) **Khổ-khổ**: Thế nào là Khổ-khổ? Khổ-khổ tức là nỗi khổ này chồng chất lên nỗi khổ khác, trong mỗi khổ nọ còn thêm vào mỗi khổ kia. Thứ khổ này thường xảy đến cho hạng người nào?

Như có những người hết sức nghèo túng - họ nghèo nàn, túng thiếu đến độ ăn thì ăn không đủ no, mà mặc cũng mặc không đủ ấm, nên phải vừa chịu đói lại vừa chịu lạnh. Tuy vậy, họ vẫn có được một mái nhà lợp xúp bằng gỗ, nên mặc dù thiếu ăn thiếu mặc, nhưng đêm đến họ còn có nơi có chỗ mà ngủ; như thế, thiết tưởng cũng không đến nỗi tệ lắm! Thế rồi, rủi ro có cơn giông bão thổi qua hoặc trận mưa to trút xuống làm nhà cửa sập đổ ngổn ngang, khiến họ không còn nơi trú ẩn nữa. Đã ăn chẳng được no, mặc chẳng được ấm, bây giờ lại lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, chẳng chốn nương thân! Quý vị thử nghĩ xem, như thế có phải là khổ hay không chứ?

Hoặc có người tuy có được chỗ ở và cũng được đủ ăn, nhưng lại không có đủ áo quần mà mặc; thì đó cũng là một cảnh ngộ của nỗi khổ này xen lẫn trong nỗi khổ khác. Hoặc là mặc dù có đủ áo quần đắp đổi và có chỗ ở hẻo lánh, song

lại không có cơm ăn; thì đó cũng là một trong những tình cảnh của cái khổ nọ chồng chất lên cái khổ kia vậy!

Những trường hợp ấy cũng gọi là "bần cùng khốn khổ", nỗi khổ do sự nghèo nàn, túng quẫn gây ra. Nỗi khốn khổ vì bần cùng này thì không dễ gì mà chịu được, bởi nó bức bách, hành hạ con người một cách rất đáng sợ!

b) **Hoại-khổ**: Như vậy, kẻ giàu sang phú quý thì không khổ sao? Có chứ! Kẻ giàu sang thì phải chịu đựng Hoại-khổ, cái khổ vì sự suy tàn, lụn bại.

Như có người rất giàu sang, lắm bạc nhiều tiền, bị bọn cướp bắt cóc. Bọn chúng dò xét xem sản nghiệp của người ấy giá trị khoảng bao nhiêu - giả sử tài sản của người ấy ước chừng năm triệu đồng, thì chúng sẽ đòi tiền chuộc mạng là sáu triệu đồng. Như vậy, người ấy phải vay thêm một triệu đồng nữa mới đủ số mà dâng nạp cho bọn tổng tiền để được thoát thân. Thế thì, đó không phải là sự phú quý đang bị hủy hoại, sụp đổ hay sao? Cho nên, đó gọi là "phú quý hoại khổ", nỗi đau khổ, xót xa vì sự suy sụp, tàn lụn của cảnh giàu sang!

c) **Hành-khổ**: Quý vị có thể không phải chịu đựng nỗi bần cùng khốn khổ và cũng không phải đương đầu với phú quý hoại khổ; thế nhưng, quý vị vẫn phải trải qua tiến trình của đời người - sanh ra rồi lớn lên, lớn lên rồi già đi, già rồi thì ắt chết, niệm niệm biến đổi, tưởng nghĩ liên tục, mãi miết không ngừng. Đó gọi là Hành-khổ - nỗi khổ đau, dẫn vật bởi vì sự biến chuyển.

Đó là nói về Tam Khổ. Còn về Bát khổ, tức là tám nỗi khổ, thì gồm có:

**Sanh khổ** (nỗi khổ của sự sanh ra đời);

**Lão khổ** (nỗi khổ của sự già nua);

**Bệnh khổ** (nỗi khổ của đau ốm, bệnh tật);

**Tử khổ** (nỗi khổ của sự chết);

**Ái biệt ly khổ** (nỗi khổ vì phải xa lìa những gì mà mình yêu thích);

**Oán tăng hội khổ** (nỗi khổ vì phải gần gũi với những gì mà mình chán ghét)

**Câu bất đắc khổ** (nỗi khổ do mong cầu mà không được toại ý);

**Ngũ ấm xí thạnh khổ** (nỗi khổ vì năm ấm<sup>1</sup> hưng thạnh, thiêu đốt tâm thần.)

Vì ngoài các mỗi khổ này ra vẫn còn có vô số mỗi khổ khác nữa, nên Đức Phật dạy: "Đây là Khổ, tánh bức bách."

"Đây là Tập, tánh chiêu cảm." "Tập" ở đây tức là tập trung, tích lũy phiền não. Tích tập phiền não là một loại có tánh chiêu cảm. Một khi trong lòng chúng ta có phiền não, thì phiền não ở bên ngoài sẽ lũ lượt kéo tới; và nếu thâm tâm quý vị chất chứa tham, sân, si, thì những chuyện không ưng ý từ bên ngoài sẽ đổ xô lại. Do đó, Đức Phật dạy: "Đây là Tập, tánh chiêu cảm."

"Đây là Diệt, tánh khả chứng." Diệt là tịch diệt. Tịch diệt (quietude) đem đến an lạc. Sự an lạc này mỗi chúng ta đều có thể chứng nghiệm được, bởi vì tánh nó là "khả chứng".

"Đây là Đạo, tánh khả tu." Ở đây, "Đạo" tức là Giới-đạo, Định-đạo và Huệ-đạo. Nói một cách chi tiết hơn, thì "Đạo" là Ba Mười Bảy Phẩm Đạo, và đó là: Thất Bồ Đề, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc. "Đạo" vốn tánh khả tu, nghĩa là quý vị đều có thể tu Đạo!

Trên đây là lần chuyển Pháp-luân Tứ Đế đầu tiên, và được gọi là Sơ-chuyển hay Thị-chuyển.

**2. Khuyến-chuyển Pháp-luân Tứ Đế:** Lần chuyển Pháp-luân Tứ Đế thứ nhì gọi là Khuyến-chuyển Pháp-luân Tứ Đế. Đức Phật dạy:

"Đây là Khổ, ông nên biết;

Đây là Tập, ông nên dứt;

Đây là Diệt, ông nên chứng;

Đây là Đạo, ông nên tu."

Đó là Khuyến-chuyển. Đức Phật khuyên nhủ, khuyến khích mọi người tu học Pháp Tứ Đế. Lần chuyển Pháp-luân Tứ Đế này được gọi là Khuyến-chuyển.

**3. Chứng-chuyển Pháp-luân Tứ Đế:**

"Đây là Khổ, Ta đã biết;

Đây là Tập, Ta đã dứt;

Đây là Diệt, Ta đã chứng;

Đây là Đạo, Ta đã tu."

Lần chuyển Pháp-luân Tứ Đế thứ ba Chứng-chuyển Pháp-luân Tứ Đế. Đức Phật dạy: "Ta không những chỉ dạy các ông nên nhận biết Khổ, dứt trừ Tập, mền chuộng Diệt và tu học Đạo, mà còn cho các ông biết rằng: "Đây là khổ, Ta đã biết. Đây là Tập, Ta đã dứt." Tập chính là phiền não và Ta đã cắt đứt phiền não rồi. Không phải là Ta bảo các ông dứt trừ phiền não còn riêng Ta thì khỏi phải đoạn tuyệt chúng đâu. Ta nay cảm thấy rất tự tại, thanh thản là nhờ đã dứt bỏ mọi phiền não. Cho nên, Ta khuyên các ông hãy dứt trừ phiền não và nhận thức cái khổ do phiền não mang lại. Đây là Diệt, Ta đã chứng. Ta đã chứng đặc trạng thái an lạc của sự tịch diệt rồi. Do đó, bây giờ Ta nói cho các ông biết là các ông cũng cần phải đạt được sự an lạc của cảnh giới tịch diệt. Đây là Đạo, Ta đã tu. Ta đã hoàn tất việc tu Đạo rồi, và Ta không cần phải tu thêm nữa. Giờ đây, Ta mong rằng tất cả các ông đều có thể nhận biết Khổ, dứt trừ Tập, mền chuộng Diệt và tu học Đạo."

Độ nhóm năm người của Tôn-giả Kiều-Trần-Như đều chứng được Đạo quả. Trong thời kỳ Tam chuyển Pháp-luân Tứ Đế, Tôn-giả Kiều-Trần-Như (A-Nhã Kiều-Trần-Như) vừa nghe được giáo pháp do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng là lập tức khai ngộ, chứng Thánh quả; do đó, Ngài được gọi là Giải-Bổn-Tế (hiểu rõ chỗ gốc) hay Tối-Sơ-Giải (hiểu trước

nhất). Vì sao Tôn-giả Kiều-Trần-Như lại được khai ngộ trước tiên?

Trong thời quá khứ, khi Đức Phật Thích Ca còn ở nhân địa và là một tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục, Ngài bị vua Ca Lợi chặt đứt cả hai tay và hai chân rồi hỏi rằng: "Tiên nhân có oán hận ta chăng?" Bấy giờ, Tiên Nhẫn nhục đáp: "Không oán hận!" Vua Ca Lợi gạn hỏi: "Vậy có gì có thể chứng minh là tiên nhân thực sự không sân hận?" Tiên Nhẫn nhục bèn lập nguyện: "Nếu tôi có lòng oán hận nhà vua, thì hai chân và hai tay này sẽ không bao giờ liền lại như xưa được nữa. Còn nếu tôi quả thật chẳng mảy may oán hận, thì những tay chân đã bị nhà vua chặt đứt sẽ mọc lại nguyên vẹn như trước!" Tiên nhân vừa dứt lời thì tứ chi liền mọc ra trở lại. Sau đó, Tiên Nhẫn nhục phát nguyện: "Nguyện rằng khi tôi thành Phật, tôi sẽ độ nhà vua trước nhất, bởi vì nhà vua đích thực là Thiện-tri-thức của tôi!"

Trong kiếp quá khứ ấy, Tôn giả Kiều-Trần-Như là vua Ca Lợi, còn vị Tiên Nhẫn nhục thuở đó nay là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì thế mà sau khi thành Phật, Đức Phật ngẫm nghĩ: "Ta nên độ ai trước bây giờ? À, phải rồi! Ta cần phải độ kẻ đã chặt đứt tay chân Ta thuở nọ trước nhất!" Và, khi Đức Phật đến thuyết pháp cho Tôn giả Kiều-Trần-Như nghe thì Tôn giả liền khai ngộ.

Tiếp đến, Đức Phật giảng về trì Giới, bổ thí như thế nào, làm sao để giữ Giới - và làm thế nào để được sanh lên cõi trời. Ngài mạnh mẽ bài bác dục-vọng: "Có dục niệm là không đúng, là không trong sạch. Phải trừ bỏ dục vọng thì

mới được thanh tịnh, và mới có thể đạt được sự an vui chân chánh!" Ngay lúc đó, cả hai Tôn giả A-Bệ-Bà (tức Tỳ-khưu Mã-Thăng) và Bạt-Đề (tức Ngài Tiểu-Hiền) đều khai ngộ. Đây là đợt khai ngộ thứ nhì.

Rồi Đức Phật lại thuyết giảng vô số pháp môn khác, và khi ấy, hai Tôn giả Câu-Lợi (tức Ngài Ma-Ha-Nam) và Thập-Lực-Ca-Diếp cũng đều khai ngộ. Đó là đợt thứ ba.

Như vậy, năm Tôn giả này là những người đầu tiên xuất gia làm Tỳ-khưu, đồng thời cũng là những người khai ngộ và chứng được Tứ quả A-la-hán trước nhất. Vì thế, trong kinh chép là: "Độ nhóm năm người của Tôn giả Kiều-Trần-Như đều chứng được Đạo quả."

Lại có thầy Tỳ-khưu bày tỏ các chỗ còn nghi ngờ. Sau đó, có nhiều thầy Tỳ-khưu khác hướng về Phật mà thỉnh Pháp, xin hỏi Phật về những chỗ nghi nan, khúc mắc và những đạo lý mà họ chưa hiểu rõ, và cầu Phật dạy bảo sự tiến chỉ. Các thầy Tỳ-khưu xin Phật quyết định giùm, xem trong việc hành trì đó họ nên tiến tới hay nên dừng lại. Họ thỉnh cầu Phật ban cho họ một sự quyết định.

Đức Thế Tôn ban giáo sắc. Đức Thế Tôn tức là Đức Phật, "Giáo" là giáo hóa, và "Sắc" là sắc lệnh. Đức Phật ban hành mệnh lệnh để dạy bảo cảm hóa họ.

Khiến ai nấy đều được khai ngộ. Đức Phật khai thị và giáo hóa họ, nên thầy Tỳ-khưu nào cũng khai ngộ cả. Sau đó, các ngài cung kính chắp tay vâng lời, tuân thuận sự chỉ dạy của Đức Thế Tôn. Ai nấy đều chắp tay lại, kính cẩn vâng



theo lời dạy của Đức Thế Tôn và tùy thuận theo những đạo lý do Ngài chỉ dạy mà tu hành.

Vì cứ đinh ninh rằng mọi người đều hiểu rõ ý nghĩa của từ ngữ "Tỳ-khưu" rồi, nên tôi đã bỏ qua, không giải thích. Tôi cũng không ngờ là có người vẫn còn chưa hiểu lắm.

"Tỳ-khưu" (Bikshu) vốn là tiếng Phạn, và có ba nghĩa: Phá-ác, Bồ-ma, và Khất-sĩ. Vì bao hàm tới ba nghĩa, cho nên nếu dịch "Tỳ-khưu" là Khất-sĩ thì thiếu mất nghĩa Phá-ác và Bồ-ma; mà nếu dịch là Phá-ác thì lại thiếu mất nghĩa Bồ-ma và Khất-sĩ. Như vậy, từ ngữ "Tỳ-khưu" thuộc loại chứa đựng nhiều nghĩa và do đó không cần dịch ra. Đây là một trong năm loại từ ngữ không nên phiên dịch.

Có năm loại từ ngữ mà khi phiên dịch kinh điển chúng ta không nên dịch ra đó là:

1. **Đa hàm bất phiên** (từ ngữ nào bao hàm nhiều nghĩa thì không nên dịch):
2. **Tôn trọng bất phiên** (từ ngữ nào được dùng vì sự tôn trọng thì không nên dịch);
3. **Thử phương vô bất phiên** (những từ ngữ chỉ các thứ mà nơi này không có thì không nên dịch);
4. **Thuận cổ bất phiên** (những từ ngữ được dùng là do tùy thuận theo lẽ lối xưa thì không nên dịch);
5. **Bí mật bất phiên** (từ ngữ nào chứa đựng các ý nghĩa bí mật thì không nên dịch).

Vậy, do có ba nghĩa nên từ ngữ "Tỳ-khưu" được giữ nguyên theo âm tiếng Phạn (Bhikshu) và không dịch ra. Ba nghĩa của từ ngữ "Tỳ-khưu" là:

1. **Phá-ác.** Chúng ta có phiền não, đó là ác. Tỳ-khưu là người phá hủy cái ác.

2. **Khất-sĩ** (người đi xin). Tỳ-khưu là người:

*Thượng khất Pháp ư chư Phật,*

*Hạ khất thực ư chúng sanh.*

(Trên, xin Pháp của chư Phật,

Dưới, xin cơm của chúng sanh.)

Thầy Tỳ-khưu xin Pháp của chư Phật để làm tăng trưởng huệ-mạng của mình, và xin thức ăn của chúng sanh là để giúp chúng sanh trồng ruộng phước.

3. **Bố-ma.** Khi giới-tử lên giới đàn để thọ Giới Tỳ-khưu, thì vị Hòa thượng Đắc-giới hỏi: "Người có phải là bậc đại-trượng phu không?" Giới tử đồng dục đáp: "Vâng, con là một đại-trượng phu!" Câu trả lời ấy khiến cho hết thầy thiên ma ngoại đạo đều sợ hãi; cho nên Tỳ-khưu được gọi là người làm cho chúng ma khiếp sợ.

Khi xuất gia làm Sa-di thì phải biết ý nghĩa của từ ngữ Sa-di và Tỳ-khưu. Sau khi xuất gia, người Tỳ-khưu cần phải biết làm thế nào để phá hủy cái ác và làm thế nào để đoạn trừ phiền não. Phá hủy cái ác tức là đoạn trừ phiền não. Phiền não của mỗi người chúng ta là thứ ác độc nhất.

Muốn biết một người nào đó có tu đạo hay không, quý vị chỉ cần xét xem người ấy có còn tánh nóng nảy hay không là biết được ngay. Người có tánh nóng nảy, dễ nổi giận, là người không tu đạo! Phàm những người có tu đạo thì gặp bất cứ chuyện gì họ cũng nhẫn nhịn, cũng chịu đựng được cả. Ai mắng họ, họ cũng nhẫn nhục được; ai đánh họ, họ cũng nhẫn nhịn được; thậm chí có ai giết chết họ, họ cũng vẫn nhẫn chịu được như thường! Bởi đó là những sự việc mà chúng ta cần phải nhẫn nại, cố gắng chịu đựng! Ngoài sự nhẫn nhục, chúng ta còn cần phải có trí huệ, cần phải có khả năng nhận thức.

Tỳ-khưu là một biểu hiện của tướng xuất thế. Thầy Tỳ-khưu có thể "đoạn hoặc, chứng chân" - đoạn trừ các mối hoặc của Tam Giới và chứng đắc quả vị A-la-hán chân chánh. Hôm nay e rằng không đủ thì giờ, tôi nghĩ là phần Tỳ-khưu Chứng Quả đành phải để sang ngày mai giảng tiếp vậy!

Tại đây có một Phật-tử học Phật pháp cũng đã được bốn, năm năm nay rồi, mà mãi đến bây giờ mới được đặt chân đến ngưỡng cửa Chùa Kim Sơn. Người này đã phải tìm kiếm trong bao nhiêu năm trời mới tìm ra được Chùa Kim Sơn. Thật là không phải dễ! Có rất nhiều người cũng lặn lội khắp nơi tìm học Phật pháp như thế, nhưng không tìm thấy được một nơi chân chánh để theo học. Vì vậy, những người từng đến Chùa Kim Sơn đừng nên cho rằng đó là một việc quá đơn giản, quá dễ dàng. Không dễ gì mà đến được Chùa Kim Sơn đâu! Tất cả quý vị cần phải đặc biệt lưu ý điều này.

## *Chú Thích:*

### **Đề Mục:**

-Kết tập Kinh Tạng: Cuộc nhóm hợp lớn lao và chính thức của Giáo Hội Phật Giáo để soạn và duyệt kinh điển nhà Phật.

-Ngữ lục: Sách ghi chép những lời nói hay ho, thâm thúy.

-Đạo Giáo (hay Đạo Lão): Tôn giáo thờ Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử) làm vị Nguyên Thủy Thiên Tôn, do Trương Đạo Lăng đời nhà Hán đề xướng. Lão Tử chủ trương rằng Đạo là hư vô, vạn vật đều do Đạo sinh ra, và muốn đạt đến mục đích của Đạo Giáo thì phải "thanh tịnh, vô vi," nghĩa là phải giữ cho lòng được trong sạch, yên lặng một cách tự nhiên. Những người học theo Đạo Giáo được gọi là Đạo sĩ.

-Phép Độn-giáp: Phương pháp suy đoán vận số đoán biết việc tương lai bằng cách dựa theo Lục-giáp tuần hoàn.

-Nhị thừa: Hai cỗ xe; tức là hai giáo pháp Thanh Văn thừa (dạy về Tứ Diệu Đế để đắc quả A-la-hán), và Duyên-Giác thừa hay Bích-Chi-Phật thừa (dạy về Thập Nhị Nhân Duyên; giáo-pháp của người tự tu và tự ngộ quả Duyên-giác hay Độc-giác). Đối với Đại-thừa hay Bồ-tát thừa thì Nhị-thừa cũng là Tiểu thừa.

-Nhà Hán (206BC-AD220):

Nhà Tiền-Hán, cũng gọi là nhà Tây-Hán (206BC-AD24), do Hán-Cao-Tổ Lưu-Bang lập ra, truyền đến Hán-Bình-Đế thì

bị mất về tay Vương-Mãn. Tính ra nhà Tiền-Hán trải qua 12 đời vua, trị vì được 210 năm, kinh đô đặt tại Trường-An (tỉnh Thiểm-Tây, Trung-Hoa).

Nhà Hậu Hán hay Đông Hán (25-220). Hán-Quang Võ Lưu-Tú giết Vương-Mãn, gây dựng lại cơ nghiệp nhà Hán và dời đô về Lạc-dương (tỉnh Hà-Nam, Trung Hoa). Nhà Hậu-Hán truyền được 12 đời vua và trị vì được 196 năm thì bị mất về tay nhà Ngụy.

-Kinh Dịch: Sách giải thích về các lẽ biến hóa trong vũ trụ.

Nguyên vua Phục-Hy đặt ra tám quẻ biến đổi gọi là Bát quái; sau đó, Văn-Vương soạn ra lời Soán (đoán) để giải rõ ý nghĩa trong quẻ, và Chu-Công làm thêm lời Hào. Về sau Khổng Tử thể theo các ý đó mà giải thích rộng ra cho dễ hiểu, và gọi là Kinh Dịch, tức là quyển sách chủ yếu nói về sự thay đổi. Chữ "Dịch" bao gồm ba ý nghĩa là bất dịch (không thay đổi), giao-dịch (trao đổi cho nhau), và biến-dịch (biến-hóa thay đổi).

-Quẻ Càn: Quẻ đầu tiên trong tám quẻ Bát Quái (Càn, Khôn, Ly, Khảm, Chấn, Tốn, Cấn, Đoài). Càn là Trời; quẻ Càn tiêu biểu cho tánh tình của Trời, hoàn toàn dương-cương, trung-chính, và thông-thái, có tài đức.

-Cửu Ngũ-Phi Long Tại Thiên, Lợi Kiến Đại Nhân (9:5 Rồng bay giữa trời, may gặp đại-nhân):

Cửu (9) là hào dương và Ngũ (5) là vị dương; dương hào ở dương vị là đắc chính. Quẻ Càn Cửu Ngũ tượng trưng cho

sự cương-khiêm và đức tánh trung-chính của bậc đại-nhân ở địa vị cao quý nhất, tượng trưng cho con rồng bay giữa trời; đây là một hào tốt nhất.

Hào Cửu Ngũ tượng rồng bay;

Đức Trời tròn vẹn đứng ngay ngôi Trời.

Bậc đại-nhân Cửu Ngũ có đức lớn như trời đất, sáng suốt như mặt trời mặt trăng, khéo sắp xếp mọi việc có thứ tự trước sau như thời tiết bốn mùa, biết được việc lành dữ in như quỷ thần, đón biết được ý Trời và làm trước mà Trời vẫn phải nghe theo, thấy được ý Trời đã rõ nên dù làm theo sau Trời mà lại như Trời làm. Đối với bậc đại-nhân như thế, Trời hãy còn nghe theo huống gì là người và quỷ thần? (theo Chu-Dịch, Sào Nam Phan-Bội-Châu, trang 6).

### **Kinh Tựa:**

-Đại Định: Sự quán tưởng bền bỉ, lâu dài, thân tâm chẳng hề động đậy, chỉ chuyên chú vào một cảnh. Đây là sự Định của bậc thành Đạo.

-Pháp thân Đại-sĩ: Hàng Bồ Tát.

-Đức Phật Tỳ-Lô-Xá-Na (Vairochana Buddha): Dịch là Đại-Nhật-Phật, là vị Giáo chủ của cõi Tịnh Độ Liên Hoa Đài Tạng ở phương Đông (đối với cõi Ta Bà của Đức Phật Thích-Ca).

-Viên-đốn Giáo: Thứ giáo pháp viên mãn, đầy đủ, mà lại mau lẹ. Đây là giáo lý của tông Thiên-Thai, dạy cho đầy đủ

một cách cấp tốc, dạy cho mau chóng thành Phật, chứ không dạy lần lượt từ Tiểu-thừa rồi mới đến Đại-thừa.

-Lộc-dã uyển: Một khu vườn ở gần thành Ba-la-nại. Cũng gọi là Lộc-dã viên, Lộc-uyển, Lộc-viên, vườn Lộc-dã, vườn Lộc, hay vườn Nai.

-Tứ Niệm Xứ: Bốn phép quán tưởng về bốn vô-thường, vô-lạc (khổ), vô-ngã, bất-tịnh:

-Thân niệm xứ, hay Quán thân bất tịnh.

-Thọ niệm xứ, hay Quán thọ thị khổ.

-Tâm niệm xứ, hay Quán tâm vô thường.

-Pháp niệm xứ, hay Quán pháp vô ngã.

-Tứ Chánh Căn (bốn pháp siêng năng chánh đáng):

-Vị sanh thiện căn, linh sanh (chưa sanh thiện căn thì làm cho sanh)

-Dĩ sanh thiện căn, linh trưởng (đã sanh thiện căn thì làm cho tăng trưởng)

-Vị sanh ác, linh bất sanh (chưa sanh ác thì làm cho không sanh).

-Dĩ sanh ác, linh tiêu diệt (đã sanh ác thì làm cho tiêu diệt).

-Tứ Như-Ý Túc (hay Tứ Thần Túc) là bốn phép thần-thông:

-Dục Như-Ý-Túc: Lòng muốn có phép thần thông.



-Niệm Như-Ý Túc: Lòng niệm thần thông.

-Tinh-Tấn Như-Ý-Túc: Giữ gìn ý tưởng luôn hăng hái, siêng năng.

-Tư-Duy Như-Ý-Túc: Suy nghĩ về thần thông, tham cứu đạo-lý.

-Ngũ-Căn: Tín, Tinh-Tấn, Niệm, Định, Huệ.

-Ngũ-Lực: (Năm Sức): Tín, Tinh-Tấn, Niệm, Định, Huệ.

-Thất Bồ-Đề Phần (Bảy Giác-Ngộ): Trạch-Pháp Giác, Tinh-Tấn Giác, Hỷ-Giác, Trừ-Giác, Xả-Giác, Định-Giác, Niệm-Giác.

-Bát Chánh Đạo (Tám Phần Chánh Đạo): Chánh-Kiến, Chánh-Tư-Duy, Chánh-Ngữ, Chánh-Nghiệp, Chánh-Mạng, Chánh-Tinh-Tấn, Chánh-Niệm, Chánh-Định.

-Đại Trượng Phu: Đại là lớn, trượng-phu là người trai tráng, hàng nam tử. Đại trượng-phu là bậc nam tử cao trổi hơn người thường về sức hùng dũng, phước đức, trí huệ.

## **Chương 1**

### **Xuất Gia Chứng Quả**

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bốn, giải Vô-vi Pháp, danh viết Sa-Môn. Thường hành nhị bách ngũ thập giới, tiến chỉ thanh tịnh, vi tứ chân đạo hạnh, thành A-la-hán."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Những vị từ giả người thân để xuất gia, biết tường tận tâm tánh, thấu hiểu pháp Vô-vi, được gọi là Sa-Môn. Họ thường xuyên hành trì 250 giới, tiến chỉ thanh tịnh, tu hành bốn đạo hạnh chân chánh, nên được thành bậc A-la-hán."**

Lược giảng:

Đây là chương đầu tiên trong số bốn mươi hai chương. Chương này nói rằng bậc Sa-Môn có thể chứng đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy: "Những vị từ giả người thân để xuất gia..." Theo giáo pháp nhà Phật, khi kẻ làm con muốn xuất gia đi tu thì phải được sự ưng thuận của cha mẹ, chứ không như ở nước Mỹ, cứ trên mười tám tuổi là được tự do, muốn làm gì thì làm. Trước kia, vì tùy thuận theo phong tục quốc gia nên Phật giáo ở Trung Hoa và Ấn Độ đòi hỏi kẻ làm con phải thưa rõ chí nguyện của mình với song thân và xin phép cáo từ: "Thưa cha mẹ, con đi xuất gia!" Đó gọi là "từ giả người thân." "Xuất gia" có nghĩa là hiến dâng cả thân, tâm và tánh mạng của mình cho Tam-Bảo, và vĩnh viễn không còn đa mang những công việc của người thế-tục nữa. "Từ

giả người thân để xuất gia," tức là từ biệt cha mẹ để rời gia đình, đi đến nơi đạo-tràng của Phật, Pháp, Tăng mà tu học, gần gũi ngôi Tam-Bảo.

"Xuất gia" cũng có nghĩa là "Xuất thế tục gia" - ra khỏi cái gia đình của thế gian. Mỗi gia đình đều có những rắc rối riêng của nó, giữa bà con quyến thuộc với nhau lại thường hay xích mích, gây gổ, chẳng có gì là thực sự vui vẻ, hạnh phúc cả. Vì thế, người ta muốn rời bỏ căn nhà thế-tục và cũng là nhà lửa này.

Lại nữa:

Tam giới vô an, do như hỏa trạch.

*(Ba cõi không yên, giống như nhà lửa.)*<sup>1</sup>

Cho nên "xuất gia" cũng bao hàm ý nghĩa "xuất tam giới gia" - ra khỏi căn nhà Dục-Giới, Sắc-Giới, và Vô-Sắc-giới.

"Xuất gia" còn có nghĩa là "xuất phiền não gia" - ra khỏi nhà phiền não. Vì những người còn chung sống với gia đình đều có phiền não, không được an vui thực sự, nên họ muốn xuất gia. Một khi đã xuất gia đi tu thì phải đoạn trừ phiền não và phát tâm Bồ-đề; như thế mới gọi là "xuất gia."

"Biết tường tận tâm tánh." Những vị từ giả thân nhân để đi tu ấy có thể nhận biết bốn tâm của chính họ một cách thấu đáo. Quý vị nên biết:

Tâm sanh, chủng chủng pháp sanh,

Tâm diệt, chủng chủng pháp diệt,

*(Tâm sanh, các pháp đều sanh,  
Tâm diệt, các pháp đều diệt!)*

Ngoài tâm thì không có pháp, và ngoài pháp thì không có tâm. Tâm với pháp chẳng qua chỉ là một! Nếu biết rằng ngoài pháp vốn không có tâm, thì quý vị sẽ hiểu được tánh biến-kế-chấp, và như thế gọi là "thức tâm" - biết được bốn tâm của mình. Quý vị nên biết tâm và tánh xưa nay vốn không có thực thể, không có hình tướng. Nếu hiểu được đạo lý này, tất quý vị sẽ hiểu được rằng tánh y-tha-khởi là hư huyền. Tánh biến-kế-chấp vốn là không, mà tánh y-tha-khởi cũng là giả tạm, hư huyền - không có cái nào là thật sự tồn tại cả. Hiểu được như thế mới gọi là "thức tâm đạt bốn - biết tường tận tâm tánh." vậy!

"Thấu hiểu Pháp Vô-vi." Hiểu pháp Vô-vi tức là hiểu pháp Chân-như với tất cả các pháp không phải là một mà cũng chẳng phải là hai. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này, tức là Chân-như cùng tất cả các pháp tuy không đồng một thể song cũng chẳng khác biệt gì nhau, tất quý vị sẽ hiểu được tánh viên-thành-thực, tỏ ngộ được bản-thể của mình. Đó gọi là "thấu hiểu Pháp Vô-vi" vậy.

"Được gọi là Sa-Môn." Nếu quý vị có thể làm được như thế - từ giả người thân để xuất gia, biết tường tận tâm tánh và thấu hiểu Pháp Vô-vi - thì quý vị mới xứng đáng để được mang danh hiệu Sa-Môn!

"Sa-Môn" là tiếng Phạn, và có nghĩa là "cần tức" (siêng năng, chăm dút); đó là:

Cần tu Giới, Định, Huệ,

Tức diệt tham, sân, si.

*(Siêng tu Giới, Định, Huệ,*

*Dứt sạch tham, sân, si.)*

Sau khi xuất gia, quý vị không nên "siêng tu tham, sân, si; dứt sạch Giới, Định, Huệ." Nếu quý vị càng ngày càng không có trí huệ, càng ngày càng thêm ngu si, thì đó gọi là "siêng tu làm sao tham, siêng tu làm sao sân và siêng tu làm sao si!" Rồi hằng ngày, tham sân si thì không dứt bỏ được, mà Giới, Định, Huệ cũng chẳng chút tiến triển. Dần dần, quý vị không còn để tâm nghiên cứu xem mình cần phải tu hành như thế nào, phải trì Giới, tu Định, tu Huệ ra làm sao nữa; và những phiền não trong lòng quý vị cứ càng ngày càng gia tăng.

Vì sao lại ra nông nổi như vậy? Đó là vì nghiệp chướng từ các đời trước của quý vị quá nặng nề. Các nghiệp báo quá nặng nề ấy đeo đuổi theo quý vị, xúi giục quý vị đừng phát Bồ-đề tâm, và xui khiến quý vị cứ xoi mói cái sai của kẻ khác! Từ sáng đến tối, quý vị cảm thấy mình là giỏi giang hơn ai hết, thậm chí còn tài ba lỗi lạc hơn cả thầy của mình nữa: "Thầy tôi không sánh kịp tôi đâu! Quý vị xem, tôi có biết bao là bản-lãnh. Có thể nói rằng trên trời, dưới trời, chỉ độc nhất mình tôi là tôn quý mà thôi!" Những kẻ có quan điểm như thế chắc chắn sẽ đọa lạc!

Đã nhiều phen tôi trông thấy trong chúng xuất gia của chúng ta ở đây, có người ngay cả chắp tay mà cũng không biết chắp sao cho đúng - chỉ úp hai bàn tay lại với nhau một cách lộn xộn, tùy tiện. Chắp tay thì phải chắp trước ngực, đảnh này quý vị lại chắp tay trước mắt! Khi chắp tay, mười ngón tay đều phải chụm sát vào nhau, và để ngay ngắn đảnh trước ngực; chứ chẳng có ai chắp tay như kiểu của quý vị cả! Xuất gia đã bao nhiêu năm mà ngay cả chắp tay cũng không biết cách chắp, lạy Phật cũng không biết cách lạy, thắp nén nhang cũng không biết cách thắp, thì chao ôi, thật là đáng thương lắm thay! Nếu tự mình không biết thì phải chú ý nhìn xem những người đã tu hành lâu năm, coi cách thức họ chắp tay như thế nào mà học theo đó cho đúng chứ!

Khi giảng Sa-Di Luật-Nghi, tôi có dặn quý vị là đừng thọc ngón tay vào lỗ mũi. Tại sao lại có chuyện đó được? Là vì quý vị chắp tay mà chắp quá cao, cho nên đầu ngón tay mới đụng phải mũi! Chắp tay thì phải chắp ở ngang tầm ngực, chứ không phải ngang miệng, không phải ngang mũi, và cũng chẳng phải ngang mắt. Chắp tay thì phải chắp ngay ngắn ở trước ngực! Nếu chỉ một việc nhỏ nhặt như vậy mà cũng không hiểu rõ, thì làm sao tu Đạo cho được chứ! Nếu cứ theo chiều hướng ấy, thì quý vị càng tu Đạo chỉ càng không hiểu Đạo mà thôi! Tu Đạo thì dứt khoát không được bê bối, không được cầu thả; bởi hễ sơ xuất một chút là chẳng thể thành công, hễ "sai một ly là đi một dặm" ngay!

"Họ, các vị Sa-Môn, thường xuyên hành trì 250 giới."  
"Thường xuyên hành trì" có nghĩa là các ngài luôn luôn tu

hành đúng theo giới luật và không hề phạm giới. Nhờ vậy, sở học về giới luật của họ được tăng trưởng.

"Tiến chỉ thanh tịnh" "Tiến" là hướng về phía trước mà làm; và "chỉ" là đình chỉ, ngừng lại. Bất luận quý vị đang làm hay không làm gì cả, bất luận là trong lúc động hay tĩnh, quý vị cũng phải thanh tịnh, trong sạch, chẳng có chút nhiễm ô, nhớ bợn.

"Tu hành bốn đạo-hạnh chân chánh." "Bốn đạo-hạnh chân chánh" chính là Pháp Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Các vị Sa-Môn đều siêng năng tu học Pháp Tứ-Đế.

"Nên được thành bậc A-la-hán, chứng được Thánh-quả."

"A-la-hán" là tiếng Phạn, và có ba nghĩa. Vì chứa đựng tới ba nghĩa nên từ ngữ này được xếp vào loại "đa hàm bất phiên" (từ ngữ bao hàm nhiều nghĩa thì không phiên dịch); và do đó vẫn giữ nguyên lối phát âm theo tiếng Phạn là "A-la-hán (Arhat)." Trường hợp giữ lại âm tiếng Phạn này gọi là "phiên tự bất phiên âm" (dịch chữ, không dịch âm) - tức là chữ thì dịch nghĩa sang Hán-văn, còn âm thì vẫn giữ theo cách phát âm của Phạn ngữ.

"A-la-hán" có ba nghĩa là Sát-tặc, Ứng-cúng và Vô-sanh.

1. **Sát-tặc** (kẻ giết giặc). Bậc A-la-hán rất lợi hại, hễ nơi nào có giặc cướp thì các Ngài liền tìm đến tận nơi để tiêu diệt bọn chúng. Song, như thế chẳng phải là các Ngài đã phạm giới sao? Không phải! Bởi vì "sát-tặc" ở đây không phải là giết những tên giặc ở ngoài, mà giết bọn giặc phiền



não ở bên trong! Tại sao lại có bọn giặc ở bên ngoài? Là vì có bọn giặc phiền não, có bọn giặc tham sân si chực sẵn ở bên trong! Tâm tham là một tên giặc, tâm sân là một tên giặc, và tâm si cũng là một tên giặc - đó là những tên giặc cần phải bị tiêu diệt. Vậy, nghĩa thứ nhất của từ A-la-hán là "sát-tặc."

2. **Ứng-cúng.** "Ứng cúng" nghĩa là xứng đáng để thọ nhận sự cúng dường của trời và người. Bậc A-la-hán đã chứng quả vị chính là một đấng Thánh-nhân đã khai ngộ. Người nào cúng dường cho một bậc A-la-hán, thì sẽ được vô lượng vô biên phước báo, không có cách gì tính đếm cho xuể!

Tỳ-khưu là nhân mà A-la-hán là quả. Làm Tỳ-khưu tức là gieo cái nhân thành A-la-hán, và thành A-la-hán là kết quả của việc đã làm Tỳ-khưu. Do đó, khi là Tỳ-khưu ở nhân địa, thầy Tỳ-khưu trồng nhân là Phá-ác thì sẽ được quả là Sát-tặc, nhân là Khất-sĩ thì quả là Ứng-cúng, và nhân là Bồ-ma thì quả là Vô-sanh.

3. **Vô-sanh.** Thế nào gọi là "Vô-sanh" tức là "liễu sanh tử," có nghĩa là sự sanh tử đã kết thúc, không còn cái khổ của sự sanh ra và chết đi nữa. Tuy nhiên, sự sanh tử mà các bậc A-la-hán dứt được là Phần-đoạn Sanh tử, còn Biến-dịch Sanh tử thì các ngài vẫn chưa dứt được, do đó các ngài chỉ thành A-la-hán mà thôi.

Các bậc Sa-Môn hành trì 250 giới của Tỳ-khưu (hoặc 348 giới của Tỳ-khưu ni) tức là làm cho sự học hỏi về Giới của họ được thành tựu, giữ gìn sự thanh tịnh trong mọi việc, mọi lúc, tức là làm cho sự học hỏi về Định được thành tựu,

và tu tập bốn đạo-hạnh chân chánh tức là làm cho sự học hỏi về Huệ được thành tựu. Khi việc tu học Giới Định Huệ được viên mãn, thì tham, sân, si cũng bị trừ sạch. Dứt sạch tham, sân, si, thì chứng được quả vị A-la-hán.

Quả vị A-la-hán có tất cả bốn bậc; đó là Sơ quả A-la-hán, Nhị quả A-la-hán, Tam quả A-la-hán và Tứ quả A-la-hán. Phải chứng được Tứ quả A-la-hán thì mới chính thức chấm dứt sanh tử!

**Hán Văn: "A-la-hán giả, năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trú động thiên địa."**

**Dịch Nghĩa: "Các bậc A-la-hán đều có thể phi hành, biến hóa, có thọ mạng lâu dài tới cả khoáng kiếp và làm động trời đất nơi họ an trụ."**

Lược giảng:

"Các bậc A-la-hán có thể phi hành, biến hóa." Thế nào gọi là "A-la-hán"? Vừa rồi, chúng ta nói đến Tứ quả A-la-hán. Chứng đắc được quả vị thứ tư trong hàng A-la-hán tức là ở vào vị trí không cần phải học nữa, nên gọi là Vô-học-vị. Riêng các bậc A-la-hán từ Sơ-quả đến Tam-quả thì đều ở vị trí còn phải học hỏi thêm, gọi là Hữu-học-vị. Tứ-quả A-la-hán còn được gọi là Chứng-Đạo-vị, tức là vị trí đắc Đạo; Nhị-quả và Tam quả thì đều được gọi là Tu-Đạo-vị, tức là

vị trí đang còn tu Đạo; và Sơ-quả thì được gọi là Kiến-Đạo-vị, vị trí thấy được Đạo.

Phần sau của Kinh Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương này có dạy rằng:

*"Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín."*

(Hãy thận trọng, chớ tin nơi ý nghĩ của ông; ý nghĩ của ông chẳng thể tin được.)

Quý vị cần phải đặc biệt lưu tâm, đừng nên tin tưởng ý niệm của mình. Mọi ý niệm của quý vị đều không đáng tin cậy! Phải chứng được quả A-la-hán rồi, thì mới tin được ý mình. Chỉ khi nào quý vị chứng được quả vị thứ tư của hàng A-la-hán, bấy giờ, quý vị mới có thể tin tưởng ở ý niệm của chính mình được. Bậc Thánh nhân đã chứng đắc Tứ-quả A-la-hán thì không còn ái dục - các ngài đều đã cắt được lòng tham ái và lòng tham dục.

Căn cứ vào đâu để biết được đó là một bậc Thánh nhân đã chứng đắc quả vị thứ tư của hàng A-la-hán? Khi bậc Thánh nhân hàng Tứ-quả bước đi, chân không hề chạm đất - bàn chân ngài thường ở cách mặt đất khoảng ba phân, vì như thế mới khỏi giẫm chết các côn trùng hoặc kiến. Ngài chẳng phải như phàm phu chúng ta, thường đạp chết côn trùng và kiến trên lối đi. Ngài không hề giẫm lên trùng và kiến ở dưới chân; điều này chứng minh rằng ngài đã chứng Thánh quả! Không những bậc Thánh nhân ở hàng Tứ-quả, mà ngay cả các bậc ở hàng Sơ-quả cũng có được khả năng ấy; cho nên trong Kinh mới dạy rằng: "Các bậc A-la-hán đều có

thể phi hành, biến hóa." Các bậc Tứ-quả A-la-hán muốn đến nơi nào là có thể đến ngay nơi đó, và các ngài đều có khả năng biến hóa khôn lường.

Lúc ở Đài Loan, tôi có viếng thăm ngài Quảng-Khâm, một vị sư tu hành đã lâu năm. Khi tôi tỏ ý mời ngài sang Mỹ, thì ngài chỉ vào ngực mình và nói rằng ngài có thể đến bất cứ lúc nào ngài muốn! Ngài muốn đến là đến được; và ngài tự biết mình có đến, chứ người khác thì vẫn không hay biết gì cả. Chỉ những người đã khai nhãn mới có thể thấy được là ngài có đến mà thôi.

Các bậc Tứ-quả A-la-hán không những chỉ có khả năng chuyển dịch tinh thần mà còn có thể chuyển dịch cả nhục thể của các ngài đến bất cứ nơi nào tùy ý nữa. Các ngài không cần mua vé máy bay, mà chỉ du hành trong không trung; cho nên nói: "Có thể phi hành, biến hóa." Các bậc A-la-hán có mười tám phép biến hóa, và những phép biến hóa ấy đều bất khả tư nghì.

"Có thọ mạng lâu dài tới cả khoáng kiếp." "Khoáng kiếp" tức là trường-viễn-kiếp, và cũng là vô-lượng-kiếp; nghĩa là quãng thời gian lâu xa, không thể nào tính đếm được. Các bậc Tứ-quả A-la-hán muốn sống bao nhiêu lâu cũng được, không trở ngại gì cả. Khi thân thể này hư hoại, già nua cằn cỗi, thì các ngài có thể đổi lấy một thân thể khác. Vì các ngài có thể thay đổi thân thể một cách rất dễ dàng, cho nên nói rằng các ngài "có thọ mạng lâu dài tới cả khoáng kiếp."

Các Thánh nhân chứng đắc Tứ-quả A-la-hán đều đạt được sự tự do về vấn đề sanh tử. Các ngài thật sự được tự do - muốn sống, thì cứ tiếp tục sống; muốn chết, thì bất cứ lúc nào cũng có thể chết được. Các ngài muốn chết đứng, thì đứng mà chết; muốn chết ngồi, thì ngồi mà chết; muốn chết khi đang đi, thì chết khi đang đi; muốn chết trong lúc ngủ, thì chết trong lúc ngủ! Các ngài rất tự do, không ai có thể cai quản được cả. Chính vì thế mà nói là các ngài "có thọ mạng lâu dài tới khoáng kiếp" và được gọi là bậc "Vô-sanh" - không sanh ra mà cũng chẳng chết đi!

"Và làm động trời đất nơi họ an trụ." Các bậc A-la-hán trú ngụ ở nơi nào, thì Thiên-thần và Địa-thần đều sanh lòng cảm động, và đều thọ nhận sự giáo hóa của các ngài; đó là ý nghĩa của câu "trụ động thiên-địa - làm rung động trời đất nơi các ngài an trụ." Nơi nào các ngài an trụ cũng đều có Trời, Rồng, cùng Tám bộ chúng thường xuyên lui tới hộ pháp. Hễ nơi nào có một bậc A-la-hán an trụ, thì nơi đó rất bình yên, không hề có các loại tai nạn như gió lốc, gió xoáy, mưa bão, động đất, vỡ đê, sóng thần...xảy ra. Đó là vì các Thiện-thần và các vị Hộ-pháp luôn luôn ủng hộ bậc A-la-hán làm cho mọi việc có liên quan đến ngài đều được may mắn, thuận lợi.

Tuy nhiên, lắm lúc các bậc A-la-hán cũng gặp phải chuyện không may. Đó chính là "nghiệp-cảm sở hiện" - sự ứng hiện của những nghiệp chướng mà các ngài đã gây ra trong đời quá khứ. Thịnh thoảng những tình cảnh như thế cũng có xảy ra. Bởi vì nếu sự tu hành ở nhân-địa không được viên

mãn, thì lúc ở quả-địa sẽ phải chịu đựng nhiều khó khăn, gian khổ. Cho nên nói rằng:

*Tu phúc bất tu huệ, tượng thân quả anh lạc,*

*Tu huệ bất tu phúc, La-hán ứng cúng bực.*

(Tu phước mà không tu huệ, thì cũng như thân voi đeo chuỗi ngọc;

Tu huệ mà không tu phước, thì chẳng khác nào vị La-hán ít được cúng dường.)

Có nhiều khi các bậc A-la-hán cũng không có cơm ăn, đi hóa duyên khát thực mà chẳng ai cúng dường cả! Đó là vì lúc ở nhân-địa các ngài chỉ biết tu huệ chứ không biết tu phước, nên sau khi chứng được quả vị A-la-hán, các ngài không có phước báo, rất ít người cúng dường các ngài!

Câu "Trụ động thiên địa" cũng có thể được giải thích theo cách khác: Bất luận bậc A-la-hán làm gì, nhất cử nhất động của các ngài cũng đều làm cho trời đất bị chấn động, rung chuyển!

Trên đây là phần giải thích vắn tắt của từ ngữ "A-la-hán."

Kinh Văn:

Hán Văn: **"Thứ vi A-na-hàm. A-na-hàm giả, thọ chung linh thần thượng thập cửu thiên, chứng A-la-hán."**

Dịch Nghĩa: **"Thứ đến là A-na-hàm. Khi bậc A-na-hàm mạng chung, linh-thần sẽ lên trên cõi thứ mười chín, và chứng được quả-vị A-la-hán."**

Lược giảng:

"Thứ đến là A-na-hàm." Vị trí mà bậc Tứ-quả A-la-hán chứng đắc là Vô-học vị (không học nữa); còn bậc Tam-quả A-na-hàm (Anagamin), bậc Thánh nhân chứng được quả vị thứ ba, thì vẫn còn ở vị trí Hữu học (còn phải học hỏi thêm). Bậc Nhị-quả Tư-đà-hàm đã đoạn trừ sáu phẩm tư-hoặc đầu của cõi Dục-giới, và vẫn còn phải tiếp tục đoạn trừ nốt ba phẩm tư-hoặc cuối nữa. Một khi đã đoạn trừ đi ba phẩm tư-hoặc cuối ấy, ngài sẽ đắc Tam-quả A-la-hán, thành bậc A-na-hàm. Bậc Thánh nhân chưa đoạn trừ được ba phẩm tư-hoặc cuối ấy, được gọi là Tư-đà-hàm.

"Khi bậc A-na-hàm mạng chung, linh-thần sẽ lên trên cõi trời thứ mười chín, và sẽ chứng được quả-vị A-la-hán." Linh thần này, nếu làm quý, tức là thuộc âm thì gọi là thân trung-ấm; còn nếu thuộc dương, thì gọi là linh-thần, linh-hồn, hoặc linh-tánh. Vì bậc A-na-hàm chưa chấm dứt được sanh tử, do đó, khi thọ mạng của ngài chấm dứt, linh thần của ngài sẽ thăng lên trên cõi trời thứ mười chín.

Từ cõi trời Tứ-thiên-vương đếm trở lên cho tới Vô-phiền-thiên; thì cõi trời Vô-phiền này là ở phía trên cõi trời thứ mười chín. Trên cõi trời thứ mười chín, bậc A-na-hàm sẽ chứng đắc quả-vị A-la-hán. Do đó, tên của ngài có nghĩa là

"bất lai" (không trở lại). Ngài không còn trở lại cõi nhân-gian nữa! Đó là nói về vị A-na-hàm, bậc Thánh nhân chứng đắc quả vị thứ ba của hàng A-la-hán.

Vừa rồi, khi nghe nói là nơi nào có bậc A-la-hán an trụ thì nơi đó không có tai nạn, thì có nhiều người sanh lòng hoài nghi - họ nghi ngờ rằng nơi bậc A-la-hán an trụ có thể không được thanh bình, yên ổn! Tôi không giải đáp nghi vấn này cho quý vị; song, bây giờ tôi sẽ thuật lại một vài sự cảm ứng xảy ra trong cuộc đời của Lão Hòa-Thượng Hư-Vân tại nước Trung Hoa.

Có lần, trong thời kỳ chiến tranh Trung-Nhật, khi Lão Hòa-Thượng Hư-Vân ở tại Chùa Nam Hoa (gần tỉnh Quảng-Đông), quân đội Nhật cho oanh tạc phi cơ dội bom khu vực ấy. Họ thả xuống mấy quả bom nhưng không có quả nào phát nổ cả!

Có người cho rằng đó chẳng qua chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên; song, nếu là tình cờ thì người khác cũng phải được gặp sự tình cờ ấy chứ! Nếu sự tình cờ không xảy đến cho quý vị, thì thế là thế nào? Còn nếu nói rằng "tình cờ" nghĩa là gặp phải lúc Nhật ném nhằm loạt bom không nổ, thế thì tại sao người khác lại không gặp được sự tình cờ như vậy! Tại sao sự tình cờ ấy chỉ xảy ra ở Chùa Nam Hoa mà thôi?

Một lần khác, khi Lão Hòa-Thượng Hư-Vân đang truyền Giới tại Chùa Vân-Thê ở tỉnh Vân-Nam, thì cây cối nơi ấy đều trở hoa sen. Vì sao ở những nơi ngài không đến thì lại không có hiện tượng hoa sen nở rộ trên cây như thế? Chẳng những



thế, trên các lá cây, lá rau mọc ở nơi đó đều có hiện lên hình tượng của Phật. Tuy nhiên, người đời vẫn không nhận biết được sức cảm ứng mạnh mẽ ấy, và vẫn cứ cho rằng đó chẳng qua chỉ là những điềm lành nhất thời mà thôi!

Lại nữa, khi Lão Hòa-Thượng Hư-Vân ở Chùa Nam-Hoa, có một cây bách chết đã mấy trăm năm bỗngưng bừng sống trở lại và đâm chồi nảy lộc rất tươi tốt. Đó quả là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, tương tự như trường hợp con chồn trắng (bach-hồ-ly) đến xin quy-y với ngài vậy.

Tất cả sự kiện này đều là những trường hợp bất khả tư nghì. Có điều, ngay lúc sự việc xảy ra thì người ta vẫn chưa nhận thức được vấn đề cho lắm; đợi đến khi Lão Hòa-Thượng Hư-Vân viên tịch rồi, thì ai nấy đều tán tụng, nói rằng Lão Hòa-Thượng là bậc Thánh nhân đã chứng quả, là đấng Bồ-tát tái thế! Chao ôi! Người đời là như thế cả - khi sờ sờ trước mắt thì để cho vuột mất; vuột mất rồi thì lại hối tiếc, ăn năn. Con người quả là những sinh vật ngu si, kỳ quặc!

Hiện nay, tại nước Mỹ, tôi muốn đào tạo nên những vị Phật sống, Bồ-tát sống, A-la-hán sống, cũng như A-na-hàm, Tu-đà-hàm và Tư-đà-hoàn. Người nào có thể dứt trừ lòng tham ái, thì người ấy sẽ có phần. Người nào không thể đoạn trừ lòng tham dục và tham ái - những kẻ chẳng có chút triển vọng nào cả - thì tôi cũng hết cách, không giúp đỡ gì được. "Tất cả đều do tâm tạo." - quý vị muốn làm quý thì làm quý, muốn làm Phật thì làm Phật, muốn làm người thì làm người, muốn làm súc sanh thì làm súc sanh - mọi sự đều

tùy thuộc vào con đường mà tâm trí quý vị muốn hướng tới!

Quý vị chớ xem thường quyển Thập Pháp Giới Bất Ly Nhất Niệm Tâm (Mười Pháp-Giới Không Ngoài Một Niệm Tâm)! Trong tương lai, chừng một ngàn năm sau, có thể sẽ có rất nhiều người nhờ xem quyển sách này mà được khai ngộ! Đó là chuyện của tương lai. Hiện tại, vẫn chưa biết được sẽ có ai khai ngộ hay không!

Kinh Văn:

Hán Văn: **"Thứ vi Tư-đà-hàm. Tư-đà-hàm giả, nhất thượng nhất hoàn, tức đặc A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh, tiện chứng A-la-hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi."**

Dịch Nghĩa: **"Thấp hơn Tư-đà-hàm. Bạc Tư-đà-hàm còn một lần lên và một lần trở lại nữa là đặc quả A-la-hán. Thấp nữa là Tu-đà-hoàn. Bạc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sanh và bảy lần tử nữa mới chứng được quả vị A-la-hán. Đoạn trừ ái dục thì cũng như chặt đứt tứ chi, không còn dùng lại nữa."**

Lược giảng:

"Thấp hơn là Tư-đà-hàm." Bậc Thánh nhân thuộc hàng Nhị-quả được gọi là Tư-đà-hàm. "Tư-đà-hàm" (Sakridagamin) là tiếng Phạn và có nghĩa là "nhất lai" (một lần trở lại). Đây là bậc Thánh nhân ở vị trí Tu-Đạo. "Bậc Tư-đà-hàm còn một lần lên và một lần trở lại nữa là đắc quả A-la-hán." Thế nào gọi là "nhất lai"? Bởi bậc Tư-đà-hàm còn đến cõi trời một lần, và đến cõi người một lần nữa mà thôi. Do đó mà cũng gọi là "nhất thượng, nhất hoàn" - một lần lên cõi trời và một lần trở lại chốn nhân gian.

Bậc Tư-đà-hàm đã đoạn trừ được sáu phẩm tư-hoặc của cõi Dục-giới. Thế nào gọi là "tư-hoặc"? "Tư" là tư tưởng, ý nghĩ; và cũng là sự phân biệt. Nếu chỉ đơn thuần một cái "tư" mà thôi, không có chữ "hoặc" kèm theo, thì tư tưởng ấy cũng có thanh tịnh, trong sạch. Một khi quý vị dùng trí huệ để phân biệt, thì không gọi là tư-hoặc.

"Tư-hoặc" tức là mê muội rồi, không còn tinh táo, sáng suốt nữa. Do không sáng suốt, nên cứ nghĩ về những sự việc không rõ ràng, minh bạch. Cũng giống như tánh biến-kế-chấp vậy. Thí dụ, ban đêm quý vị trông thấy mẩu dây thừng, nhưng vì không nhận ra nên quý vị nghĩ rằng: "Ôi! Đó là con rắn!" - đây gọi là tánh biến-kế-chấp. Tại sao quý vị lại tưởng sợi dây là con rắn? Bởi vì quý vị dựa vào hình thù của sợi dây mà nảy sanh tánh biến-kế-chấp. Sợi dây tức là tánh y-tha-khởi. Khi quý vị quan sát kỹ lưỡng và biết được rằng đó vốn là sợi dây được làm từ cây gai chứ không phải là con rắn, thì đây là tánh viên-thành-thực.

Cõi Dục-giới có chín phẩm Tư-hoặc. Bạc Nhị-quả chỉ mới đoạn trừ được sáu phẩm tư-hoặc đầu. Bạc Tam-quả thì đã đoạn trừ xong ba phẩm tư-hoặc còn lại. Đoạn trừ được sáu phẩm tư-hoặc đầu của Dục-giới thì đắc Nhị-quả A-la-hán; nếu không đoạn trừ sáu phẩm tư-hoặc này thì không chứng được Nhị-quả.

Như vậy, bậc Tư-đà-hàm còn đến Dục-giới-thiên một lần và trở lại chốn nhân-gian một lần nữa; do đó ngài được gọi là bậc Nhất-lai. Sau một lần trở lại ấy, ngài chứng đắc quả-vị A-la-hán, chấm dứt sanh tử.

"Thấp nữa là Tu-đà-hoàn." Bạc Tu-đà-hoàn là Thánh nhân chứng được Sơ-quả, quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán. "Tu-đà-hoàn" (Srotaapanna) là tiếng Phạn và có nghĩa là Nhập-lưu (vào dòng), Dự-lưu (tham dự vào dòng), hoặc Nghịch-lưu (ngược dòng). "Nhập-lưu" tức là "nhập Thánh nhân Pháp-tánh lưu" - gia nhập dòng Pháp-tánh của Thánh nhân. "Nghịch-lưu" nghĩa là "nghịch phàm phu Lục-trần-lưu" - đi ngược lại dòng Lục-trần của phàm phu. Lục-trần là hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị, cảm xúc và pháp.

Chứng được Sơ-quả tức là đã đoạn trừ được kiến-hoặc. Chúng ta đều có kiến-hoặc và tư-hoặc - đều bị mê hoặc bởi cái thấy (kiến) cũng như bởi ý nghĩ (tư). Chính hai thứ "hoặc" (u mê) này chi phối con người đến nỗi trở nên hồ đồ, mê muội. Vì thế, nếu muốn chân chánh khai-ngộ thì phải đoạn trừ hai thứ "hoặc" này - kiến hoặc phải được đoạn dứt và tư-hoặc cũng phải được trừ khử! Thế nào gọi là "kiến-hoặc"? "Kiến-hoặc" có nghĩa là "đối cảnh khởi tham

ái" - hẳn trông thấy sự vật thì sanh lòng ham muốn và yêu thích. "Tư-hoặc" có nghĩa là "mê lý khởi phân biệt" - bị mê mờ, không hiểu đạo lý, nên nảy sanh lòng phân biệt.

"Kiến" có nghĩa là nhìn thấy, trông thấy. Quý vị trông thấy sự vật và bị chúng mê hoặc, cám dỗ. Vì bị mê hoặc nên quý vị chạy theo cảnh giới, bị cảnh giới lay chuyển. Do bị giao động bởi cảnh giới nên quý vị sanh lòng tham lam và yêu thích. Có lòng tham tất sẽ có sự chấp-trước, và có lòng yêu thích thì sẽ không thể buông bỏ. Vì chấp-trước và không thể buông bỏ, nên quý vị không thể chứng được Thánh quả. Nếu quý vị muốn chứng được Thánh quả, thì cần phải đoạn trừ kiến-hoặc! Có bao nhiêu phẩm kiến-hoặc? Có tám mươi tám phẩm! Nếu đoạn dứt được tám mươi tám phẩm kiến-hoặc này, thì sẽ chứng được quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán và trở thành bậc Tu-đà-hoàn. Bậc Tu-đà-hoàn là Thánh nhân Sơ-quả.

Thế nào gọi là "Dự-lưu"? "Dự" tức là tham dự, tham gia, và cũng ngụ ý "đạt được." Do đó, "Dự-lưu" có nghĩa là được tham dự dòng Thánh, được gia nhập hàng ngũ của các bậc Thánh nhân.

"Bậc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sanh và bảy lần tử nữa mới chứng được quả A-la-hán." Bậc Thánh nhân đã chứng được Sơ-quả còn phải trải qua bảy lần sanh ra và bảy lần chết đi - bảy phiên sanh tử nữa. Sau khi đã trải qua bảy phiên sanh tử ấy, các ngài sẽ đắc Tứ-quả A-la-hán và chấm dứt sanh tử.

Bảy phiên sanh tử được phân ra như sau:

-Tại phẩm thượng-thượng của Dục-giới, bậc Tư-đà-hoàn nhậm vận đoạn trừ tham, sân, si, mạn; và ngài phải trải qua hai phiên sanh tử mới đoạn trừ xong.

-Tại phẩm thượng-trung của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại phẩm thượng-hạ của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại phẩm trung-thượng của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại các phẩm trung-trung và trung-hạ của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử;

-Tại các phẩm hạ-thượng, hạ-trung và hạ-hạ của Dục-giới, ngài trải qua một phiên sanh tử.

Như vậy tổng cộng là bảy phiên sanh tử. Sau khi trải qua bảy lần sanh ra và bảy lần chết đi như thế, bậc Tu-đà-hoàn mới có thể chứng đắc quả vị A-la-hán. Chứng được quả vị A-la-hán là chấm dứt Phần-đoạn sanh tử.

Trình tự trên đây là dựa theo những lý lẽ rất tự nhiên mà liệt kê thôi. Gặp trường hợp cá biệt, như kẻ tu hành là những người đặc biệt, thì không nhất định. Những người có căn-khí đặc biệt mà tu hành thì họ có thể từ Sơ-quả trực tiếp chứng được Tứ-quả A-la-hán. Trường hợp của thân-mẫu ngài Cưu-Ma-La-Thập là từ Sơ-quả mà chứng đắc Tam-quả A-la-hán. Cho nên, trình tự chứng quả vị không phải là cố định.

Tuy rằng kiến-hoặc và tư-hoặc trong Tam-giới có nhiều phẩm, nhiều loại như thế, nhưng nói tóm lại thì cái làm cho con người điên đảo nhất chính là lòng ham mê ái dục! Ái tình và dục vọng chi phối con người đến nỗi ai nấy đều thành ra điên đảo, mê muội - biết rõ là sai mà vẫn muốn theo, còn biết chắc chắn là đúng thì lại phản kháng, chẳng chịu làm theo! Con người là những sinh vật hết sức kỳ quái - biết rõ rằng đó là việc không tốt, mà cứ nhất định làm cho bằng được, mặc dù đã được khuyên can và chẳng bị sai khiến; còn biết rõ đó là việc tốt, thì lại khẳng khẳng không chịu làm mặc dù có người bảo làm. Nói chung là không bao giờ chịu nghe lời! Vì sao ư? Vì bị hai chữ "ái" và "dục" chi phối và làm cho điên đảo đảo!

"Đoạn trừ ái dục thì cũng như chặt đứt tứ chi, không còn dùng lại nữa." Nếu có thể dứt trừ lòng tham ái và lòng tham dục, thì nhất định sẽ thành tựu được Đạo quả! Đoạn trừ lòng tham ái và tham dục thì cũng giống như chặt đứt cả hai tay và hai chân vậy - một khi tứ chi đã lìa khỏi cơ thể thì chẳng thể nào còn dùng lại được nữa. Lòng ham mê ái dục một khi đã dứt bỏ rồi thì cũng phải y hệt như tay chân đã bị chặt đứt vậy - tuyệt đối không dùng lại nữa! Quý vị cần phải có một quyết tâm dứt khoát như thế; chớ nên chần chừ, tìm cách trì hoãn hoặc tránh né vẫn đề; bằng không, thế nào quý vị cũng gặp phải sự rắc rối!

Nếu quý vị cứ phân vân - muốn đoạn trừ ái dục rồi lại lưỡng lự, không muốn tiến hành; không muốn đoạn trừ ái dục rồi lại ngần ngừ, muốn đoạn trừ - như thế gọi là "nhân nhu quả đoán," nghĩa là nhu nhược, thiếu cương quyết, không

có tánh quyết đoán. Người có tánh "nhân nhu quả đoán" là người không có trí huệ chân chánh; cho nên, đến lúc cần có sự dứt khoát thì họ lại do dự, không quyết định được! Có nhiều người đối với bất cứ chuyện gì cũng dùng dằng dặt tới tụt lui, hết nghĩ thế này lại nghĩ thế khác, hết muốn thế nọ lại muốn thế kia, không có một chút chủ ý hay tôn chỉ nào rõ rệt cả! Như thế thì rất là không tương ứng với việc tu Đạo, chẳng ích lợi gì cho sự tu hành cả!

Người tu Đạo cần phải có chí khí "đầu đội trời, chân đạp đất" và phải mang một quyết tâm như "chém đinh chặt sắt"; có như thế thì mới tu Đạo được!

## Chương 2

### **Đoạn Dục Tuyệt Cầu**

(Trừ Dục Vọng, Dứt Mong Cầu)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Xuất gia Sa-môn giả, đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ Vô-vi pháp. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ Đạo, diệc bất kết nghiệp. Vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối. Danh chi vi Đạo."**



**Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: "Những người xuất gia làm Sa-môn đoạn dục, khử ái, nhận biết nguồn tâm của mình, thông đạt đạo lý thâm sâu của Phật và tỏ ngộ pháp Vô-vi. Họ trong không sở đắc, ngoài không sở cầu; tâm không ràng buộc nơi Đạo, và cũng chẳng kết nên nghiệp. Họ không nghĩ họ làm, chẳng tu chẳng chứng, không trải qua các quả-vị mà tự nhiên lại cao tột bậc. Đó gọi là Đạo!"**

Lược giảng:

Đây là chương thứ hai. Chương này nói rằng các quả-vị mà bậc Sa-môn chứng đắc đều là "vô tu, vô chứng."

Đức Phật dạy: "Những người xuất gia làm Sa-môn, đoạn dục khử ái!" Những người muốn thoát khỏi ngôi nhà Tam-giới và trở thành bậc Sa-môn, cần phải làm gì? Cần phải bỏ lòng tham dục! Trong chương trước có nói rằng: "Đoạn trừ ái dục thì cũng như chặt đứt tứ chi, không còn dùng lại nữa."

Bấy giờ, khi lòng ham mê ái dục không còn nữa, các bậc Sa-môn sẽ "nhận biết nguồn tâm của mình," thấu rõ được bản-thể của tự tâm.

"Thông đạt đạo lý thâm sâu của Phật, và tỏ ngộ Pháp Vô-vi." Các bậc Sa-môn hiểu thấu đáo những đạo lý thâm áo nhất của Phật; và đó chính là Pháp Vô-vi - không làm mà chẳng phải là không làm (vô vi nhi vô bất vi).

"Họ trong không sở đắc." Về mặt nội tâm, các bậc Sa-môn không thấy có cái gì để đạt được - "vô trí diệc vô đắc" (cái "trí" cũng không có và cái "đạt được" cũng không hiện hữu). "Ngoài không sở cầu." Đối với ngoại cảnh, ngoại vật, thì các ngài chẳng có mong cầu gì cả. "Trong không sở đắc" tức là Pháp Vô-vi, mà "ngoài không sở cầu" cũng là Vô-vi Pháp! Có câu:

Tri sự thiếu thời phiền não thiếu,

Đáo vô cầu xứ tiện vô ưu!

*(Sự đời biết ít, phiền não ít,*

*Đạt đến "không cầu" tất hết lo!)*

Đạt đến cảnh giới "trong không sở đắc, ngoài không sở cầu," thì "tâm không ràng buộc nơi Đạo" nữa. Bây giờ, các ngài không nhất thiết phải luôn luôn tự nhủ là mình cần phải tu Đạo; song lúc nào các ngài cũng dụng công tu hành và "cũng chẳng kết nên nghiệp." Các ngài không hề tạo nghiệp, tuyệt đối không hề tạo nghiệp, tuyệt đối không hề gây ra các nghiệp dữ.

"Họ không nghĩ, không làm." Lúc này, bậc Sa-môn không còn bất cứ vọng niệm nào cả, mà chỉ có thuần một thứ chánh niệm mà thôi. Bởi ngay cả một vọng niệm cũng không còn, nên gọi là "không nghĩ", và vì một hành vi giả dối là nhỏ nhặt cũng chẳng có, nên gọi là "không làm."

"Chẳng tu, chẳng chứng." Bây giờ, những việc cần làm các ngài đều đã làm xong, mức độ tu hành của các ngài đã đến

cực điểm; cho nên, các ngài không còn gì để tu học nữa, do đó gọi là "chẳng tu." Các ngài đã đạt được bốn-thể của Đạo, đã chứng đắc quả-vị, nên không cần phải chứng đắc lại nữa; vì thế gọi là "chẳng chứng."

"Không trải qua các quả-vị mà tự nhiên lại được tôn sùng tốt bậc." Các bậc Sa-môn không nhất thiết phải tuần tự trải qua những quả vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng, Thập Địa. Các ngài hoát nhiên vượt qua hết thảy, và quả-vị họ đạt được lại cao cả nhất.

Đó gọi là gì? "Đó gọi là Đạo." Một vị Sa-môn đắc Đạo là như thế!

### Chương 3

## **Cắt Ái Khứ Tham**

(Cắt Đứt Ái Dục, Xả Bỏ Lòng Tham)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Thế trừ tu phát, nhi vi Sa-môn, thọ Đạo Pháp giả, khứ thế tư tài, khất câu thủ túc, nhật trung nhất thực, thọ hạ nhất túc, thận vật tái hỷ! Sử nhân ngu tế giả, ái dữ dục dã."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Những vị cạo bỏ râu tóc làm bậc Sa-môn, thọ nhận Đạo Pháp, từ bỏ của cải**

**thế gian, khất thực chỉ nhận đủ dùng, giữa ngày ăn một bữa, dưới cội cây nghỉ một đêm, và thận trọng, không cầu mong nhiều hơn. Chính ái dục làm cho con người bị ngu tế vậy!"**

Lược giảng:

Đây là chương thứ ba trong số bốn mươi hai chương; đại ý ca ngợi hạnh Đầu-đà thù thắng. Nếu quý vị có thể thực hành hạnh Đầu-đà thù thắng này, thì quý vị có thể chứng được Đạo-quả.

Đức Phật dạy: Đây là lời Phật nói; Phật nói những gì? Ngài nói rằng: "Những vị cạo bỏ râu tóc, những người đi tu cạo bỏ cả râu lẫn tóc, để làm bậc Sa-môn, tức là người xuất gia, thọ nhận Đạo Pháp." "Thọ nhận Đạo Pháp" có nghĩa là người tu Đạo cần phải dụng tâm thọ trì Đạo và phải tu hành đúng theo Đạo Pháp.

Người tu học Đạo Pháp cần phải "từ bỏ của cải thế gian," không ham muốn sự giàu sang của thế tục. Ở đây có một số người xuất gia thọ trì Ngân-tiền Giới (giới không đụng tới tiền bạc). Đó là điều rất tốt; và như thế là "từ bỏ của cải thế gian" vậy. Mọi sự tranh chấp xảy ra trên thế gian này đều là vì tiền bạc, của cải. Quý vị hãy nhìn xem: Nước này gây chiến với nước khác, nhà nọ tranh chấp với nhà kia, người này gây hấn với người nọ - tất cả chỉ vì lợi lộc riêng tư.

Các bậc Sa-môn có thể từ bỏ mọi tài sản ở đời, không ham muốn bất cứ đồ vật quý giá nào của thế gian, và "khất thực chỉ nhận đủ dùng." Hằng ngày, họ mang bình bát đi khất thực và chỉ cần vừa đủ no là được. "Khất thực" tức là cầm bình bát đi xin thức ăn. "Chỉ nhận đủ dùng" có nghĩa là no bụng là đủ, và xong bữa rồi thì thôi, không tham lam, cũng chẳng ăn nhiều.

"Giữa ngày ăn một bữa, dưới cội cây nghỉ một đêm." Mỗi ngày bậc Sa-môn chỉ ăn một bữa vào buổi trưa mà thôi; và tối đến thì nghỉ ngơi dưới gốc cây, song không được ở quá ba đêm dưới cùng một gốc cây.

"Và thận trọng, không cầu mong nhiều hơn." Các ông phải cẩn thận, dè dặt, chớ nên cầu xin thêm nữa. Ngoài những thứ này ra, đừng cầu xin cái gì khác nữa.

"Chính ái dục làm cho con người bị ngu tế vậy." Sự ngu si của con người ví như bụi cỏ dại mọc trong tâm, che lấp lý trí. "Tế" có nghĩa là che đậy; và "ngu tế" tức là ngu si mê muội - nghĩa là con người bị bức màn ngu si bao bọc, phủ vây, tương tự như ánh mặt trời bị mây che khuất vậy. Thế thì, cái gì làm cho con người trở nên ngu si tăm tối, không hiểu được sự việc? Đó là ái dục! Chính lòng tham ái và tham dục làm cho đầu óc con người trở nên ngu si, mê muội!

Quý vị nói là quý vị không ngu si ư? Nếu không ngu si thì tại sao thọ giới rồi mà còn phạm giới! Nếu không ngu si, thì tại sao cứ làm toàn chuyện không nên làm? Tất cả chẳng qua là vì bị lòng ham mê ái dục làm mờ lý trí! Vì quý vị không có cái nhìn thấu suốt về tham ái, chẳng thể buông

bỏ dục vọng, cho nên quý vị không được tự tại. Quý vị có được cái nhìn thấu suốt, tường tận, và có thể buông bỏ mọi thứ, tất quý vị sẽ đạt được sự tự tại (kiến phá, phóng hạ, tự tại). Bây giờ, một khi đã đạt được tự tại, quý vị sẽ thấy không buồn không lo, chẳng phiền chẳng nã, và mọi sự đều tốt đẹp, mọi việc đều suông sẻ - nói chung là "Everything's okay!" (mọi sự đều êm đẹp cả!).

## Chương 4

### **Thiện Ác Tinh Minh**

(Thiện, Ác Phân Minh)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệt dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Ý tam giả: Tật, nhuế (khuể), si. Như thị thập sự, bất thuận Thánh Đạo, danh Thập Aịc Hạnh. Thị ác nhược chi, danh Thập Thiện Hạnh nhĩ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Chúng sanh lấy mười việc làm điều thiện, cũng lấy mười việc làm điều ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát, đạo, dâm. Miệng có bốn là nói**

**hai lưỡi, nói lời ác, nói dối và nói thêu dệt. Ý có ba là đồ kỵ, sân hận và ngu si. Mười việc này không thuận với Thánh Đạo, gọi là Thập Ác Hạnh. Nếu dứt được những việc ấy thì gọi là Thập Thiện Hạnh vậy."**

Lược giảng:

Chương thứ tư giảng về "thiện ác vô tánh." Sự khác biệt giữa việc làm điều thiện và làm điều ác vốn đơn giản như việc trở bàn tay - tất cả đều là tùy thuộc ở sự quyết định của quý vị.

Đức Phật dạy: "Chúng sanh lấy mười việc làm điều thiện, cũng lấy mười việc làm điều ác." Có mười việc thiện mà chúng sanh có thể thực hiện được. Tuy rằng có thể làm nên việc thiện, nhưng nếu làm không đúng thì những việc ấy sẽ trở thành việc ác; phải làm sao cho đúng thì mới là việc thiện.

"Những gì là mười?" Mười việc ấy là những việc gì? "Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba." Mười việc ấy gồm có ba việc phát khởi từ thân, bốn việc phát khởi từ miệng và ba việc phát khởi từ ý.

"Thân có ba là sát, đạo, dâm." Ba việc về thân là những việc gì? Đó là sát sanh, trộm cắp và dâm dục. Thế nào là "sát"? Là giết chết, chấm dứt sự sống của sinh vật, kết thúc tánh mạng của chúng sanh. Thế nào là "đạo"? "Bất dư nhi thủ, danh vi đạo," nghĩa là không cho mà lấy, đó gọi là ăn cắp. Nếu chưa được sự cho phép của chủ nhân mà quý vị

đã tự ý lấy đồ đạc của họ, như thế là trộm cắp. "Dâm" tức là những hành vi dâm ô giữa nam và nữ.

"Miệng có bốn." Bốn việc về miệng là những việc gì? "Là nói hai lưỡi, nói lời ác, nói dối và nói thêu dệt." Người "nói hai lưỡi" hoặc "nói lưỡi hai chiều" không phải là người có hai cái lưỡi, mà có nghĩa là người nói hai lời trái ngược nhau - như gặp Trương Tam thì người ấy nói về Lý Tứ, gặp Lý Tứ thì người ấy lại mách chuyện của Trương Tam - giống như con rắn hai đầu vậy. "Nói lời ác" tức là mắng chửi, nguyền rủa, hoặc nói xấu, bôi nhọ người khác. "Nói dối" tức là nói láo, nói không đúng sự thật. "Nói lời thêu dệt" tức là nói những lời vô nghĩa. Những lời lẽ đơm vẽ khinh bạc, đầy dẫy tà tri tà kiến, không đúng đắn, bậy bạ dơ bẩn, đều gọi là lời thêu dệt.

"Ý có ba." Ba việc về ý là những việc gì? "Là đố kỵ, sân hận và ngu si." "Đố kỵ" tức là ganh ghét. Kẻ có tâm đố kỵ, thường không muốn cho người khác được sự tốt lành, hễ thấy chuyện gì tốt đẹp xảy đến cho người khác thì liền sanh lòng ganh tỵ, ghen ghét. "Sân hận" bao gồm cả kiêu căng ngỗ mạn, thù hận, hiểm độc, tàn nhẫn, hung bạo. "Ngu si" tức là si mê, ngu muội, không phân biệt được sự lý một cách rõ ràng.

"Mười việc này", những việc vừa nêu trên, không thuận với Thánh Đạo, chẳng dẫn tới thiện đạo, gọi là "Thập Ác Hạnh" hay "Mười Điều Ác."

"Nếu dứt được những điều ấy", nếu ngăn chặn, đình chỉ được mười việc ác kể trên, thì gọi là "Thập Thiện Hạnh"



hay "Mười Điều Thiện" vậy. Như thế, Mười Điều Thiện chính là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không đồ kỵ, không sân hận, không ngu si, không nói lời ác, không nói hai lưỡi, không nói lời thêu dệt và không nói dối.

Chương 5

## **Chuyển Trọng Linh Khinh**

(Chuyển Nặng Thành Nhẹ)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Nhân hữu chúng quá, nhi bất tự hồi, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng. Nhược nhân hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bệnh đắc hãn, tiệm hữu thuyên quyen nhĩ!"**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người có nhiều điều lỗi mà không tự hồi, lại khiến tâm kia chột dứt, thì tội lại dẫn vào thân, như nước đổ về biển, lâu dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi tự biết nhận lỗi, đổi ác làm lành, thì tội sẽ tự nhiên tiêu diệt, như bệnh mà được ra mồ hôi, bệnh dần dần thuyên giảm vậy!"**

Lược giảng:

Đoạn kinh văn này là chương thứ năm. Đại ý chương này khuyên rằng nếu chúng ta trót phạm sai lầm, thì chúng ta có thể tự sửa đổi để trở thành con người mới hoàn thiện hơn. Có lỗi mà không chịu sửa, thì những tội lỗi kia sẽ mãi mãi tồn tại; trái lại, nếu biết tu tỉnh, sửa chữa lỗi lầm, thì tội sẽ tiêu tan, không còn nữa.

Đức Phật dạy: "Người có nhiều điều lỗi mà không tự hối..." "Nhiều điều lỗi" tức là bao gồm tất cả mọi lỗi lầm, sai quấy. Nếu quý vị phạm lỗi mà không tự ăn năn sửa đổi, lại cố ý che dấu để người khác không trông thấy hoặc không hay biết gì cả, thì đó gọi là "bất tri nhi bất tự hối" - chẳng biết tự sám hối.

"Lại khiến tâm kia chột dút." Quý vị không biết là quý vị cần phải ăn năn, sám hối. Quý vị làm cho tâm hối cải của mình bị đình chỉ một cách đột ngột; như thế, tức là quý vị không có thiện chí sửa đổi sai lầm.

"Thì tội lại dẫn vào thân, như nước đổ về biển lâu dần thành sâu rộng." Nếu quý vị ngăn dút tâm hối cải của mình, thì khi tội lỗi dồn đến thân quý vị, chúng sẽ giống như những dòng nước nhỏ chảy xuôi về biển cả - dần dần, lỗi nhỏ sẽ thành lỗi lớn, tội nhẹ biến thành tội nặng, nghiệp nhẹ cũng thành nghiệp nặng; cho nên gọi là "lâu dần thành sâu rộng."

"Nếu người có lỗi tự biết nhận lỗi, đổi ác làm lành." Giả sử có người phạm tội tà trời, nếu người ấy biết sám hối, phục thiện, thì tội liền tiêu tan. Tội lỗi nghiêm trọng to lớn như trời, gọi là "di thiên đại tội." Tội lỗi của quý vị tuy lớn bằng

trời, nhưng nếu quý vị có thể sám hối thì tội sẽ tiêu tan, không còn nữa. Quý vị cần phải sám hối, phải tự tháo gỡ mỗi kết buộc của nghiệp tội và phải nhận biết được những sai lầm của mình. Sau đó, quý vị phải sửa đổi những hạnh ác thành hạnh lành và chăm chỉ làm thiện sự. Được như thế, "thì tội sẽ tự nhiên tiêu diệt." Nếu quý vị có thể tự sửa chữa những sai lầm của mình để trở thành con người mới, thì mọi tội nghiệp của quý vị sẽ tiêu tan, cũng giống "như bệnh mà được ra mồ hôi, bệnh dần dần thuyên giảm vậy." Điều ấy cũng tương tự như khi quý vị đau ốm nóng sốt mà cả người được ra mồ hôi, bệnh từ từ nhẹ bớt và quý vị được bình phục vậy!

## Chương 6

### **Nhẫn Ác Vô Sân**

(Nhịn Kẻ Ác Và Không Oán Hận)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Ác nhân văn thiện, cố lai nhiều loạn giả, nhữ tự cấm tức, đương vô sân trách, bỉ lai ác giả, nhi tự ác chi."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Khi kẻ ác nghe các ông làm việc thiện và cố ý đến nhiều loạn, các ông hãy tự**

## **ngăn dứt chứ không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến sẽ phải tự nhận lấy điều ác."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ sáu; đại ý nói rằng thiện có thể thắng ác, còn ác thì không thể nào thắng được thiện. Trong chương trước, Đức Phật khuyên mọi người hãy dứt bỏ điều ác, chăm làm điều lành, và sửa đổi các thói hư tật xấu để trở thành con người mới hoàn thiện hơn. Song lẽ, vì e rằng có nhiều người lo ngại là nếu họ làm việc thiện thì sẽ bị kẻ ác đến quấy nhiễu; cho nên Đức Phật đã thuyết giảng chương kinh này.

Đức Phật dạy: "Khi kẻ ác nghe các ông làm việc thiện và có ý đến nhiễu loạn." Giả sử có kẻ lòng dạ ác độc nghe tin quý vị đang làm việc thiện, và hấn rắp tâm tìm tới để gây rắc rối cho quý vị. "Nhiễu loạn" tức là gây phiền phức, tạo sự rắc rối. Kẻ ác tâm ấy đến sinh sự để phá hoại việc thực hành thiện sự của quý vị.

"Các ông hãy tự ngăn dứt." Bây giờ, quý vị cần phải tự trấn tĩnh, kiểm chế chính mình, phải giữ bình tĩnh, chớ nên hốt hoảng, cũng đừng nervous. "Chứ không nên giận trách." Quý vị không nên sanh lòng oán hận, cũng đừng trách mắng, đừng nói về những sai lầm của kẻ ác ấy.

"Kẻ mang điều ác đến sẽ phải tự nhận lấy điều ác." Những kẻ đến để quấy nhiễu, phá hoại, gây phiền phức cho quý vị

sẽ chỉ tự chuốc lấy rắc rối, và tự hủy hoại, tự gây khó khăn cho chính bản thân họ mà thôi.

Ví như có tấm gương soi và trong gương hiện ra một khuôn mặt rất xấu xí; thì diện mạo rất xấu xí kia đơn thuần là hình ảnh phản chiếu của kẻ soi gương, chứ không phải bản chất tấm gương là xấu xí. Thí dụ này cho thấy rằng những kẻ ác dù có xấu xa, tồi tệ đến thế nào đi nữa, thì cái ác cũng thuộc về họ và sẽ hủy hoại chính họ. Nếu quý vị không để ý đến họ, thì sẽ không có chuyện gì cả. Nhưng nếu quý vị bắt đầu quan tâm tới họ, thì thế nào? Thì quý vị sẽ trở thành kẻ đồng lõa, cùng một phe với họ, và cũng sẽ biến thành những người độc ác y hệt như họ vậy!

Chương 7

## **Ác Hoàn Bản Thân**

(Ở Ác Gặp Ác )

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Hữu nhân văn ngô thủ Đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật. Phật mặc bất đối. Mạ chi, văn viết: "Tử dĩ lễ tòng nhân, kỳ nhân bất nạp, lễ quy tử hồ?" Đối viết: "Quy hỷ."**

**Phật ngôn: "Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp; tử tự trì họa quy tử thân hỷ. Du hưởng ứng thanh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly, thận vật vi ác!"**

**Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: Có người nghe tiếng Phật giữ Đạo và thực hành hạnh đại nhân từ, bèn cố ý đến mắng Phật. Phật làm thinh, chẳng đáp.**

**Khi người kia mắng xong, Phật hỏi: "Ông lấy lễ đãi người, người kia không nhận; lễ ấy có về lại ông chẳng?"**

**Đáp rằng: "Về lại!"**

**Phật bảo: "Nay ông mắng Ta nhưng Ta không nhận, ông tự đem họa về thân ông vậy - như vang ứng theo tiếng, như bóng hiện theo hình, cuối cùng vẫn chẳng tránh được. Hãy thận trọng, chớ làm điều ác!"**

Lược giảng:

Đây là chương thứ bảy. Trong chương trước có nói rằng mang điều ác đến cho người khác tức là tự chuốc họa vào thân, cho nên bây giờ Đức Phật viện dẫn mọi tỷ dụ để chứng minh điều ấy.

Đức Phật dạy: "Có người nghe tiếng Phật giữ Đạo và thực hành hạnh đại nhân từ, bèn cố ý đến mắng Phật." Có kẻ nghe nói rằng Đức Phật là một người tu Đạo và gìn giữ Đạo,

lại còn tu hành hạnh đại nhân từ, nên cố ý tới trước mặt Ngài mà nhục mạ.

"Phật làm thinh, chẳng đáp." Mặc dầu nghe thấy người kia hủy báng mình, Đức Phật chỉ im lặng, không lên tiếng, không nói năng gì cả.

"Khi người kia mắng xong, đợi tới khi người ấy thôi, không mắng nữa, Phật hỏi: 'Ông lấy lễ đãi người, người kia không nhận; lễ ấy có về lại ông chăng?' " Ông đối đãi mọi người với thái độ lễ phép, lịch sự, nhưng nếu họ không đón nhận sự lễ phép của ông thì sự lễ phép ấy có về lại nơi thân ông không?

"Đáp rằng: 'Về lại!' " Kẻ nhục mạ Phật trả lời: "Đúng thế! Tất nhiên là phải về lại với tôi. Nếu đối phương không nhận sự lễ độ và cung kính của tôi, thì tôi thu hồi lại."

"Phật bảo: 'Nay ông mắng Ta, nhưng Ta không nhận.' Bây giờ ông đến mắng Ta, song ta không nhận sự trách mắng của ông. Ông nhục mạ Ta, Ta vẫn 'như như bất động'; ông chẳng nhục mạ Ta, Ta cũng bình thản như không. Ta hoàn toàn không bị dao động bởi sự nhục mạ của ông. Ta không nhận sự nhục mạ ấy, vậy ông hãy mang nó về đi. Và, như thế tức là ông tự đem họa về thân ông vậy. Việc ông hủy báng Ta là không đúng. Họa do ông gây ra tất phải về lại thân ông. Ông ắt sẽ gặp chuyện chẳng lành, và đó là do ông tự chuốc lấy!

Cái họa ấy sẽ theo ông như vang ứng theo tiếng, như bóng hiện theo hình, cuối cùng vẫn chẳng tránh được. Tiếng vang

thì dội lại ứng theo tiếng động, bóng thì luôn luôn theo sát bên hình, mỗi họa ấy cũng như thế - nhất định sẽ đeo đẳng theo ông cho tới cùng. Ông không có cách nào lẩn tránh được hậu quả của việc hủy báng Ta. Vì thế, hãy thận trọng, chớ làm điều ác! Ta hy vọng rằng tất cả mọi người đều không làm việc ác!"

Chương 8

## **Trần Thóa Tự Ô**

(Gieo Gió Gặt Bão)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Ác nhân hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên hoàn tòng kỷ đọa; nghịch phong dương trần, trần bất chí bị hoàn bộn kỷ thân; hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Kẻ ác hại người hiền, như người ngược lên trời phun nước miếng, nước miếng không tới trời mà trở lại rơi nhằm mình; hoặc như người ngược gió tung bụi, bụi chẳng đến nơi khác mà trở lại làm dơ mình - người hiền không hại được, mà họa tất diệt mình."**



Lược giảng:

Đây là chương thứ tám. Trong chương này, Đức Phật dạy chúng ta không được làm điều ác, không được hãm hại người khác. Bởi vì, hại người tức là hại mình, khinh thường người khác tức là khinh thường chính mình, và xử tệ người khác tức là xử tệ chính mình vậy.

Đức Phật dạy: "Kẻ ác hại người hiền, như người ngược lên trời phun nước miếng." "Kẻ ác" tức là người làm nhiều việc xấu xa, tội tệ. "Người hiền" là người hiền từ và có đức độ. Khi kẻ ác độc không có đạo đức muốn hãm hại bậc hiền nhân có đạo đức, thì chẳng khác nào tự ngửa mặt lên trời mà phun nước miếng vậy. "Nước miếng không tới trời." Nước miếng phun ra hẳn nhiên là không thể nào văng lên tới trời được cả. Điều này ngụ ý rằng kẻ ác không thể nào hại được bậc hiền nhân. "Mà trở lại rơi nhằm mình." Nước miếng vừa phun ra ấy lại từ từ rơi xuống trúng ngay mặt của người phun. Kẻ ác tìm trăm phương ngàn kế để ám hại người hiền, thế nhưng, rốt cuộc lại thành ra là mình tự hại mình. Trên thế gian này, trước sau đều có sự hiện hữu của công lý và chân lý, của công bằng và lẽ phải, do đó, hãm hại người khác là không thể được!

"Hoặc như người ngược gió tung bụi." "Ngược gió" tức là ngược chiều gió, trái với hướng gió thổi. Nếu đứng day mặt về hướng gió thổi mà ném bụi, thì "bụi chẳng đến nơi khác, không bay tới phía trước, mà trở lại làm dơ mình." Nắm bụi kia tất bị gió thổi tạt về và dính đầy mình mấy người ném.

"Người hiền không hại được, mà họa tất diệt mình." Chúng ta không được hủy báng hoặc ám hại bậc hiền nhân. Quý vị hãy hại người hiền nhưng rốt cuộc thành ra tự hại mình, gieo họa cho người khác cũng là tự gieo họa cho mình; trong tương lai, chính quý vị sẽ phải chịu quả báo!

## Chương 9

### **Phản Bôn Hội Đạo**

(Về Nguồn Gặp Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Bác văn, ái Đạo, Đạo tất nan hội. Thủ chí phụng Đạo, kỳ Đạo thậm đại."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Học rộng, mến Đạo, thì Đạo ắt khó gặp. Giữ chí, thờ Đạo, thì Đạo kia rất lớn."**

Lược giảng:

Trong chương thứ chín này, Đức Phật dạy những người tu hành rằng họ cần phải "văn nhi tư, tư nhi tu, nhi chứng"; nghĩa là phàm nghe rồi thì phải suy gẫm, suy gẫm kỹ rồi thì tu tập theo, và tu tập xong thì chứng đắc. Chớ nên chỉ biết nói suông hoặc chỉ lắng nghe Phật Pháp, mà chẳng áp dụng

vào thân. Phải thực hành, ứng dụng thực tiễn thì mới đáng kể!

Cho nên, Đức Phật dạy: "Học rộng, mẫn Đạo." Thế nào gọi là "học rộng"? "Học rộng" tức là biết nhiều hiểu rộng. Tông-giả A-Nan là bậc "đa văn đệ nhất," tức là người đứng đầu về khả năng "nghe nhiều hiểu rộng," và cũng có thể gọi là bậc "bác văn" (học rộng). Tuy nhiên, nếu chỉ học một cách thuần túy, chứ không quán xét những điều đã học, thì chẳng thể nào lãnh hội được những đạo lý tiềm tàng bên trong. Nếu chỉ đơn thuần dựa vào sức nhớ dai, trí nhớ tốt, có thể thuộc lòng kinh điển, mà chẳng suy xét cặn kẽ và chẳng tu hành theo những điều đã học, thì cũng thành vô dụng!

"Mẫn Đạo" tức là nói về những người tu Đạo, nhận biết rằng Đạo thật là cao quý, nhưng lại không hiểu được rằng Đạo vốn là tự tâm và chẳng hề xa rời tự tâm, cho nên cứ hướng ra ngoài tâm để tìm Đạo. Tuy rằng họ có lòng mộ Đạo, nhưng cứ truy tìm ở ngoài là không đúng, và như thế "thì Đạo ắt khó gặp." Họ cứ tìm kiếm ở ngoài tâm như thế thì chắc chắn sẽ không hiểu Đạo và nhất định sẽ không gặp được Đạo. Không gặp được Đạo thì họ cũng sẽ không hiểu được Đạo, bởi đã lạc hướng thì càng chạy chỉ càng cách xa thêm mà thôi!

"Giữ chí, thờ Đạo." Thế nào gọi là "giữ chí"? "Giữ chí" tức là không khởi vọng tưởng, không truy tìm bên ngoài. Có câu:

Cầu chư kỳ, bất cầu chư nhân;

Cầu nội, bắt cầu ngoại.

*(Cầu ở mình, chớ cầu ở người;*

*Tìm ở trong, chớ tìm ở ngoài.)*

Bên trong, niệm niệm phải tỏ ngộ, niệm niệm phải sáng suốt, niệm niệm phải hướng về tâm Bồ-đề, không cầu danh cũng không cầu lợi. Không có tâm cầu danh cầu lợi tức là "giữ chí" vậy.

Thế nào gọi là "thờ Đạo"? "thờ Đạo" tức là tôn kính và duy trì Đạo. Như vậy, "giữ chí, thờ Đạo" có nghĩa là niệm niệm không xa rời tự tâm, niệm niệm đều thể hội nguồn tâm của mình, đều biết rõ bản thể của tự tâm; và tuyệt nhiên không truy cầu, tìm kiếm bên ngoài.

Thì Đạo kia rất lớn." Nếu quý vị có thể tu hành như thế, thì tự nhiên sẽ đạt được thành quả rất lớn lao!

Chương 10

## **Hỷ Thí Hoạch Phúc**

(Hoan Hỷ Bồ Thí Tất Được Phước)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Đồ nhân thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phúc thậm đại.**

**Sa-môn vẫn viết: "Thử phúc tận hồ?"**

**Phật ngôn: "Thí như nhất cự chi hỏa, số thiên bách nhân, các dĩ cự lai phân thủ, thực thực, trừ minh; thử cự như cố. Phúc diệc như chi."**

**Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: "Thấy người tu đạo bố thí mà hoan hỷ trợ giúp thì sẽ được phước rất lớn."**

**Có thầy Sa-môn hỏi rằng: "Phước ấy hết chẳng?"**

**Đức Phật đáp: "Ví như lửa của một cây đuốc, dù có vài trăm ngàn người ai nấy đều mang đuốc đến chia nhau mỗi lấy lửa để về nấu ăn và xua tan bóng tối, thì ngọn đuốc kia vẫn y như cũ. Phước báo cũng như thế!"**

Lược giảng:

Chương thứ mười là giảng về công đức của sự tùy hỷ. Biết tùy hỷ thì mình và người đều được lợi lạc, và phước báo sẽ vô cùng vô tận.

Đức Phật dạy: "Thấy người tu đạo bố thí, nếu trông thấy người khác thực hành hạnh bố thí, mà hoan hỷ trợ giúp thì sẽ được phước rất lớn." Có ba loại bố thí là tài thí, pháp thí và vô-úy thí:

1) Tài thí là bố thí tài sản. "Tài thí" còn được gọi là "tư-sanh-thí." Thế nào gọi là "tư-sanh-thí"? Đó là sự bố thí vật chất nhằm giúp người khác được đủ sống. Về tài sản thì có

nội tài và ngoại tài. Nội tài là tài sản bên trong bao gồm những cơ phận trong thân thể như đầu, mắt, não, tủy, da, máu, thịt, gân, xương...; và sự bố thí nội tài được gọi là "nội thí." Ngoại thí là tài sản bên ngoài tức là vàng, bạc, châu báu, quốc gia, thành trì, vợ chồng, con cái...; và sự bố thí ngoại tài được gọi là "ngoại thí."

Nếu quý vị có vàng thì có thể bố thí vàng; có bạc thì có thể bố thí bạc; có châu báu thì có thể bố thí châu báu; có quốc gia thì có thể nhường quốc gia cho người khác; có thành trì thì có thể bố thí thành trì cho người khác; có vợ hay chồng thì có thể bố thí vợ hay chồng mình cho người khác; và có con cái thì cũng có thể bố thí con cái của mình cho người khác. Đó đều là ngoại thí. Nếu quý vị có thể cho kẻ khác đầu, mắt, não, xương tủy, da, máu, thịt, gân, xương... của bản thân mình, thì đó là nội thí vậy.

Trên đây là nói về tài thí.

2) Pháp thí là bố thí Pháp. "Pháp thí" tức là giảng giải ba môn học Giới-Định-Huệ, mang những giáo pháp này ra bố thí, khiến cho người khác được vô số lợi ích.

3) Vô-úy thí là bố thí sự không sợ hãi. Khi có người gặp cơn hoạn nạn hoặc có điều gì lo sợ, mà quý vị có thể làm vơi bớt nỗi thống khổ vì sợ hãi cho họ, thì đó là vô-úy thí.

Khi thấy người khác thực hành hạnh bố thí mà quý vị có thể vui mừng theo và khen ngợi, khuyến khích họ, thì quý vị sẽ được phước báo vô cùng lớn lao. Những kẻ ngu si có thể sẽ nói rằng: "Ồ! Tôi đứng ra bố thí, còn người khác chỉ tùy hỷ,

ủng hộ thôi mà cũng được phước báo to lớn, vậy thì phước báo của tôi hết mất sao?" Vì e rằng có kẻ ngu si nghĩ ngợi lẫn lộn như thế nên mới có cuộc vấn đáp sau đây:

Có thầy Sa-môn hỏi rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Phước ấy hết chẳng? Phước ấy có thể bị mất không?" Ý nói là người đứng ra bố thí thì được phước, kẻ có lòng tùy hỷ cũng được phước rất lớn; như thế thì phước của người bố thí vẫn còn đó hay là bị kẻ kia đoạt mất rồi?

Đức Phật đáp: "Ví như lửa của một cây đuốc, dù có vài trăm ngàn người ai nấy đều mang đuốc đến chia nhau mỗi lấy lửa. Thí dụ chỉ có một ngọn lửa, mà lại có tới cả trăm ngàn người dùng chung, cùng chia nhau mỗi lấy lửa để về nấu ăn và xua tan bóng tối." "Nấu ăn" tức là dùng lửa này để nhóm bếp mà nấu thức ăn. "Xua tan bóng tối" tức là lấy lửa này làm đèn để soi sáng chỗ tối tăm u ám.

"Thì ngọn đuốc kia vẫn y như cũ. Ngọn lửa của cây đuốc chính vẫn nguyên vẹn như lúc ban đầu, tuyệt nhiên không bị lu mờ hoặc dập tắt. Phước báo cũng như thế, không khác!"

Thí dụ này ngụ ý rằng những người tu Đạo bằng cách thực hành hạnh bố thí, thì trong tương lai vẫn có thể chứng đắc quả vị. "Nấu ăn" là một tỷ dụ, ám chỉ sự chứng đắc quả vị. "Xua tan bóng tối" tức là quét sạch mọi mê hoặc do tam chướng - nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng - gây ra.

Vậy, nhờ công đức tu hạnh bố thí mà quý vị có thể chứng được quả vị, dứt trừ tam-chướng, và đồng thời những người có lòng tùy hỷ, ủng hộ quý vị cũng chứng được quả vị, dứt trừ được tam-chướng - không ai là không có phần trong công đức này cả.

## Chương 11

### **Thí Phạn Chuyên Thắng**

(Sự Gia Tăng Của Công Đức Trong Việc Bố Thí Thức Ăn)

Kinh Văn:

**Hán Văn: Phạt ngôn: "Phạn ác nhân bách, bất như phạn nhất thiện nhân. Phạn thiện nhân thiên, bất như phạn trì Ngũ-giới giả. Phạn Ngũ-giới giả, vạn bất như phạn nhất Tu-đà-hoàn. Phạn bách vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạn nhất Tư-đà-hàm. Phạn thiên vạn Tư-đà-hàm, bất như phạn nhất A-na-hàm. Phạn nhất ức A-na-hàm, bất như phạn nhất A-la-hán. Phạn thập ức A-la-hán, bất như phạn nhất Bích-chi-Phật. Phạn bách ức Bích-chi-Phật, bất như phạn nhất tam thế chư Phật. Phạn thiên ức tam thế chư Phật, bất như phạn nhất Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng chi giả."**

Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy:



**"Đãi một trăm người ác ăn, không bằng đãi một người thiện ăn. Đãi một ngàn người thiện ăn, không bằng đãi một người trì Ngũ-giới ăn. Đãi một vạn người trì Ngũ-giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn. Cúng dường một trăm vạn vị Tu-đà-hoàn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn. Cúng dường một ngàn vạn vị Tư-đà hàm, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn. Cúng dường một ức vị A-na-hàm, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn. Cúng dường ức vị A-la-hán, không bằng cúng dường cho một bậc Bích-Chi-Phật ăn. Cúng dường một trăm ức bậc Bích-Chi-Phật, không bằng cúng dường cho một đức Tam Thế Chư Phật ăn. Cúng dường một ngàn ức đức Tam Thế Chư Phật, không bằng cúng dường cho một đấng Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng ăn."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ mười một của bộ kinh này; đại ý so sánh sự hơn kém của ruộng phước (phước điền) để người đời biết được sự hơn kém của việc cúng dường (cũng như bố thí).

Đức Phật dạy: "Đãi một trăm người ác ăn, không bằng đãi một người thiện ăn."

Trong chương trước, chúng ta đã được biết qua về hạnh bố thí. Muốn thực hành hạnh bố thí, thì điều quan trọng là phải

biết cách bố thí. Bởi vì nếu trồng phước mà không biết cách, trồng không đúng phương pháp, hoặc không hiểu gì về pháp trồng phước, thì e rằng có trồng cũng chẳng được phước!

Cho nên nói rằng nếu quý vị bố thí vật thực cho một người tốt thì sẽ được phước điền lớn hơn phước điền của việc bố thí cho một trăm người xấu.

Vì sao vậy? Bởi vì nếu quý vị đãi một trăm người ác ăn, sau khi ăn uống no nê rồi thì họ cũng chỉ biết đi làm chuyện ác mà thôi. Như thế, hóa ra những việc ác mà họ gây ra đều có sự trợ giúp của quý vị, và quý vị mặc nhiên trở thành kẻ đồng lõa, giúp cho họ làm chuyện bất lương. Tuy nhiên, nếu quý vị đãi một người thiện ăn, bố thí cơm nước cho người ấy, sau khi no bụng rồi thì người ấy lại đi làm việc tốt. Những thiện sự mà người ấy thực hiện được, có thể nói là nhờ sự giúp đỡ của quý vị mà thành tựu. Do đó, "đãi một trăm người ác ăn không bằng đãi một người thiện ăn"!

"Đãi một ngàn người thiện ăn không bằng đãi một người trì Ngũ-giới ăn." Ở đây, "đãi ăn" bao gồm tất cả duyên bố thí - đồ ăn, thức uống, châu báu, tiền bạc, và luôn cả đầu, mắt, não, tủy. Nếu quý vị đem cả sanh mạng của mình ra bố thí để giúp người khác làm việc thiện, thì những việc thiện mà họ thực hiện được đều là nhờ quý vị mà thành tựu. Trái lại, nếu quý vị bố thí tánh mạng mình để giúp đỡ kẻ ác làm việc xấu, thì quý vị chỉ tạo nên tội lỗi mà thôi. Vậy, quý vị đãi một ngàn người thiện ăn (người thiện tức là người tốt,

không hề làm điều ác), thì công đức tạo được sẽ không lớn bằng công đức bố thí cho một người trì Ngũ-giới.

"Đãi một vạn người trì Ngũ-giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn." Ở đây, "người trì Ngũ-giới" tức là những người đã quy y Tam-Bảo, thọ trì Ngũ-giới, và tu hành Thập Thiện Hạnh. Công đức bố thí thức ăn cho mười ngàn người trì Ngũ-giới thì không lớn bằng công đức cúng dường vật thực cho một vị Thánh nhân đã chứng Sơ-quả Tu-đà-hoàn.

"Cúng dường một trăm vạn vị Tu-đà-hoàn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn." Quý vị cúng dường thức ăn cho một triệu vị Thánh nhân Sơ-quả Tu-đà-hoàn thì không bằng cúng dường cho một vị Thánh nhân Nhị-quả Tư-đà-hàm, bởi vì Thánh nhân thuộc hàng Sơ-quả thì không biết được cảnh giới của các bậc ở hàng Nhị-quả. Các bậc Sơ-quả đã phá được kiến-hoặc, còn các bậc Nhị-quả thì đã phá được sáu phẩm tư-hoặc của Dục-giới (những điều này đã được đề cập đến trong chương đầu). Cho nên, cúng dường vật thực cho vị Nhị-quả Tư-đà-hàm thì được nhiều công đức hơn là cúng dường cho vị Sơ-quả Tu-đà-hoàn.

"Cúng dường một ngàn vạn vị Tư-đà-hàm, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn." Cúng dường thức ăn cho mười triệu vị Nhị-quả Tư-đà-hàm, những bậc Thánh nhân đã đoạn trừ xong sáu phẩm tư-hoặc của Dục-giới, thì không bằng cúng dường cho một vị Thánh nhân Tam-quả A-na-hàm. Bậc Tam-quả A-na-hàm là bậc Thánh nhân đã

đoạn trừ hết cả chín phẩm tư-hoặc của Dục-giới, chứng đắc quả vị thứ ba trong hàng A-la-hán.

"Cúng dường một ức vị A-na-hàm, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn." Cúng dường thức ăn cho một trăm triệu vị Thánh nhân đắc Tam-quả A-na-hàm thì công đức tạo được sẽ không bằng công đức cúng dường cho một bậc A-la-hán.

"Cúng dường mười ức vị A-la-hán, không bằng cúng dường cho một bậc Bích-Chi-Phật ăn." A-la-hán còn được gọi là Thanh-Văn, tức là bậc Thánh nhân nhờ được nghe thanh âm, tiếng nói của Phật mà ngộ Đạo. Bích-Chi-Phật còn được gọi là Duyên-Giác hay Độc-Giác. Duyên-Giác là bậc Thánh nhân nhờ tu Thập Nhị Nhân Duyên trong thời có Phật trụ thế mà được ngộ Đạo. Vào đời không có Phật xuất thế, bậc Thánh nhân nhờ quán tưởng mọi cảnh giới của vạn vật đều là huyễn hóa, vô thường mà ngộ Đạo, được gọi là Độc-Giác. Như vậy, nếu quý vị cúng dường vật thực cho một tỷ vị A-la-hán, thì sẽ không bằng cúng dường cho một bậc Bích-Chi-Phật.

"Cúng dường một trăm ức bậc Bích-Chi-Phật, không bằng cúng dường cho một đức Tam Thế Chư Phật ăn." "Tam Thế Chư Phật" tức là những đức Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu quý vị cúng dường cho bất cứ một đức Phật nào thì công đức cũng đều lớn hơn công đức cúng dường cho cả mười tỷ vị Bích-Chi-Phật.

Thế nhưng "cúng dường một ngàn ức đức Tam-Thế Chư Phật, không bằng cúng dường cho một đấng Vô Niệm, Vô

Trụ, Vô Tu, Vô Chứng ăn." Quý vị cúng dường thực vật cho một trăm tỷ đức Tam Thế Chư Phật, thì cũng không bằng cúng dường cho một Thánh giả đã đạt tới cảnh giới "không nghĩ, không trụ, không tu, không chứng."

"Vô niệm" nghĩa là nghĩ mà không nghĩ; "vô trụ" nghĩa là ở mà không ở; "vô tu" nghĩa là tu mà không tu; "vô chứng" nghĩa là chứng mà không chứng. Đó là cảnh giới ở quả vị Viên-Giáo Sơ-địa. Các Thánh giả "Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng" này cũng chính là Pháp-thân Đại-sĩ; các ngài đều có thể thị hiện Bát Tướng Thành Đạo, và đều có năng lực "bách giới tác Phật" - làm Phật trong một trăm thế giới.

Chúng ta cúng dường thì cần phải biết về các đạo lý cúng dường cũng như những lợi ích đạt được từ sự cúng dường cho mỗi thành phần. Do đó, chúng ta nên gần gũi các bậc Thiện-tri-thức để học hỏi. Quý vị thân cận Aịc-tri-thức thì sẽ bị tiêm nhiễm tà tri tà kiến, còn gần gũi Thiện-tri-thức thì sẽ học được chánh tri chánh kiến. Nếu quý vị cúng dường cho kẻ ác thì sẽ gây nên tội lỗi, còn cúng dường cho người tốt thì sẽ được công đức. Đó là những điều chúng ta cần phải biết!

### **Chú thích:**

Bát Tướng Thành Đạo (Tám Tướng Trạng Thành Đạo). Đây là tám tướng trạng thị hiện từ khi Đức Phật giáng sanh cho đến khi nhập diệt; và Thành Đạo là một trong số tám tướng trạng này.

Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, Bát Tướng Thành Đạo là: 1) Đản sanh từ cõi trời Đâu-suất; 2) Nhập thai; 3) Trụ thai; 4) Xuất thai; 5) Xuất gia; 6) Thành Đạo; 7) Chuyển Pháp luân; 8) Nhập Niết-bàn.

Theo Thiên-Thai tông, Bát Tướng Thành Đạo là: 1) Giáng Đâu-suất thiên; 2) Thác thai; 3) Xuất sanh; 4) Xuất gia; 5) Hàng ma; 6) Thành Đạo; 7) Chuyển Pháp luân; 8) Nhập Niết-bàn.

## Chương 12

### **Cử Nan Khuyên Tu**

(Nêu Ra Sự Khó Để Khuyên Tu)

Kinh Văn:

**Hán Văn: Phật ngôn: "Nhân hữu nhị thập nan: 1) Bản cùng bổ thí nan; 2) Hào quý học Đạo nan; 3) Khí mạng tất tử nan; 4) Đắc đồ Phật kinh nan; 5) Sanh trị Phật thể nan; 6) Nhẫn sắc, nhẫn dục nan; 7) Kiến hảo bất cầu nan; 8) Bị nhục bất sân nan; 9) Hữu thể bất lâm nan; 10) Xúc sự tâm nan; 11) Quảng học bác cứu nan; 12) Trừ diệt ngã mạn nan; 13) Bất khinh vị học nan; 14) Tâm hành bình đẳng nan; 15) Bất thuyết thị phi nan; 16) Hội Thiện-tri-thức nan; 17) Kiến tánh học Đạo nan; 18) Tùy hóa độ nhân nan;**

**19) Đổ cảnh bất động nan; 20) Thiện giải phương tiện nan."**

**Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: "Người ta có hai mươi sự khó: 1) Bần cùng mà bố thí là khó; 2) Hào quý mà học Đạo là khó; 3) Bỏ thân mạng ắt chết là khó; 4) Được thấy kinh Phật là khó; 5) Sanh gặp đời có Phật là khó; 6) Nhịn sắc, nhịn dục là khó; 7) Thấy tốt mà chẳng mong cầu là khó; 8) Bị sỉ nhục mà chẳng tức giận là khó; 9) Có thể lực mà không lạm dụng là khó; 10) Gặp việc mà vô tâm là khó; 11) Học rộng, nghiên cứu nhiều là khó; 12) Đẹp trừ tánh ngã mạn là khó; 13) Chẳng khinh người chưa học là khó; 14) Thực hành tâm bình đẳng là khó; 15) Chẳng nói thị phi là khó; 16) Gặp được Thiện-tri-thức là khó; 17) Học Đạo, thấy được tánh là khó; 18) Tùy duyên hóa độ người là khó; 19) Thấy cảnh mà không động là khó; 20) Khéo biết phương tiện là khó."**

Lược giảng:

Trong chương thứ mười hai này, Đức Phật dạy: "Người ta có hai mươi sự khó." Tất cả mọi người đều gặp phải hai mươi sự khó khăn. Thế nào gọi là "khó"? "Khó" nghĩa là không được dễ dàng. Việc dễ là việc không khó. Việc không dễ tức là việc khó khăn, nghịch ý. Nghịch cảnh là hoàn cảnh ngang trái, khó hiểu, và cũng không dễ nhận ra. Dễ dàng tức là sông sẻ, thuận lợi. Sự thuận lợi đem lại cho chúng ta cảm giác dễ chịu, thoải mái. Vậy, hai mươi sự khó này

chính là những việc mà con người không dễ gì thực hiện được.

1) Thứ nhất, "bần cùng mà bổ thí là khó."

Nếu quý vị giàu có sung túc thì việc thực hành hạnh bổ thí là chuyện dễ dàng, bởi vì quý vị có tiêu dùng bớt đôi chút cũng chẳng đáng là bao. Tuy nhiên, nếu quý vị không có tiền của mà vẫn có thể bổ thí, thì đó mới là sự bổ thí chân chánh. Làm được những việc mà ai ai cũng có thể làm được, thì chẳng có gì lạ thường, đặc biệt cả. Cho nên, nếu quý vị có thể làm những việc mà kẻ khác không làm được, thì quý vị là những người xuất chúng. "Xuất chúng" có nghĩa là vượt hơn, trội hơn mọi người.

Nói về nỗi khó khăn "bần cùng mà bổ thí" này, chúng ta có thể nhắc đến một công án: Vào thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, có một người nọ gia cảnh hết sức nghèo nàn. Tuy nghèo, người ấy cũng có được một người vợ. Gia đình vốn vẹn có hai vợ chồng và đời sống của họ vô cùng khó khăn, chật vật. Họ chỉ có một túp lều nhỏ đã xiêu vẹo để trú ngụ; ngoài ra, họ không có cơm ăn, cũng chẳng có áo mặc. Vì quá nghèo túng, họ đành phải ngày ngày đi xin ăn kiếm sống.

Đi xin ăn không phải là một việc khó khăn cho lắm; nhưng vấn đề nan giải của hai vợ chồng này là họ không có áo quần để mặc! Họ chỉ có độc nhất một tấm vải dùng quấn quanh người như cái khố để che thân mà thôi. Hai người dùng chung một cái khố, quý vị thử nghĩ xem, làm sao mà mặc kia chứ? Họ phải thay phiên nhau - bữa nay chồng ra



ngoài xin ăn thì chồng khoác tấm vải ấy mà đi, thức ăn xin được thì mang về rồi vợ chồng chia xẻ với nhau; hôm sau đến lượt vợ đi xin ăn thì vợ cũng khoác tấm vải ấy vào mà đi. Người ở nhà thì không có gì để mặc; chỉ có người ra ngoài xin ăn mới khoác tấm vải ấy để che thân, và xin được thức gì thì đem về rồi hai vợ chồng cùng ăn với nhau. Họ cứ thế mà tạm sống qua ngày. Quý vị xem, nghèo đến mức ấy thì có thể nói là nghèo nhất rồi chứ gì nữa?!

Thuở ấy có một vị Bích-Chi Phật, và như đã đề cập trong các chương trước, các vị Bích-Chi Phật đều có Túc-mạng-thông, biết được chuyện đời quá khứ. Sau khi quán sát nhân duyên của hai vợ chồng nghèo nọ, và biết được rằng sở dĩ đời này họ nghèo khổ đến nỗi phải dùng chung một cái khố như thế là vì trong những kiếp ở quá khứ họ không chịu bố thí, vị Bích-Chi Phật nghĩ: "Ta phải độ hai vợ chồng người này!" Ngài phát nguyện cứu độ hai người ấy bằng cách giúp cho họ có cơ hội trồng phước. Thế là, với dáng mạo một thầy Tỳ-khưu, Ngài ôm bình bát đến trước nhà của hai vợ chồng nghèo ấy để hóa duyên.

Hai vợ chồng nọ trông thấy vị Sư đến hóa duyên, khổ nỗi họ chẳng có gì cả - đồ ăn thức uống không còn, y phục cũng chẳng có, trong nhà chỉ có mỗi một tấm vải dùng làm khố kia mà thôi! Chồng bèn bảo vợ: "Chúng ta nên phát chút tâm bố thí để cầu phước. Tại sao vợ chồng mình lại nghèo khổ thế này? Tôi nghĩ là bởi xưa kia mình không chịu bố thí, cho nên bây giờ mới chịu cảnh nghèo nàn như vậy. Chúng ta nên tập bố thí, mình ạ!"

Vợ ngạc nhiên hỏi lại: "Bố thí? Chúng ta có gì để bố thí đâu?"

Chồng đáp: "Chúng ta vẫn còn một tấm vải. Mình có thể cúng dường tấm vải ấy cho vị Sư này."

Vợ nổi nóng gắt lên: "Ông rõ là ngớ ngẩn! Chúng ta chỉ còn có tấm vải ấy, nếu đem cho ông Tỳ-khưu kia thì mình kể như cùng đường, làm sao mà đi hành khất được? Có tấm vải ấy thì còn có thể thay phiên nhau che thân mà đi, nếu đem cho rồi thì làm sao mà sống?"

Người chồng từ tốn khuyên vợ: "Đúng thế, việc này không phải dễ. Nhưng thôi chúng ta đừng lo nghĩ cho mình nữa; cứ bố thí tấm vải ấy cho thầy Tỳ-khưu này đi. Nếu không ra ngoài xin ăn được thì ở đây chịu chết đói thôi; có gì đâu mà nghĩ ngợi cho nhiều? Mình coi, thầy Tỳ-khưu vẫn còn đứng chờ ở ngoài kia kìa."

Chị vợ nghe chồng nói cũng phải, thở dài bảo: "Thôi được, mình muốn bố thí thì bố thí vậy!"

Quyết định rồi, họ bèn chuyển tấm vải qua cửa sổ để cúng dường cho thầy Tỳ-khưu. Thầy Tỳ-khưu, vốn là vị Bích-Chi Phật đã chứng quả, đón lấy tấm vải ấy và mang đến chỗ Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, triển chuyển cúng dường cho Đức Phật, rồi bạch rằng: "Kính bạch Đức Thế Tôn! Con vừa hóa duyên được tấm vải này từ một gia đình rất nghèo khổ. Đây là tài sản duy nhất của họ, nhưng họ đã đem bố thí cho con."

Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni tiếp nhận tấm vải ấy và nói với đại chúng: "Quý quá thay! Công đức này rất to lớn. Trong nhà chỉ vồn vẹn có được một tấm vải, thế mà họ lại đem cúng dường cho thầy Tỳ-khưu này, vốn là một vị Bích-Chi Phật! Họ sẽ được hưởng vô lượng phước báo, tương lai sẽ được phước rất lớn." Đương thời, vị Quốc-vương của nước ấy cũng có mặt trong Pháp-hội của Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni. Nghe qua tự sự, Quốc-vương thầm nghĩ: "Trong nước ta có người nghèo khổ đến nỗi không có cơm ăn, áo mặc; còn riêng ta thì ở hoàng cung ăn ngon mặc đẹp, như thế thì làm sao mà xứng đáng để trị vì muôn dân?" Quốc-vương tự thấy hổ thẹn, bèn phái người mang tới cho hai vợ chồng họ thật nhiều gạo, bột, thức ăn và y phục.

Thế là đôi vợ chồng nghèo được hưởng phước báo ngay tức khắc - vừa mới bố thí tài sản duy nhất của mình thì liền có được đầy đủ mọi thứ. Sau đó, hai vợ chồng họ đến bái kiến Đức Phật. Đức Phật thuyết Pháp cho họ nghe; và Ngài vừa nói xong thì cả hai người đều lập tức chứng được Sơ-quả A-la-hán.

Cho nên, nghèo hèn mà có thể bố-thí là khó. Nếu đương lúc gặp khó khăn mà quý vị có thể bố-thí được, thì đó mới là thật sự có tâm bố-thí. Và nếu càng khó khăn quý vị càng cố gắng để làm cho được, thì lại càng có giá trị hơn nữa. Chẳng hạn như chúng ta không thể chịu đựng sự mắng chửi, nhưng nếu bị người khác chửi mắng mà quý vị có thể nhẫn nhịn được, thì quý vị là người có đức hạnh. Cho nên, mặc dù chúng ta không thể chịu đựng sự đánh đập, nhưng khi bị kẻ khác đánh, quý vị nên nhẫn chịu và nghĩ rằng: "ừ!

Đây là một vị Thiện-tri-thức tới làm tiêu bớt nghiệp chướng giùm mình, giúp mình thoát khỏi bể khổ. Đây là một vị Thiện-tri-thức hiếm có nhất!" Bất cứ cảnh giới nào xảy đến, quý vị cũng phải nhận diện cho được. Những người chỉ trích, không nói tốt về quý vị, chính là Thiện-tri-thức của quý vị đấy. Chớ nên mới nghe người ta khen mình một tiếng là mừng rỡ ríu rít như trẻ con được cho kẹo; còn bị chê bai, chỉ trích một câu thì lại thấy cay đắng, khổ sở còn hơn là bị ăn hoàng liên nữa. Đừng nên có thái độ như vậy!

Đức Phật kể ra hai mươi sự khó, song nhân sinh nào phải chỉ có hai mươi sự khó ấy thôi đâu; hẳn nhiên là nhiều hơn thế nữa. Khi những sự khó khăn xảy đến, nếu quý vị có thể giải quyết một cách dễ dàng tức là quý vị đã thực sự hiểu Phật Pháp vậy.

2) "Hào quý mà học Đạo là khó. "Hào tức là phú hào, nghĩa là giàu có, lắm tiền lắm của. "Quý" là tôn quý, nghĩa là có địa vị cao, có thế lực lớn. Những người đã có tiền lại có thế lực nữa, thì đương nhiên đời sống của họ rất sung sướng, chứ không khổ sở như đôi vợ chồng nghèo chỉ có độc nhất một cái khổ vừa kể nọ.

Những người giàu sang quyền quý thường có rất nhiều áo quần để thay đổi, rất nhiều tiền bạc để chi tiêu, đồng thời cũng có rất nhiều bà con giàu sang và bạn bè nổi tiếng. Như thế mà quý vị bảo họ dụng công tu hành, xuất gia học Đạo, thì thật là quá khó! Vì sao? Bởi vì họ đang hưởng một cuộc sống sung túc và cảm thấy rất thoải mái, rất tự do. Họ quen sống trong những tòa nhà lộng lẫy như lâu đài của

vua chúa, và ăn toàn các thứ cao lương mỹ vị, những thực phẩm sang trọng nhất, đắt tiền nhất mà đa số mọi người không mua nổi. Cho nên, muốn cho họ chịu tu Đạo không phải là chuyện dễ.

3) "Bỏ thân mạng ắt chết là khó." "Bỏ thân mạng" tức là không muốn sống nữa. Tuy nhiên, cho dù quý vị không muốn sống nữa, cũng chưa chắc là quý vị có thể chết được ngay. Chẳng hạn như có nhiều người muốn chết nên uống thuốc ngủ để tự tử, nhưng vì uống chưa đủ liều lượng nên vẫn còn sống. Đó là trường hợp muốn chết nhưng lại chưa thể chết được. Nếu quý vị muốn bỏ thân mạng là có thể bỏ được ngay, muốn chết là chắc chắn chết được liền, thì không gọi là khó.

Sự khó khăn này cũng có thể được giải thích theo cách khác. Nếu quý vị muốn chết thì đương nhiên rồi cũng được toại nguyện, cũng có lúc sẽ chết thôi. Thế nhưng, cho dầu quý vị ham sống sợ chết, dùng đủ mọi cách để giữ gìn cái thân này hầu kéo dài tuổi thọ, tránh khỏi cái chết, thì cũng không thể nào thực hiện được! Con người, ai ai rồi cũng phải chết; chẳng có người nào có thể "trẻ mãi không già" hoặc "sống hoài không chết" cả. Tuyệt nhiên không thể có chuyện đó, cho nên Đức Phật mới dạy là "bỏ thân mạng ắt chết là khó."

4) "Được thấy kinh Phật là khó." Quý vị chớ nên cho rằng được nghe giảng Kinh và được xem kinh sách như hiện tại là chuyện đơn giản, dễ dàng. Đó quả thật không phải là chuyện dễ. Có bài kệ rằng:

Vô lượng thâm thâm vi diệu Pháp,  
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.  
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì.  
Nguyện giải Như-Lai chân thực nghĩa.

*(Pháp Phật cao siêu rất nhiệm mầu.  
Trăm nghìn muôn kiếp khó gặp được,  
Con nay nghe, thấy được thọ trì,  
Nguyện hiểu Như-Lai chân thật nghĩa.)*

Quý vị hãy nghĩ xem, được nhìn thấy kinh sách của Phật không phải là dễ, được mang thân người lại cũng rất khó. Thế mà, đời này chúng ta đã có được thân người, lại còn được gặp kinh Phật và được nghe giảng kinh Phật - thật không phải là chuyện dễ! Ấu cũng là nhờ vô lượng kiếp về trước chúng ta đã trồng được đại thiện căn vậy!

5) "Sanh gặp đời có Phật là khó." Được sanh ra vào thời có Phật xuất thế cũng không phải dễ. Mặc dầu hiện tại Đức Phật đã nhập Niết-bàn, nhưng Phật Pháp vẫn còn tồn tại, cho nên chúng ta vẫn có thể học Phật và vẫn có thể tu hành. Thật may mắn thay cho chúng ta.

6) "Nhịn sắc, nhịn dục là khó." Ở đây, sắc dục tức là thứ tình cảm và dục vọng giữa nam nữ. Không dễ gì mà kiềm chế được lòng sắc dục, bởi vì thông thường, người đời đều cho rằng nam nữ kết hôn là lẽ tự nhiên. Nhịn được sắc, nhịn

được dục, gặp cảnh giới mà không bị động tâm, có được sức nhẫn nhịn - đó là những việc rất khó khăn. Quý vị có thể kiềm chế một vài lần, nhưng rồi quý vị không thể kiềm chế nổi nữa và trở nên điên đảo. Vì thế, nhịn được sắc dục, bỏ được lòng ham muốn, không phải là dễ.

7) "Thấy tốt mà chẳng mong cầu là khó." Trông thấy sự việc rất tốt đẹp mà không tham cầu, không ao ước, thì không phải dễ. Thói thường dễ thấy cái gì đẹp là ai nấy đều sanh lòng tham, muốn chiếm hữu; cho nên thấy thứ tốt mà không tham cầu là khó.

8) "Bị sỉ nhục mà chẳng tức giận là khó." Thí dụ có người bỗng dưng đánh đập, chửi mắng, hoặc vô cớ làm nhục quý vị. Khi ấy, quý vị khó mà dằn lòng, không sanh tâm sân hận, hoặc xem như chẳng có chuyện gì xảy ra. Tuy rằng không dễ bỏ qua, nhưng nếu quý vị làm được, tức là quý vị đã vượt qua được sự thử thách vậy.

9) "Có thể lực mà không lạm dụng là khó." "Có thể lực" tức là có quyền hành. Thí dụ có những kẻ làm quan mà muốn giết người là giết, thậm chí dùng quyền thế để sát hại người vô tội; đó gọi là "ỷ thế hiếp người." Cây có quyền lực trong tay rồi giết người bừa bãi, tức là lạm dụng quyền lực. Kẻ không lạm dụng quyền là không dựa vào quyền lực để chèn ép, ức hiếp người khác. Có quyền lực mà không cậy quyền ỷ thế - không hống hách, vẫn tôn trọng mọi người, chẳng đàn áp hoặc sát hại người khác một cách bừa bãi - là một việc rất khó thực hiện. Tuy nhiên, khó làm mà làm được, thì không gì quý bằng!



10) "Gặp việc mà vô tâm là khó." Bất luận gặp phải chuyện gì, quý vị đều nên "vô tâm" mà ứng xử, đối phó. Khi có việc gì xảy ra, quý vị chớ nên bối rối, hoảng hốt; mà hãy tùy cơ ứng biến, tùy duyên đối phó. Chuyện đã qua rồi, giải quyết xong rồi, thì không nên nghĩ tới nữa; đó là:

Sự lai tắc ứng, sự khứ tắc tĩnh.

(Việc tới thì ứng phó, việc đi thì điềm tĩnh.)

Như thế gọi là "vô tâm" - không có tâm chấp trước, cũng chẳng có tâm vọng tưởng.

11) "Học rộng, nghiên cứu nhiều là khó." "Học rộng" tức là học nhiều hiểu rộng; và "nghiên cứu nhiều" tức là tìm tòi, tra cứu cặn kẽ. Điều này cũng không dễ thực hiện.

12) "Dẹp trừ tánh ngã mạn là khó." Mọi người đều có tâm ngã mạn - thói kiêu ngạo, tự mãn về "cái tôi." Trừ diệt lòng ngã mạn, dứt bỏ thói kiêu căng, cũng không phải là chuyện dễ làm.

13) "Chẳng khinh người chưa học là khó." Đây là điều mà người xuất gia cần phải biết hơn hết: Không được khinh thường người chưa học Phật Pháp. Nếu khinh thường họ, tức là phạm tội "khinh thường người chưa học." Đối với những người không am hiểu Phật Pháp, quý vị nên vận dụng các pháp môn phương tiện để giảng giải và cảm hóa, chứ không nên có lòng khinh khi hoặc có thái độ bất nhã với họ.



Trong giáo pháp của Phật có nêu ra bốn điều không được khinh xuất, coi thường. Đức Phật vẫn thường nhắc đến những điều này; vậy đó là những điều gì? Đó là:

a) Lửa dù nhỏ, chớ coi thường (hỏa tuy tiểu, bất khả hốt). Đối với đốm lửa nhỏ, quý vị không được coi thường, không được lơ đãng. Tuy rằng chỉ là một đốm lửa nhỏ, quý vị cũng phải hết sức cẩn thận; bởi vì hễ quý vị sơ ý, tất cả mọi thứ đều có thể bị thiêu hủy bất cứ lúc nào!

b) Rỗng dù nhỏ, chớ coi thường (long tuy tiểu, bất khả hốt). Cho dù rỗng rất nhỏ, quý vị cũng không được coi thường, bởi rỗng có phép thần thông biến hóa, có khả năng biến nhỏ biến lớn.

c) Con vua dù nhỏ, chớ coi thường (vương tử tuy tiểu, bất khả hốt). Vương tử là con vua, là Thái-tử của Quốc-vương. Mặc dù vị vương-tử còn nhỏ tuổi, quý vị cũng không được coi thường, bởi trong tương lai, vương-tử sẽ được kế vị làm Hoàng-đế.

d) Sa-môn dù nhỏ, chớ coi thường (Sa-môn tuy tiểu, bất khả hốt). Mặc dù vị Sa-môn còn nhỏ tuổi, quý vị cũng không được coi thường, bởi vì tương lai vị Sa-môn ấy sẽ thành Phật.

Vậy, "chẳng khinh người chưa học" tức là không được khinh khi, xem thường những kẻ chưa học Phật Pháp; và tất nhiên, đó là điều rất khó thực hiện.

14) "Thực hành tâm bình đẳng là khó." Muốn cho tâm mình thực hành lễ từ bi và bình đẳng thì không dễ, nhưng quý vị vẫn nên cố gắng tiến hành.

15) "Chẳng nói thị phi là khó." Đa số người đời đều thích nói chuyện thị phi, bàn tán chuyện phải quấy của kẻ khác; cho nên, không nói chuyện thị phi là một việc rất khó.

Một đệ tử của tôi nói rằng trước khi xuất gia thì anh ta không hề nói chuyện thị phi, thế nhưng sau khi xuất gia thì lại tiêm nhiễm thói xấu đó. Tuy nhiên, anh ta đã tỉnh ngộ rất chóng, nên tôi tin rằng bây giờ anh ta không còn nói chuyện thị phi nữa!

16) "Gặp được Thiện-tri-thức là khó." Được gặp gỡ bậc Thiện-tri-thức không phải là chuyện dễ. Quý vị hãy nhìn những vị học Đạo mà xem: Đa số những người mà quý vị gặp đều hồ đồ, ương ương dở dở cả. Bậc Thiện-tri-thức thì không hồ đồ, không gàn dở, không để cho quý vị phải lầm đường lạc lối.

Người tu Đạo nhất định phải nghe lời bậc Thiện-tri-thức. Nếu trong lúc chưa chứng được quả vị mà quý vị lại không chịu nghe lời hướng dẫn của bậc Thiện-tri-thức, chỉ muốn làm theo tánh ý của riêng mình, tức là quý vị đã phạm sai lầm và thế nào cũng bị đọa lạc, gặp ma chướng. Do đó, quý vị nhất định phải gần gũi các bậc Thiện-tri-thức và nghe theo sự giáo hóa của họ. Tuy nhiên, khó mà gặp được bậc Thiện-tri-thức.

17) "Học Đạo, thấy được tánh là khó." Học Đạo mà có thể "minh tâm kiến tánh" (hiểu tâm, thấy tánh) thì không phải dễ. Cho nên, nếu người học Đạo mà có thể hiểu được tâm và thấy được tánh của chính mình tức là đã làm được việc rất khó làm vậy.

18) "Tùy duyên hóa độ người là khó." Biết tùy duyên tùy phận mà uyển chuyển giáo hóa, cứu độ chúng sanh không phải là chuyện dễ.

19) "Thấy cảnh mà không động là khó." Nếu gặp bất cứ cảnh giới nào quý vị cũng không bị cảnh giới ấy lay chuyển, mà trái lại, còn có thể chuyển được cảnh giới, tức là quý vị đã làm được một việc rất khó.

20) "Khéo biết phương tiện là khó." Nhận biết được pháp môn phương tiện nào thích hợp để giáo hóa chúng sanh không phải là chuyện dễ.

## Chương 13

### **Vấn Đạo Túc Mạng**

(Hỏi Về Đạo & Túc Mạng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Sa-môn vấn Phật: "Dĩ hà nhân duyên đắc Tri-túc-mạng, hội kỳ chí Đạo?"**

**Phật ngôn: "Tịnh tâm, thủ chí, khả hội chí Đạo. Thí như ma cảnh, cầu khứ minh tồn; đoạn dục, vô cầu, đương đắc Túc-mạng."**

**Dịch Nghĩa: Một vị Sa-môn hỏi Phật: "Do nhân duyên gì mà được Tri-túc-mạng và hiểu thấu Đạo cao tột?"**

**Đức Phật dạy: "Tịnh tâm, thủ chí, thì có thể hiểu thấu Đạo cao tột. Ví như lau gương, chùi hết cấu bẩn thì còn lại vẻ sáng; dứt lòng tham dục, không còn mong cầu, tất sẽ đắc Túc-mạng."**

Lược giảng:

Chương thứ mười ba nói về con người làm thế nào để đắc Tri-túc-mạng tức là khả năng biết được mạng sống trong nhiều kiếp về trước. Đức Phật dạy chúng ta nếu muốn có được phép túc-mạng thì phải thế nào? Phải thế hội Đạo, phải hiểu Đạo một cách thấu suốt!

Có một vị Sa-môn hỏi Phật. "Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà được Tri-túc-mạng và hiểu thấu Đạo cao tột? Nhờ nhân duyên gì, phải tu hành ra sao, và nên tu theo pháp môn nào để đắc được Túc-mạng-thông? Đồng thời, chúng con phải làm thế nào để thấu triệt được đạo lý chân chánh?"

Đức Phật dạy: "Tịnh tâm, thủ chí, thì có thể hiểu thấu Đạo cao tột." Đức Phật trả lời thầy Sa-môn ấy rằng: "Các ông cần phải làm cho tâm mình trở nên thanh tịnh và phải giữ

vững chí nguyện của mình. Hễ lập thệ nguyện gì thì phải giữ lời thệ nguyện ấy. Không nên mới phát nguyện được mấy hôm là đã nuốt lời, xem như chẳng đáng kể: "Tôi rút lời nguyện ấy lại rồi!" Hành động như thế tức là không 'thủ chí,' không giữ vững chí nguyện của mình. Nếu các ông có thể tịnh tâm, lóng sạch tâm trí, trừ khử mọi hắc ám trong lòng - vọng tưởng, tham, sân, si - và có thể kiên quyết giữ vững chí nguyện của mình, thì tự nhiên các ông sẽ hiểu thấu được Đạo chân chánh." Đạo chân chánh và tối cao kia tương tự cái gì? Bây giờ Đức Phật đưa ra một tỷ dụ.

"Ví như lau gương, chùi hết cấu bẩn thì còn lại vẻ sáng." Khi quý vị lau chùi tấm gương, hễ lau sạch bụi bặm trên mặt gương thì vẻ sáng của gương hiện ra. Vẻ sáng hiện ra ấy chính là Túc-mạng thông - khả năng biết được việc đời trước.

Tương tự như thế, một khi quý vị "dứt lòng tham dục, không còn mong cầu, tất sẽ đắc Túc-mạng." Nếu quý vị có thể dứt bỏ dục niệm và không còn tham cầu - đạt tới cảnh giới "vô sở cầu" - thì quý vị sẽ đắc được Túc-mạng thông.

Cho nên chúng ta, những người tu Đạo, dứt khoát phải không còn tạp niệm, không còn vọng tưởng. Nếu quý vị có thể dứt sạch mọi vọng tưởng, tạp niệm, thì tu pháp môn nào cũng thành công rất nhanh chóng. Nhưng nếu đầu óc chỉ toàn là vọng tưởng, tạp niệm, trong lòng vẫn đầy dẫy tham, sân, si, thì đương nhiên quý vị tu pháp môn nào cũng chẳng tương ứng cả.

Chúng ta tu học Phật pháp thì trước hết là phải dứt bỏ lòng ái dục, đoạn trừ mọi dục niệm. Rồi phải dứt tuyệt lòng tham cầu - không cầu mong bất cứ cái gì cả. Có mong cầu là khổ. Bất luận quý vị mong cầu điều gì, nếu không được toại nguyện tức là quý vị sẽ chịu đựng nỗi khổ "cầu bất đắc" nghĩa là khổ vì cầu mà không được. Cho nên, mọi người cần phải chú ý điểm này.

Tu hành là tu cái gì? Tu hành tức là dứt bỏ mọi vọng tưởng và dục niệm của chính mình. Làm được như thế tức là có công phu thực sự. Một khi tánh đố kỵ, chướng ngại, tham, sân, si của quý vị đã được quét sạch, thì quý vị sẽ đắc Túc-mạng-thông.

## Chương 14

### **Thỉnh Vấn Thiện Đại**

(Hỏi Về Tánh Thiện Và Đại)

Kinh Văn:

**Hán Văn: Sa-môn vấn Phật: "Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại?"**

**Phật ngôn: "Hành Đạo, thủ chân giả thiện. Chí dữ Đạo hợp giả đại."**

Dịch Nghĩa: **Một vị Sa-môn hỏi Phật: "Điều gì là thiện? Điều gì là tối đại?"**

**Đức Phật dạy: "Thực hành Đạo và giữ bề chân thật, là thiện. Chí và Đạo hợp nhau, là đại."**

Lược giảng:

Chương thứ mười bốn giảng rõ rằng không có gì tốt hơn sự tu hành chân chánh, và đó là điều tối thiện (lành nhất). "Đại" tức là sự chứng đắc đạo lý chân thật. Đây chính là điều tối đại (lớn nhất) vậy.

Một vị Sa-môn hỏi Phật: "Điều gì là thiện? Điều gì là tối đại?" Có một thầy Sa-môn thỉnh vấn Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế-Tôn! Việc gì là tốt nhất, đáng làm hơn hết? Việc gì là vĩ đại nhất, quan trọng nhất và nên làm nhất?"

Đức Phật dạy: "Thực hành Đạo và giữ bề chân thật, là thiện." Đức Phật trả lời thầy Sa-môn ấy rằng: "Nếu ông có thể tu hành theo Phật pháp chân chánh thì đó là điều tốt nhất. Đừng nên tu theo bàng môn ngoại đạo. Thế nào là Phật pháp chân chánh? Đó là không ích kỷ, chí công vô tư, không thiên vị, không phân biệt mình với người. Chúng ta không nên có lòng vị kỷ và cũng đừng mưu cầu lợi lộc riêng tư. Nhất cử nhất động, chúng ta đều nên thực hành Bồ-tát Đạo, làm lợi ích cho chúng sanh. Hễ mình hiểu được điều gì cũng muốn giảng giải cho người khác cùng hiểu, và nếu mình được lợi lạc thì cũng mong cho người khác được như

mình. Không ích kỷ và không mưu cầu lợi lạc cho riêng bản thân mình - đó là tối thiện, là điều tốt lành nhất vậy.

"Thực hành Đạo, giữ bề chân thật" tức là giữ gìn chân lý, chứ không giữ cái pháp hư vọng, không thật. Tu hành thì phải hiểu rõ chân lý. Không hiểu chân lý thì không phải là "giữ bề chân thật." Giữ được sự chân thật là điều tốt đẹp nhất.

"Chí và Đạo hợp nhau, là đại." Khi chí nguyện của quý vị và đường Đạo mà quý vị đang tu hành có thể hợp lại thành một, thì quý vị sẽ chứng được quả vị thánh nhân. Quý vị có thể chứng quả A-la-hán hoặc thực hành Bồ-tát Đạo. Đó là tối đại vậy!

Chương 15

## **Thỉnh Văn Lực Minh**

(Hỏi Về Sức Mạnh & Sáng)

Kinh Văn:

**Hán Văn: Sa-môn văn Phật: "Hà giả đa lực? Hà giả tối minh?"**

**Phật ngôn: "Nhẫn nhục đa lực, bất hoại ác cố, kiêm gia an kiện. Nhẫn giả vô ác, tất vi nhân tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uest, thị vi tối minh. Vị hữu thiên**



**địa, đãi ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn. Đắc Nhất-thiết Trí, khả vị minh hỷ."**

**Dịch Nghĩa: Sa-môn hỏi Phật: "Cái gì mạnh nhất? Cái gì sáng nhất?"**

**Đức Phật dạy: "Nhẫn nhục mạnh nhất, vì chẳng mang lòng ác, lại được thêm an kiện. Kẻ nhẫn nhục không ác, tất được người đời tôn kính. Cấu bẩn trong tâm diệt hết, sạch không còn vết dơ, đó là sáng nhất. Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, bao nhiêu sự vật trong mười phương, không có gì là chẳng thấy, không có gì là chẳng biết, không có gì là chẳng nghe. Được Nhất-thiết Trí có thể gọi là sáng vậy."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ mười lăm. Chương này cho chúng ta biết rằng nhẫn nhục là mạnh nhất. Nhẫn nhục có thể trừ diệt hết mọi cấu nhiễm và giúp cho sự hiểu biết của chúng ta được thấu đáo hơn.

Một vị Sa-môn hỏi Phật: "Cái gì mạnh nhất? Cái gì sáng nhất?" Lại có một thầy Sa-môn thỉnh vấn Đức Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Cái gì nhiều nhất, mạnh mẽ nhất trong tất cả? Và, cái gì sáng nhất, có trí huệ nhất?"

Để giải đáp thắc mắc ấy, Đức Phật dạy: "Nhẫn nhục mạnh nhất." Nếu quý vị có thể chịu đựng sự nhục mạ thì quý vị

là người mạnh nhất; nếu không nhẫn nhục được thì không có sức mạnh. Sức mạnh của sự nhẫn nhục thì vô biên, bất tận; vì sao? "Vì chẳng mang lòng ác." Sức mạnh của sự nhẫn nhục là một thứ thiện lực, chẳng xen lẫn mảy may ác lực. Bởi đó là thứ sức mạnh toàn thiện, không chứa chất cái ác, nên không bao giờ cùng tận.

Có câu:

Nhu nãg khắc cươg, nhược nãg thắg cươg.

(Mềm có thể hơn cứng, yếu có thể thắng mạnh.)

Mềm dẻo có thể khắc chế cứng rắn; và dịu dàng, nhường nhịn có thể thắng được ương ngạnh. Tôi thường hỏi quý vị: Tại sao răng rụng? Câu trả lời là: Vì răng cứng! Thế thì, tại sao lưỡi không rụng? Vì lưỡi mềm! Cho dù quý vị có sống tới vài trăm tuổi đi nữa, thì quý vị cũng chỉ gặp toàn là người rụng răng, chứ chẳng thấy có ai rụng lưỡi cả. Đó là vì lưỡi vốn mềm mại, biết nhẫn nhục. Cho nên, nhẫn nhục là mạnh nhất!

"Lại được thêm an kiện." Hơn nữa, nhờ có tánh nhẫn nhục nên được bình yên, khỏe mạnh và sáng suốt.

"Kẻ nhẫn nhục không ác. Người có đức tánh nhẫn nại thì chắc chắn không làm điều ác; do đó, tất được người đời tôn kính." Nếu quý vị không làm điều ác thì nhất định quý vị sẽ được mọi người kính trọng.

Một khi "cấu bản trong tâm diệt hết, các thói ích kỷ, tự lợi, tham, sân, si, các ý nghĩ nhiễm ô, dục niệm đều không còn,

bấy giờ tâm trí sẽ sạch không còn vết dơ." Bấy giờ, quý vị trở nên trong sạch đến nỗi một chút sai lầm, tỳ vết, hoặc ý nghĩ cấu nhiễm cũng không còn nữa. Chỉ độc nhất một cái tâm thanh tịnh tồn tại - và, "đó là sáng nhất." Nếu quý vị có thể tẩy trừ mọi hắc ám trong tâm, thì đó là sáng suốt nhất, có trí huệ nhất.

"Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, bao nhiêu sự vật trong mười phương, không có gì là chẳng thấy, không có gì là chẳng biết, không có gì là chẳng nghe." Từ thuở chưa khai thiên lập địa cho tới hiện tại, đối với mọi sự mọi vật trong mười phương, thì quý vị không có vật gì mà chẳng thấy, không có việc gì mà chẳng biết. Như thế là kể từ vô thủy kiếp đến nay, mọi việc xảy ra quý vị đều biết rõ, và không có chuyện gì mà quý vị chưa từng nghe qua cả.

"Được Nhất-thiết Trí có thể gọi là sáng vậy." Vì sao lại có thể như thế được? Vì quý vị đã đạt được Nhất-thiết Trí. Đây mới được xem là sự hiểu biết chân chánh, sự thấu triệt chân chánh và trí huệ chân chánh vậy!

Chương 16

## **Xả ái Đặc Đạo**

(Bỏ ái Dục Tất Đặc Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Nhân hoài ái dục, bất kiến Đạo giả; thí như trường thủy trí thủ giáo chi, chúng nhân cộng lâm, vô hữu đồ kỳ ảnh giả. Nhân dĩ ái dục giao thổ, tâm trung trọc hưng, cố bất kiến Đạo. Nhữ đẳng Sa-môn đương xả ái dục; ái dục cầu tận, Đạo khả kiến hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người ôm giữ lòng ái dục chẳng thấy được Đạo, ví như nước đã lóng trong lại lấy tay khuấy lên, khiến những người đến xem đều không thấy được bóng của họ. Người đời vì bị ái dục xáo trộn, làm cho cầu trọc trong tâm nổi dậy, nên chẳng thấy được Đạo. Sa-môn các ông phải xả bỏ ái dục, cầu bản ái dục hết sạch thì có thể thấy được Đạo!"**

Lược giảng:

Chương thứ mười sáu nói về tâm của người đời chúng ta. "Nước tâm" (tâm thủy) vốn lóng trong, nhưng nếu quý vị khuấy lên thì nước ấy sẽ không còn trong nữa. Như vậy, sự lóng trong là gì? Là Đạo! Còn không lóng trong là gì? Là ái dục! Chính lòng tham ái và tham dục gây chướng ngại, khiến chúng ta không thể minh tâm kiến tánh, không thấy được Đạo, không chứng được quả vị. Chứng được Sơ-quả A-la-hán là đạt đến ngôi vị Kiến Đạo, tức là đã thấy được Đạo vậy.

Đức Phật dạy: "Người ôm giữ lòng ái dục..." Giảng cái pháp này cho người Tây phương nghe thì thật khó mà giảng cho thông, vì đa số người Tây phương bất luận chuyện gì cũng đều nhắc tới ái (love), nói tới dục. Đặc biệt là có những tín đồ của nhiều giáo phái còn nói: "Giáo-chủ yêu tôi và tôi yêu giáo-chủ!" Giữa họ và "giáo-chủ" của họ có mối quan hệ luyến ái như giữa nam và nữ vậy. Thậm chí, có nhiều nữ tín đồ còn dám nói là họ đã married, đã kết hôn với "giáo-chủ" của họ nữa. Thật là những kẻ chẳng hiểu gì về Đạo cả!

Những người cứ ôm giữ lòng ái dục, thâm tâm chỉ toàn nhớ tưởng tới ái tình và dục vọng, thì "chẳng thấy được Đạo." Nếu quý vị tu Đạo nhưng lại không hiểu Đạo, thì sẽ một mặt tu hành, một mặt hủy hoại sự tu hành của mình - khuyên quý vị phải dứt bỏ lòng ái dục thì lòng ái dục của quý vị lại càng gia tăng!

"Ví như nước đã lóng trong lại lấy tay khuấy lên." Khi bị lòng tham ái và tham dục xâm chiếm thì quý vị không thể thấy được Đạo; giống như việc gì? Giống như nước đã lóng trong mà quý vị lại lấy tay khuấy lên, làm cho đục vậy. Sở dĩ như thế là vì trong nước ấy có đất cát, bùn, bụi bặm. Nếu trong nước hoàn toàn không có cát và bùn, thì quý vị có khuấy thế nào đi nữa, nước cũng chẳng bị đục! Cát và bùn ở đây tượng trưng cho cái gì? Tượng trưng cho ái và dục - ái tình và dục vọng ví như bụi bặm, bùn đất trong nước. Khi lòng tham ái và tham dục của quý vị dậy khởi, thì cũng giống như quý vị lấy tay khuấy đục nước, "khiến những người đến xem đều không thấy được bóng của họ" vậy. Tất

cả những người đứng cạnh bờ nước đều không thấy có bóng mình phản chiếu trên mặt nước; vì sao? Vì nước đã bị khuấy đục! Vì sao quý vị không thấy được Đạo? Vì lòng tham ái và tham dục làm cho quý vị trở thành u mê tăm tối!

"Người đời vì bị ái dục xáo trộn, làm cho cấu trúc trong tâm nổi dậy, nên chẳng thấy được Đạo." Từ sáng đến tối, họ chỉ nghĩ đến ái tình và dục vọng - những ý tưởng bất tịnh, không trong sạch. Vì bị lòng tham ái và tham dục xáo trộn, chi phối, nên họ không nghĩ tới điều gì khác ngoài trừ ái và dục. Trong tâm họ, cấu trúc dấy lên làm đục "nước trí huệ" (trí huệ thủy) - họ không còn sáng suốt, không còn trí huệ nữa; và do đó, họ chẳng hiểu được Đạo. Quý vị ngày ngày miệt mài tu hành mà vẫn không chứng được quả vị, chẳng thấy được Đạo, là vì sao? Vì quý vị vẫn còn lòng tham ái và tham dục! Nếu không có tâm ái dục thì quý vị sẽ thấy được Đạo rất mau chóng.

Vì thế Đức Phật căn dặn: "Sa-môn các ông phải xả bỏ ái dục." Ở đây Sa-môn là bao gồm tất cả các Tỳ-khưu và Tỳ-khưu ni chúng ta hiện nay. Tất cả chúng ta đều nên dứt bỏ lòng tham ái và tham dục. Dứt bỏ ái dục không có nghĩa là phải tuyên bố: "Tôi rất ghét phái nữ. Hễ gặp họ là tôi nổi nóng, đuổi họ đi ngay!" Không phải như thế! Vậy thì phải như thế nào? Phải "nhìn mà như không thấy, nghe mà như chẳng nghe!" Quý vị không nhất thiết phải căm ghét họ; tuy nhiên, cũng chớ vì họ mà xao xuyến, khởi tâm động niệm, hoặc bị họ chi phối.

Trong câu "xả bỏ ái dục," thì "xả bỏ" có nghĩa là bỏ thí, đem cho. Thí dụ quý vị bỏ thí tiền bạc, thì một khi đã cho người ta rồi tức là quý vị không có số tiền đó nữa - quý vị đã xả bỏ số tiền ấy. "Cầu bản ái dục hết sạch thì có thể thấy được Đạo!" Khi lòng tham ái và dục niệm - những rác rưởi dơ bản - đều không còn nữa, thì quý vị có thể thấy được Đạo, chứng được quả vị.

## Chương 17

### **Minh Lai ám Tạ**

(ánh Sáng Đến, Bóng Tối Tan)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Phù kiến Đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung; kỳ minh tức diệt, nhi minh độc tồn. Học Đạo kiến đế, vô minh tức diệt, nhi minh thường tồn hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người thấy được Đạo ví như kẻ cầm đuốc đi vào phòng tối, bóng tối lập tức tan biến, chỉ còn lại ánh sáng. Học Đạo mà thấy được chân lý thì vô minh liền dứt, ánh sáng sẽ thường còn."**

Lược giảng:

Chương thứ mười bảy cho thấy rằng vô minh vốn không có thể tánh. Chính vì không có thể-tánh cho nên hễ vô minh biến mất là biến mất hẳn. Một khi quý vị thấy được Đạo thì vô-minh sẽ tiêu tan.

Đức Phật dạy: "Người thấy được Đạo ví như kẻ cầm đuốc đi vào phòng tối." Những người thấy được Đạo thì chẳng khác nào kẻ cầm bó đuốc đang cháy trên tay mà đi vào một căn phòng tối tăm, u ám; khiến cho "bóng tối lập tức tan biến, chỉ còn lại ánh sáng." Sự sáng sủa tồn tại là nhờ ánh lửa tỏa ra từ bó đuốc. Bó đuốc tượng trưng cho trí huệ của con người, và ngụ ý rằng nếu chúng ta có trí huệ thì sẽ phá tan được vô-minh. Vô-minh tức là căn phòng tối tăm, hắc ám. Nếu quý vị có trí huệ thì căn phòng tối tăm ấy sẽ trở thành sáng sủa; cho nên nói rằng "chỉ còn lại ánh sáng."

"Học Đạo mà thấy được chân lý thì vô minh liền dứt, ánh sáng sẽ thường còn." Những người học Đạo mà có thể thấy được chân lý, thì sự vô-minh của họ lập tức biến mất. Hễ vô-minh biến mất thì trí huệ sẽ mãi mãi tồn tại vậy!

Chương 18

## **Niệm Đẳng Bản Không**

(Ý Niệm Và Mọi Thứ Vốn Là Không)



Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Ngô Pháp, niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu. Hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu, sai chi hào ly, thất chi tu du."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: " Pháp của Ta là nghĩ, nghĩ mà không nghĩ; là làm, làm mà không làm; là nói, nói mà không nói; là tu, tu mà không tu. Kẻ biết thì gần, người mê thì xa; đường ngôn ngữ dứt hết, chẳng bị vật gì ràng buộc; sai đi một ly ắt mất trong khoảnh khắc."**

Lược giảng:

Chương thứ mười tám nói về mối tương quan giữa sự hiện hữu với sự không hiện hữu của ý niệm và tu hành.

Đức Phật dạy: "Pháp của Ta là nghĩ, nghĩ mà không nghĩ." Đức Phật dạy rằng: "Giáo pháp của Ta, về mặt ý nghĩ thì cần phải không có một ý nghĩ nào cả, ngay cả cái ý nghĩ 'không nghĩ' cũng chẳng tồn tại nữa. Do đó, Pháp của Ta được gọi là 'nghĩ, nghĩ mà không nghĩ' vậy."

"Là làm, làm mà không làm." Trong giáo pháp của Ta, tu hành cũng là dùng 'vô công dụng Đạo'1. Tu hành thì đừng nên có sự chấp trước. Phải tu hành như không tu hành vậy; thậm chí cả chữ 'hành' trong 'không tu hành' cũng chẳng còn nữa."

"Là nói, nói mà không nói." Nói tức là lời ăn tiếng nói. Chớ nên chấp trước vào ngôn ngữ, văn tự. Lại nữa, phải từ bỏ luôn cả những tư tưởng và ý niệm về sự không chấp trước vào ngôn từ.

"Là tu, tu mà không tu." Khi tu thì cũng là cái tu của 'vô công dụng Đạo' - tu mà chẳng tu, chứng mà chẳng chứng. Tu Đạo, song không có một ý tưởng gì về 'tu Đạo' cả. Những thứ này đều không nên có! Như thế tức là chẳng có bất cứ sự chấp trước nào cả; mọi chấp trước đều trở thành 'không', và ngay cả cái 'không' ấy cũng phải làm cho thành không luôn!

"Kẻ biết thì gần." Nếu quý vị thấu hiểu được đạo lý này, tức là quý vị đang ở gần với Đạo, chẳng còn cách Đạo bao xa nữa.

"Người mê thì xa." Nếu quý vị chưa hiểu rõ và vẫn còn mê muội về Đạo lý này, thì quý vị còn ở cách Đạo rất xa.

Như vậy, xét cho cùng thì Đạo là như thế nào? Để tôi bảo cho quý vị biết, đó là "đường ngôn ngữ dứt hết." Có nói cũng không diễn đạt bằng lời được, mà có nghĩ cũng chẳng đúc kết thành ý đặng! "Đường ngôn ngữ dứt hết" tức là không thể dùng lời nói để diễn tả sự kỳ diệu này; nên nói rằng:

Ngôn ngữ đạo đoạn,

Tâm hành xứ diệt.

*(Dứt đường ngôn ngữ,*

*Diệt chôn tâm hành.)*

Đường nói năng bị cắt đứt và chỗ hành sự của tâm bị đình chỉ. Những gì mà cái tâm muốn nghĩ tưởng tới cũng không còn, hết thảy mọi thứ đều trống rỗng.

"Chẳng bị vật gì ràng buộc, bởi sự vật cũng là bốn thể của Chân-như." Nếu quý vị đạt được cảnh giới này, thì quý vị sẽ thấy rằng sông, núi, đất đai, và tất cả vạn vật với muôn hình vạn trạng đều là bốn thể của Chân-như. Bây giờ, quý vị sẽ không còn bị ràng buộc bởi sự vật nữa.

"Sai đi một ly, ắt mất trong khoảnh khắc." Đối với phương pháp tu hành này, nếu quý vị sơ hở hoặc sai lệch dù chỉ một đường tơ kẽ tóc, thì nội trong một thời gian rất ngắn ngủi, lập tức bị lạc đường ngay, tìm không thấy nữa. Cho nên, cần phải tự mình phá tan mọi chấp trước thì mới có thể đạt được cảnh giới này!

Chương 19

## **Chân Giả Tinh Quán**

(Quán Xét Cả Thật Lẫn Giả)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Quán thiên địa, niệm phi thường; quán thế giới, niệm phi thường; quán linh giác, tức Bồ-đề; như thị tri thức, đắc Đạo tột hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Quán trời đất, nghĩ là chẳng phải thường; quán thế giới, nghĩ là chẳng phải thường; quán linh-giác tức là Bồ-đề; hiểu được như thế thời đắc Đạo rất chóng vậy."**

Lược giảng:

Trong chương thứ mười chín này, Đức Phật dạy chúng ta nên quán tưởng đạo lý "nhất thiết duy tâm tạo (tất cả đều do tâm)," đồng thời cần phải gạt bỏ mọi sự giả dối, chỉ giữ gìn chân thật. Trời thì ở trên bao trùm lấy chúng ta, đất thì ở dưới nâng đỡ chúng ta. Đối với kẻ phàm phu thì trời và đất đều "thường trụ, bất hoại." Thật ra, trời và đất cũng có sự "thay cũ đổi mới," chứ không phải là hằng thường, bất biến.

Đức Phật dạy: "Quán trời đất, nghĩ là chẳng phải thường." Quán sát trời và đất, quý vị sẽ thấy rằng trong trời đất có khi lạnh, khi nóng - lạnh đến, nóng đi - và có sự tuần hoàn của bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Trên mặt đất thì có núi, có sông; và cả núi lẫn sông cũng đều hồ tương biến thiên, dời đổi, chứ không phải là cố định. Những hiện tượng ấy nói lên pháp sanh diệt, chứ không phải pháp bất sanh diệt trong tâm. Do đó, Đức Phật dạy chúng ta hãy nên nghĩ tới sự vô thường của trời và đất.

"Quán thể giới, nghĩ là chẳng phải thường." "Thế" có nghĩa là "thiên lưu," tức là biến thiên, đổi dời. "Giới" có nghĩa là "phương vị," tức là phương hướng và vị trí. Thế và giới - thời gian và nơi chốn - cũng có sanh có diệt, và cũng không phải là thường trụ, bất hoại. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta hãy nghĩ đến sự vô thường của thế giới.

"Quán linh-giác là Bồ-đề." Quý vị hãy quán tưởng cái linh tánh giác ngộ, sáng láng - linh minh giác tánh - của chính mình là tánh Bồ-đề.

"Hiểu được như thế thời đắc Đạo rất chóng vậy." Nếu quý vị có thể nghiên cứu như thế, nhận thức được như thế, biết rõ được như thế, thì sẽ đắc Đạo rất nhanh. Vì quý vị hiểu được đạo lý này nên quý vị sẽ đắc đạo. Nếu không lãnh hội được đạo lý này thì chẳng thể nào đắc Đạo được!

Chương 20

## **Suy Ngã Bồn Không**

(Suy Ra Cái "Ta" Vốn Là Không)

Kinh Văn:

**Hán Văn: Phật ngôn: "Đương niệm thân trung tứ đại, các tự hữu danh, đô vô ngã giả; ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhĩ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Nên nghĩ đến tứ đại trong thân, mỗi thứ tự nó có tên, không có cái nào là 'ta' cả. Cái 'ta' đã không có thì nó chỉ như huyễn như hóa mà thôi."**

Lược giảng:

Đại ý của chương thứ hai mươi là mọi người nên dùng tứ đại để quán xét thân người, ngõ hầu ý thức được thân này chỉ như huyễn như hóa, giả tạm, không thật.

Đức Phật dạy: "Nên nghĩ đến tứ đại trong thân." Chúng ta nên ngẫm nghĩ về tứ đại trong thân mình. Thân thể của chúng ta vốn do bốn yếu tố là đất, nước, lửa, và gió (không khí) kết hợp với nhau mà hình thành. Trong thân chúng ta, những phần rắn chắc là thuộc về yếu tố đất (địa đại), ẩm ướt là thuộc về yếu tố nước (thủy đại), ấm áp là thuộc về yếu tố lửa (hỏa đại), hơi thở vô ra và sự chuyển động là thuộc về yếu tố gió hoặc chất khí (phong đại).

"Mỗi thứ tự nó có tên." Mỗi một yếu tố trong tứ đại đều có tên của nó - yếu tố nào thì có tên của yếu tố ấy. Tuy nhiên, "không có cái nào là 'ta' hoặc 'tôi' cả." Nếu nói rằng cái thân này là "tôi," thì quý vị hãy xét lại xem - đầu thì có tên là "đầu"; chân có tên là "chân"; mắt có tên là "mắt"; tai có tên là "tai"; mũi có tên là "mũi"; lưỡi có tên là "lưỡi"; miệng có tên là "miệng." Từ đầu tới chân, mỗi bộ phận trên cơ thể đều có tên của nó. Cơ phận nào thì có tên của cơ phận đó, vậy quý vị hãy nói đi, cái "tôi" nằm ở đâu? Chỗ nào được

gọi là "tôi"? Chẳng có nơi nào gọi là "tôi" cả! Như vậy, đã không có một nơi nào tên "tôi," thì tại sao quý vị lại chấp trước vào cái "tôi"? Tại sao lại quá coi trọng cái "tôi" như thế? Khắp cơ thể chẳng có cái gì tên "tôi," chẳng có cái gì là "tôi" cả kia mà!

"Cái 'ta' đã không có, thì nó chỉ như huyễn như hóa mà thôi." Vì không có cái "tôi," nên xác thân này giống như một thứ ảo ảnh hoặc biến hóa tạm bợ, chứ không có thật. Bất luận là năng-quán (người quán tưởng) hay sở-quán (đối tượng quán tưởng), tất cả đều là hư vọng, đều là huyễn hóa. Nếu hiểu được đó là giả tạm, như huyễn như hóa, tất quý vị sẽ thấu triệt được đạo lý không-quán, giả-quán, và trung-quán. Khi đã lãnh hội được những đạo lý ấy, thì quý vị sẽ biết rằng thân người vốn là hư vọng, không thật!

### **Chú Thích:**

- Tứ Đại: Bốn chất lớn trong thế giới tạm hiệp làm con người và vạn vật: 1) Địa (đất - chất cứng); 2) Thủy (nước - chất lỏng); 3) Hỏa (lửa - sức nóng); và 4) Phong (gió - chất khí, sự lay chuyển).

- Tam quán (ba mỗi quán tưởng): 1) Không quán (xét ra sự vật đều không có thật tánh, thật tướng, mọi pháp vốn không); 2) Giả quán (xét rằng vạn vật, chư pháp đều biến hóa vô thường, đều là giả tạm cả); 3) Trung quán hay Trung-đạo quán (phải quán cho đặc lẽ Trung - đạo- chẳng phải không, chẳng phải giả. Đó là chỗ trọng yếu của đạo Phật vậy).

## Chương 21

### **Danh Thanh Táng Bồn**

(Danh Vọng Hại Người)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Nhân tùy tình dục, cầu ư thanh danh; thanh danh hiển trước, thân dĩ cố hỷ. Tham thế thường danh, nhi bất học Đạo, uổng công lao hình. Thí như thiêu hương, tuy nhân văn hương, hương chi tận hỷ, nguy thân chi hỏa, nhi tại kỳ hậu."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Người theo tình dục mà truy cầu thanh danh, khi thanh danh rõ ràng thì thân đã chết rồi! Tham thứ thường danh ở đời mà chẳng học Đạo, thì chỉ uổng công mệt xác. Ví như đốt hương, tuy người được ngửi mùi hương nhưng khi hương kia cháy hết, thì thứ lửa hại thân liền theo sau."

Lược giảng:

Đại ý chương thứ hai mươi một là dạy cho người đời hiểu rõ rằng tham cầu tiếng tăm, danh vọng, thì chẳng những không được lợi ích gì cả mà còn có hại nữa.



Đức Phật dạy: "Người theo tình dục, những người chạy theo tình cảm và dục vọng của riêng họ mà truy cầu thanh danh..." "Truy cầu thanh danh" tức là đeo đuổi, mong muốn được danh thơm tiếng tốt. Thế nhưng, "khi thanh danh rõ ràng thì thân đã chết rồi." Đến khi được hiển đạt, công thành danh toại, thì họ cũng già rồi; mà đã già thì cái chết cũng cận kề. Cho nên, danh lợi chẳng có ý nghĩa gì cả!

"Tham thứ thường danh ở đời, mà chẳng học Đạo, thì chỉ uổng công mệt xác." Những kẻ tham đắm thứ danh vọng tầm thường của thế tục và không chịu tu tập để thành Đạo quả, thì chỉ uổng phí công phu, khổ nhục thân xác mà thôi.

"Ví như đốt hương, tuy người được ngửi mùi thơm, nhưng khi hương kia cháy hết, thì thứ lửa hại thân liền theo sau." Thí dụ quý vị đốt một mẩu hương. Mặc dù quý vị được ngửi mùi hương thơm lan tỏa, nhưng sau khi hương cháy lụn hết, thì đốm than hồng còn âm ỉ trong đám tro có thể sẽ cháy bùng lên và thiêu chết quý vị. Cho nên nói rằng "thứ lửa hại thân liền theo sau" - sự nguy hiểm đang chực ở đằng sau và có thể sắp sửa xảy ra.

## Chương 22

### **Tài Sắc Chiêu Khổ**

(Tiền Cửa Và Sắc Dục Mang Lại Đau Khổ)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Tài sắc ư nhân, nhân chi bất xả, tử như đao nhận hữu mật, bất túc nhất san chi mỹ, tiểu nhi thi chi, tắc hữu cát thiệt chi hoạn."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Đối với tiền của và sắc dục, người ta không bỏ được; ví như có chút mật dính trên lưỡi dao, chẳng đủ cho một bữa ăn ngon, đứa bé liếm lấy ắt mắc cái họa đứt lưỡi."**

Lược giảng:

Chương thứ hai mươi hai giảng rõ rằng tiền của và sắc dục tuy có ít hương vị, nhưng sự tác hại của chúng thì lại rất to lớn. Cho nên, người có trí huệ đừng như đứa trẻ khờ dại ham thích vị ngọt.

Đức Phật dạy: "Đối với tiền của và sắc dục, người ta không bỏ được." Thế gian này có hai thứ hãm hại rất nhiều người tu Đạo; đó là tiền của và sắc dục. Những người tu Đạo mà không thể xả bỏ của cải thì sẽ tham tài, không thể xả bỏ sắc dục thì sẽ tham sắc. Nếu quý vị còn tham tài háo sắc, thì dứt khoát không thể nào thành tựu được Đạo-quả. Hầu hết người đời đều không thể từ bỏ được tiền của và sắc dục; tương tự như việc gì?

Đến đây, Đức Phật đưa ra một tỷ dụ: "Ví như có chút mật dính trên lưỡi dao, chẳng đủ cho một bữa ăn ngon, đứa bé liếm lấy ắt mắc cái họa đứt lưỡi." Giả sử có một con dao và

trên lưỡi dao bén có dính một chút mật, chẳng đủ để ăn một bữa cho thỏa thích. Đứa bé trông thấy mật trên lưỡi dao thì liền liếm lấy. Ở đây, "mật" là dụ cho tiền của và sắc dục. Kẻ phàm phu thiếu hiểu biết, tham tài tham sắc, thì chẳng khác nào đứa bé khờ dại tham ăn chút mật ngọt dính trên lưỡi dao, có nguy cơ bị cắt đứt lưỡi.

Cho nên, đối với tiền của và sắc dục, chúng ta cần phải có cái nhìn thấu triệt và phải biết buông bỏ, thì mới đạt được sự tự tại.

## Chương 23

### **Thê Tử Thạm Ngục**

(Gia Đình Còn Tệ Hơn Lao Ngục)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Nhân hệ ư thê tử, xá trạch, thạm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì. Tuy hữu hồ khẩu chi hoạn, tâm tồn cam phục. Đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu. Thấu đắc thử môn, xuất trần La-hán."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Người ta bị vợ con và nhà cửa ràng buộc còn hơn cả lao ngục. Lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không một ý nghĩ xa lìa;

**há chẳng sợ tình ái cùng sắc dục lôi cuốn? Dầu có cái họa sa nơi miệng hùm, lòng cũng cam chịu. Vì tự đắm mình nơi lây lội nên gọi là phạm phu; vượt qua được cửa ải này là bậc La-hán xuất trần."**

Lược giảng:

Chương thứ hai mươi ba nói rằng người đời bị chôn vùi trong gia đình và nhà cửa của chính họ. Bị chôn vùi như thế thì còn khổ sở hơn là ở tù nữa; do đó, mọi người nên tránh xa tình cảnh này, đồng thời, cần phải nhận thức được tầm lợi hại của nó.

Đức Phật dạy: "Người ta bị vợ con và nhà cửa ràng buộc còn hơn cả lao ngục." "Bị vợ con ràng buộc" tức là bị vợ (chồng), con cái làm cho vướng bận. Con người cũng bị ràng buộc bởi nhà cửa. Cho nên nói rằng kẻ tại gia mang trên người ba cái ách, ngày ngày đều phải mang gông đeo cùm.

Gia đình ví như cái gông bằng gỗ khóa chặt trên cổ, không có cách gì tháo ra được. (Thuở xưa, đóng gông là một trong những hình phạt dành cho kẻ phạm pháp). Có gia đình thì chẳng khác nào bị đeo gông vào cổ. Trong số quý vị hiện diện ở đây cũng có một vài cư sĩ đã lập gia đình và bị mất tự do. Họ muốn lên trời mà không lên được, muốn xuống đất cũng xuống không xong, bởi họ đã bị "khóa chân" ở nhà. Do bị vợ (chồng) ràng buộc nên làm việc gì cũng vướng víu, khó khăn. Con cái thì ví như cái còng, thứ hình

cụ đeo ở cổ tay. Người có con cái thì chẳng khác nào bị còng cả hai tay lại, khiến cho mọi cử động đều khó khăn, bất tiện. Có cha mẹ thì giống như phải mang cùm ở chân vậy. Đó là ba cái ách mà những người có gia đình phải đeo mang.

Bị vợ con và nhà cửa ràng buộc thì còn tù túng hơn là bị cầm tù nữa. Có nhà cửa mà không buông bỏ được tức là bị nhà cửa trói buộc. Cho nên, vợ con và nhà cửa cũng là một thứ nhà tù giam hãm đời người vậy.

Tuy nhiên, "lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không một ý nghĩ xa lìa." Kẻ bị ở tù thì cũng có lúc mãn hạn và được ra tù, song những kẻ có gia đình thì chẳng muốn xa rời vợ con. Cho dù họ có nghĩ tới chuyện lìa bỏ gia đình đi nữa, thì cũng không phải là thật lòng! Chẳng hạn có nhiều người nói: "Tôi muốn xuất gia! Tôi muốn đi tu!" Nếu muốn xuất gia thì xuất gia ngay đi, chứ nói suông như thế để làm gì? Đó chẳng qua là vì họ không hề có quyết tâm lìa bỏ gia đình, chỉ hát nghêu ngao cho vui vậy thôi!

"Há chẳng sợ tình ái cùng sắc dục lôi cuốn?" Những kẻ bị vợ con và nhà cửa ràng buộc này chẳng hề lo ngại rằng mình sẽ bị tình cảm, ái tình và nữ sắc lôi cuốn hoặc chi phối. "Dẫu có cái họa sa nơi miệng hùm, lòng cũng cam chịu." Tuy rằng như thế thì nguy hiểm chẳng khác nào bị rơi vào hang cọp, nhưng họ lại sẵn sàng cam chịu, thà bị cọp ăn thịt mà thôi.

"Vì tự đắm mình nơi lầy lội, nên gọi là phàm phu." Bởi họ tự dẫn thân vào chốn bùn lầy, cam tâm tự đày đọa chính

mình, nên mới được mệnh danh là "hạng phàm phu." "Vượt qua được cửa ải này là bậc La-hán xuất trần." Cửa ải nào? Đó là các "cửa ải" tình dục, tình ái, sắc đẹp, cùng "cửa ải" gia đình và nhà cửa. Nếu có thể vượt qua các cửa ải này trót lọt, tức là quý vị đã "quá quan" - đã thắng được sự thử thách cam go - và được trở thành những bậc A-la-hán thoát tục, không còn cầu nhiệm của trần thế, hoặc là những bậc thánh-nhân sắp chứng được quả-vị!

## Chương 24

### **Sắc Dục Chướng Đạo**

(Sắc Dục Chướng Ngại Đường Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "ái dục mạc thậm ư sắc. Sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoạ. Lại hữu nhất hỷ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhân, vô năng vi Đạo giả hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng. May thay, chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có hai thứ như thế thì khắp thiên hạ không ai có thể tu Đạo được cả!"**

Lược giảng:

Chương thứ hai mươi bốn nói về tâm dâm dục. Đoạn trừ được tâm dâm dục thì nhất định sẽ chứng đắc quả-vị A-la-hán; tiếc thay, không dễ gì mà đoạn trừ được nó! Đây là khuyết điểm mà tất cả chúng sanh đều mắc phải. Trong Kinh Lăng Nghiêm có dạy rằng:

"Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất."

*(Lòng dâm chẳng trừ, trần lao khó thoát.)*

Cho nên, nếu không dứt bỏ tâm dâm dục thì quý vị sẽ chẳng thể nào chứng được quả-vị A-la-hán.

Đức Phật dạy: "Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục." Ở đây, "ái dục" tức là ái tình và dục vọng. Sắc dục tức là tâm dâm dục. Trong tất cả, không có gì đáng ngại bằng nữ sắc.

"Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng." Theo quý vị thì lòng ham muốn sắc đẹp này như thế nào? Các thứ "đại pháp" này thì chẳng có gì lớn mạnh hơn nó - chẳng có gì có thể vượt khỏi phạm vi rộng lớn của sắc dục. "May thay, chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có hai thứ như thế thì khắp thiên hạ không có ai có thể tu Đạo được cả." Cũng may là chỉ có một mình sắc dục mà thôi! Giả sử có thêm một thứ nữa cũng lợi hại như thế, tương tự như thế, ắt chẳng có một chúng sanh nào trên thế gian này còn tu Đạo được nữa! Chỉ mới có một thứ thôi mà đã thấy lợi hại như thế, nếu có tới hai thứ thì chẳng mấy chốc mọi người sẽ bị

chúng "nuốt chửng" hết, và chẳng có ai còn tu hành được nữa! Quý vị thấy có đáng sợ hay không?

Về "sắc," cũng có trường hợp nữ giới bị mê hoặc bởi sắc đẹp của nữ giới, và nam giới bị mê hoặc bởi sắc đẹp của nam giới - cả nam và nữ đều đồng tính luyến ái. Người nam có quan hệ luyến ái với người nam, và người nữ có quan hệ luyến ái với người nữ. Đó gọi là "bị ái dục sở mê" - bị ái tình và dục vọng chi phối, làm cho mê muội vậy!

### **Chú Thích:**

Tứ dục (bốn ý muốn của chúng sanh trong cõi Dục-giới từ loài ở nơi đất (địa cư), loài ở hư không, cho đến chư thiên sáu cảnh Lục-dục):

1) Tình dục (lòng ham tình). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với cảnh tình ái trai gái, khởi lòng ham muốn.

2) Sắc dục (lòng muốn sắc đẹp). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với cảnh tình ái cái sắc mềm mại, xinh đẹp của trai gái, khởi lòng ham muốn.

3) Thực dục (lòng muốn ăn). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với món ăn ngon, khởi lòng ham muốn.

4) Dâm dục (lòng muốn dâm). Chúng sanh trong cõi Dục-giới, phần nhiều đối với chỗ đụng chạm nhiễm trước trong đám trai gái, khởi lòng ham muốn.



## Chương 25

### **Dục Hỏa Thiêu Thân**

(Lửa Dục Đốt Người)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "ái dục chi nhân, du như chấp cự, nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi hoạn."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người ham mê ái dục ví như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất sẽ mắc phải nạn cháy tay."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ hai mươi lăm, đại ý giải thích vì sao chúng ta cần phải xa lánh ái dục.

Đức Phật dạy: "Người ham mê ái dục ví như kẻ cầm đuốc đi ngược gió." Những người buông thả theo dục vọng và nặng lòng tham ái, hạng người chỉ biết chạy theo tình cảm và tâm dâm dục, thì chẳng khác nào kẻ cầm bó đuốc đi ngược chiều gió, "tất sẽ mắc phải nạn cháy tay." chắc chắn thế nào kẻ ấy cũng bị cháy bỏng tay. Cháy bỏng tay dù sao cũng còn là chuyện nhỏ, chỉ sợ rằng có thể rủi ro chuốc

phải cái họa cháy thiêu cả người! Cho nên, trước tình huống này thì tốt nhất là hãy lánh xa những thứ ấy!.

## Chương 26

### **Thiên Ma Nhiều Phật**

(Thiên Ma Quấy Nhiều Phật)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Thiên-thần hiến ngọc-nữ ư Phật, dục hoại Phật ý.**

**Phật ngôn: "Cách nang chúng uế, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng."**

**Thiên-thần dĩ kính, nhân vấn Đạo ý. Phật vi giải thuyết, tức đắc Tu-đà-hoàn quả.**

Dịch Nghĩa: **Thiên-thần hiến ngọc-nữ cho Phật, toan phá hoại ý chí của Ngài. Đức Phật nói: "Những túi da chứa đồ ô uế, các người đến đây làm gì? Đi ngay! Ta chẳng dùng đâu."**

**Thiên-thần càng thêm kính nể và nhân đó hỏi Phật về ý Đạo. Phật giảng nói xong, Thiên-thần liền đắc được quả Tu-đà-hoàn.**

Lược giảng:

Vị Thiên-thần này là Thiên-ma, và cũng chính là Ma-vương Ba-Tuần (Papiyan). Ma-vương đờ đến khi Đức Phật sắp thành Đạo, bèn huy động đông đảo bà con quyến thuộc của loài ma - tức là toàn thể quân-đội tới quấy nhiễu Phật. Tuy nhiên, Đức Phật không hề bị lay chuyển, dao động. Chương thứ hai mươi sáu này cho thấy rằng Đức Phật chẳng những không bị Ma-vương cám dỗ hoặc làm cho rối trí, mà lại còn cảm hóa được Ma-vương, khiến Ma-vương trở thành kẻ hộ pháp cho Phật nữa!

"Thiên-thần hiến ngọc nữ cho Phật, toan phá hoại ý chí của Ngài". Ma-vương từ trên cõi trời đem dâng tặng Đức Phật ba ngọc-nữ. "Ngọc-nữ" nghĩa là gì? Đó là những người con gái xinh đẹp tuyệt trần, khả ái như ngọc vậy. Tướng mạo của cả ba ngọc-nữ này mỹ lệ đến độ chẳng những ở chốn nhân gian mà ngay cả trên cõi trời cũng không ai sánh bằng. Dụng ý của Ma-vương là muốn làm cho Phật khởi ý niệm dâm dục, và nhân đó, phá hủy ý chí cùng nguyện lực tu Đạo của Ngài.

Đức Phật dạy: "Những túi da chứa đồ ô uế, các người đến đây làm gì?" Câu này có thể áp dụng cho cả nam lẫn nữ, bao gồm luôn cả những người nam khôi ngô tuấn tú và người nữ xinh đẹp mỹ miều; bởi chẳng phải chỉ có nữ giới mới là xấu xa còn nam giới thì lại không! Đức Phật dạy rằng thân thể con người chẳng qua chỉ là một cái túi da đựng toàn những thứ ô uế, dơ bẩn. Lớp da bao bọc bên ngoài cơ thể chúng ta ví như một cái skin bag, cái túi hoặc cái dầy

bằng da vậy. Trong túi da ấy đựng cái gì? Cũng chẳng có gì nhiều ngoại trừ phân và nước tiểu! Quý vị nghĩ xem, có gì là đẹp đẽ đâu?

Thí dụ, quý vị mới nhìn qua bề ngoài thì thấy là anh chàng thanh niên kia rất đẹp trai; nhưng đẹp cách mấy cũng không hơn được Tôn-giả A-Nan. Tướng mạo ngài A-Nan tuấn tú, đẹp đẽ đến nỗi con gái của Ma-Đặng-Già vừa gặp mặt ngài là sanh lòng luyến ái ngay. Khi cô ta đến gặp Phật, Phật hỏi: "Người yêu A-Nan ở điểm nào?" Cô đáp: "Mũi thầy ấy rất đẹp, mắt đẹp, tai đẹp, cả khuôn mặt cũng đẹp nữa."

Đức Phật bảo: "Được! Người thích cái mũi của ông ấy thì Ta sẽ cắt mũi ông ấy để cho người, thích tai của ông ấy thì Ta xẻo tai ông ấy cho người, thích mắt của ông ấy thì Ta móc mắt ông ấy cho người. Như thế, người có thể đem những thứ ấy về!"

Cô ta phản đối: "Không! Như thế thì không được!"

Vậy, xét cho cùng thì tình cảm luyến ái giữa nam và nữ có ý nghĩa gì? Tướng mạo bề ngoài dù có đẹp đến đâu đi nữa, bất quá cũng chỉ là một cái túi da đựng các thứ ô uế tanh hôi - bên trong chứa nào là phân, nào là nước tiểu... Lại thêm chín lỗ trên thân không ngừng bài tiết ra những chất dơ bẩn, bất tịnh. Mắt thì có ghèn, tai thì có ráy tai, mũi thì có nước mũi, miệng thì có nước miếng, rồi còn phân và nước tiểu nữa. Quý vị nghĩ xem, có thứ nào là sạch sẽ đâu? Do đó, Đức Phật gọi cái thân này là cái túi da hôi hám chứa toàn rác rưởi bẩn thỉu.

Đức Phật dạy: "Người cho Ta các thứ này để làm gì? Đi ngay! Ta chẳng dùng đâu! Các người hãy mau rời khỏi nơi này, Ta chẳng cần đến các người!" Khi Thiên-ma mang ngọc-nữ đến dâng tặng Phật, vừa nhìn thấy ba nàng ngọc-nữ này Đức Phật liền quán tưởng: "Chao ôi! Khi các người già cả, trên mặt các người sẽ có không biết bao nhiêu là nếp nhăn; hăn là chẳng đẹp mắt chút nào. Tuổi già đến thì các người sẽ tóc bạc da mồi, tàn tạ xấu xí, khó coi vô cùng!" Đức Phật vừa quán tưởng như thế, thì tướng mạo các ma-nữ bỗng nhiên biến đổi theo đúng như sự quán tưởng của Ngài. Khi trông thấy chính mình với hình dạng già nua ấy, các ma-nữ nhận thấy quả thật chẳng có ý nghĩa gì cả và đều lấy làm xấu hổ. Do đó, Phật bảo họ lánh đi nơi khác: "Hãy đi ngay! Ta không dùng các người đâu!"

Thấy vậy, Thiên-thần càng thêm kính nể. Bấy giờ, thấy được Đạo-tâm của Phật kiên cố như thế, Thiên-ma càng sanh lòng kính trọng Phật hơn nữa, và nhân đó hỏi Phật về ý Đạo, thỉnh cầu Phật thuyết pháp. Phật giảng nói xong, Thiên-thần liền đảnh được quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật thuyết pháp cho Thiên-ma nghe và Thiên-ma lập tức chứng được quả vị Tu-đà-hoàn - quả vị đầu tiên của hàng A-la-hán.

Chương 27

## **Vô Trước Đắc Đạo**

(Không Chấp Trước Tất Đắc Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Phù vi Đạo giả, du mộc tại thủy, tâm lưu nhi hành, bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhân thủ, bất vi quý thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trú, diệc bất hủ bại; ngô bảo thử mộc, quyết định nhập hải. Học Đạo chi nhân, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi; ngô bảo thử nhân, tất đắc Đạo hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người hành Đạo ví như khúc gỗ dưới nước, theo dòng mà trôi. Nếu nó chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người ta vớt lấy, chẳng bị quý thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy giữ lại, cũng chẳng bị mục nát, Ta cam đoan rằng khúc gỗ này nhất định sẽ ra đến biển. Người học Đạo nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà vạy quấy nhiễu, lại tinh tấn tu pháp Vô-vi; Ta cam đoan rằng người này tất sẽ đắc Đạo."**

Lược giảng:

Trong chương thứ hai mươi bảy này, Đức Phật nêu lên một tỷ dụ để giải thích vì sao người học Đạo cần phải tránh xa mọi thứ có thể gây chướng ngại.

Vậy, trong chương này, "hai bên bờ" tức là gì? Ở đây, "hai bên bờ" tượng trưng cho tình cảm và dục vọng. Tình cảm và dục vọng được phân làm hai loại là kiến tư tình dục (tình cảm và dục vọng dấy khởi từ cái thấy và cái nghĩ) và vô

minh dục (tình cảm và dục vọng dấy khởi từ sự vô minh). Kiến tư tình dục tức là sự chấp trước sanh tử, và được ví là "bờ bên này." Vô minh tình dục là sự chấp trước Niết-bàn, và được ví là "bờ bên kia."

Ngoài ra, khúc gỗ "bị người ta vớt lấy" là dụ cho kẻ bị bao bọc trong tấm lưới tà kiến; còn "bị quỷ thần ngăn trở," là dụ cho những người bị che phủ bởi tấm lưới kiến tư.

Khúc gỗ "bị nước xoáy giữ lại" ám chỉ sự lười biếng, trễ nãi, trái ngược với tinh tấn. Khúc gỗ "bị mục nát" tiêu biểu cho sự tương phản với pháp Vô-vi. Có nhiều người tu hành vì không thể chân chánh, thẳng thắn nhớ nghĩ đến Chân-như, nên mặc dù họ luôn luôn muốn tinh tấn nhưng rốt cuộc lại trở thành thói chuyển. Họ như đang ở trong vũng nước xoáy - nước tuy chảy xiết nhưng chỉ xoáy quanh một chỗ, chỉ rẽ ngoặt rồi quay lại chỗ cũ. Tương tự như thế, họ trở về lại khởi điểm và không thể đạt tới pháp Vô-vi. Chính vì không đạt được pháp Vô-vi nên họ mới sanh ra chấp tướng; và thế là việc tu phước, tu huệ của họ không được viên mãn. Những người ở trong tình huống này thì chẳng khác nào khúc gỗ mục nát. Họ tất sẽ bị đọa lạc, không đến được bờ bên kia của Niết-bàn, không chấm dứt được dòng sanh tử. Đó là do họ bị tình dục làm cho mê muội, bị những sai lầm của ái dục và tà kiến vây khốn, quấy nhiễu.

Nếu quý vị chân chánh nhớ nghĩ tới Chân-như và tinh tấn tu hành, hiểu được rằng bản tánh của Pháp vốn là Vô-vi, và không bị tình ái lôi cuốn, chi phối, thì chắc chắn quý vị sẽ

đắc Đạo. Đó là ý nghĩa khái quát của phần kinh văn trong chương này.

Đức Phật dạy: "Người hành Đạo ví như khúc gỗ dưới nước, theo dòng mà trôi." Đức Phật so sánh những người tu Đạo với khúc gỗ trôi xuôi theo dòng nước.

"Nếu nó chẳng tấp vào hai bên bờ." Giả sử khúc gỗ này chẳng bị đá ở hai bên bờ cản lại hoặc ngăn trở. "Tấp vào hai bên bờ" tức là bị mắc kẹt, bị chặn lại. "Chẳng tấp vào hai bên bờ" tức là vẫn trôi lênh bênh, không bị vướng hoặc kẹt lại ở bờ nào cả. Khúc gỗ này ví như người tu Đạo không bị ái tình ràng buộc, níu kéo. Và nếu khúc gỗ ấy "chẳng bị người ta vớt lấy, chẳng bị quỷ thần ngăn trở hoặc che lấp, chẳng bị nước xoáy giữ lại, chẳng bị dòng nước cuộn tròn ngăn chặn và cuốn lấy, và cũng chẳng bị mục nát, hư hoại; thì Ta cam đoan rằng khúc gỗ này nhất định sẽ ra đến biển, sẽ trôi ra được tới biển cả."

"Người học Đạo nếu chẳng bị tình dục - ái tình và vật dục - làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà vạy quấy nhiễu, chẳng bị vô minh, lười biếng ngăn trở, gây chướng ngại, lại tinh tấn tu pháp Vô-vi, hăng hái học tập theo pháp Vô-vi; thì Ta cam đoan rằng người này tất sẽ đắc Đạo. Ta bảo đảm là những người như thế nhất định sẽ đắc được Đạo."

Chương 28

**Ý Mã Mạc Túng**



(Đừng Theo "Con Ngựa" ý Niệm)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín. Thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh. Đắc A-la-hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Phải thận trọng, chớ tin ý ông; ý của ông không thể tin được. Phải thận trọng, chớ gần gũi sắc dục; gần gũi sắc dục tất sanh họa. Chứng được A-la-hán rồi mới có thể tin được ý ông."**

Lược giảng:

Trong chương thứ hai mươi tám này, Đức Phật cho biết rằng cái "ý" của người đời chúng ta giống như một con ngựa khó điều phục, uốn nắn. Ngoài ra, đối với "sắc" - bất luận là nam sắc hay nữ sắc - quý vị đều nên xa lánh; bằng không, quý vị chỉ tự rước họa vào thân mà thôi.

Từ vô lượng kiếp về trước cho đến nay, chúng sanh chúng ta do quen sống buông xuôi theo tình cảm và dục vọng của mình, nên cứ phải loanh quanh luẩn quẩn mãi trong sáu nẻo luân hồi. Vì bị vô minh, ái kiến và kiêu mạn luôn luôn vây phủ nên chúng ta chưa thể chứng được quả-vị A-la-hán. Do đó, chúng ta không nên tin tưởng ý niệm của mình. Chúng ta phải dè dặt, không được bất cẩn. Chúng ta phải

tuyệt đối thận trọng, chớ nên đắm nhiễm sắc dục và cũng đừng tin ở ý niệm của mình!

Đức Phật dạy: "Phải thận trọng, chớ tin ý ông." Quý vị không nên nghe theo ý niệm của mình, đừng tin cậy những điều mình nghĩ. Quý vị cần phải hết sức cẩn thận - chớ tin ở ý niệm và ý nghĩ của mình! "ý của ông không thể tin được." Tâm ý của quý vị thì không đáng tin cậy, không thể tin nhiệm được.

Quý vị "phải thận trọng, chớ gần gũi sắc dục; gần gũi sắc dục tất sanh họa." Quý vị hãy ghi nhớ rằng mình phải hết sức cẩn thận, đừng bao giờ mê đắm sắc tướng. Nếu quý vị mê chấp, cùng với sắc tướng "hợp lại thành một," ắt sẽ có tai họa xảy ra.

"Chứng được A-la-hán rồi, mới có thể tin được ý ông." Chừng nào quý vị chứng được quả-vị A-la-hán. dứt sạch được các mối phiền não của cái thấy (kiến) và cái nghĩ (tư) rồi, bấy giờ quý vị mới có thể tin cậy ý niệm của quý vị một chút - nhưng chỉ nên tin ít ít thôi, chứ chưa thể tin nhiều được!"

Chương 29

## **Chánh Quán Địch Sắc**

(Quán Tưởng Chân Chánh Thắng Được Sắc Dục)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Thận vật thị nữ sắc, diệt mạc công ngôn ngữ. Nhược dữ ngữ giả, chánh tâm tư niệm: 'Ngã vị Sa-môn, xử ư trước thế, đương như liên hoa, bất vị nê ô.' Tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tử, thiếu giả như muội, trí giả như tử, sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Hãy thận trọng, đừng nhìn ngó nữ sắc, cũng đừng nói năng với họ. Nếu phải nói chuyện với họ, hãy chánh tâm nhớ nghĩ: 'Ta là bậc Sa-môn sống ở đời ô trước, phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô uest.' Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con; rồi sanh lòng độ thoát thì mới diệt được niệm xấu."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ hai mươi chín. Chương này nói rõ ràng nhằm ngăn ngừa những chuyện sai quấy có thể xảy ra, nam giới cần phải tránh xa nữ giới và đồng thời, nữ giới cũng cần phải tránh xa nam giới. Đó là phương pháp "sanh thiện, diệt ác," dùng để đối trị lòng tham ái và tham dục.

Con người ví như hoa sen vậy (sự so sánh này có thể áp dụng cho cả nam lẫn nữ) - hoa sen tuy mọc trong bùn song không bị nhuộm bùn mà cũng chẳng nhiễm mùi bùn. Nếu quý vị cứ tự nghĩ như thế thì mọi niệm, mọi ý tưởng trong

lòng sẽ trở nên chân chánh, ngay thẳng; và như thế tức là quý vị đã tự mang lại lợi lạc cho chính mình (tự lợi) vậy.

Nam thì nên xem những phụ nữ cao niên như mẹ, và nữ thì nên xem những người đàn ông già cả như cha. Khi người nam gặp những người nữ trạc tuổi mình hoặc hơn mình một vài tuổi thì hãy xem họ như chị, nếu nhỏ tuổi thua mình thì xem như em gái, còn nếu là trẻ con thì xem như con cái của mình vậy, và nên phát tâm cứu độ họ. Quý vị phát tâm độ thoát họ tức là quý vị có lòng từ bi, muốn mang lại lợi ích cho kẻ khác (lợi tha). Như thế, quý vị vừa làm lợi cho mình lại vừa có thể làm lợi cho người khác nữa. Khi hai hành vi tự lợi và lợi tha này tương ứng, thì niệm ác sẽ tự nhiên tiêu tan và vọng tưởng cũng ít bớt.

Đức Phật dạy: "Hãy thận trọng, đừng nhìn ngó nữ sắc, cũng đừng nói năng với họ." Đây là cách người nam đối xử với người nữ. Về cách người nữ đối xử với người nam thì có thể đảo lại: "Hãy thận trọng, đừng nhìn ngó nam sắc, cũng đừng nói năng với họ!" Quý vị không được cùng nhau chuyện trò với người khác phái. Đừng nói là cười đùa, ngay cả nói năng cũng không thể được!

"Nếu phải nói chuyện với họ, hãy chánh tâm nhớ nghĩ: Ta là bậc Sa-môn sống ở đời ô trược, thì phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô uế." Trong trường hợp quý vị có việc gì cần nói với người khác phái thì phải làm sao? Bây giờ, quý vị cần phải giữ lòng chân chánh, không vướng chút tà tâm! Nam thì nên nghĩ: "Ta là một Sa-môn, một thầy Tỳ-khưu..."; còn nữ thì hãy tự nhủ: "Ta là một Tỳ-khưu ni..."

Bất luận là nam hay nữ, tất cả chúng ta đều đang sống trong cõi đời xấu ác có năm thứ ô trược. Mặc dù cõi "ngũ trược ác thế" này là chốn bất tịnh, chúng ta cần phải giống như hoa sen vậy. Cả nam lẫn nữ đều có thể được so sánh với hoa sen. Hoa sen tuy mọc giữa chốn bùn lầy song chẳng bị bùn làm cho ô uế, gần bùn mà chẳng nhuốm bùn.

"Tưởng người già như mẹ." Quý vị hãy nghĩ rằng: "Những phụ nữ tuổi tác già hơn mình là mẹ mình; những người đàn ông già hơn mình là cha mình."

"Người lớn như chị." Đối với những người nữ lớn hơn mình vài tuổi thì hãy xem họ như chị mình; và đối với những người nam lớn tuổi hơn mình một chút thì hãy xem họ như anh mình vậy.

"Kẻ nhỏ như em." Nhỏ tuổi hơn mình thì hãy xem như em gái. Đó là cách nhìn mà nam giới nên có đối với nữ giới. Nữ giới nên có cái nhìn như thế nào về nam giới? Họ nên nghĩ rằng: "Đối với những người nhỏ tuổi hơn tôi thì tôi xem như em trai của mình vậy."

"Đứa bé như con." Hãy xem những trẻ em dưới mười tuổi như con cái của mình vậy.

"Rời sanh lòng độ thoát." Bất luận đó là cha, mẹ, anh, chị, em trai, hay em gái của quý vị, thì quý vị đều nên có tư tưởng muốn cứu độ họ, để họ được thoát khỏi khổ não, hưởng sự an vui.

"Thì mới diệt được niệm xấu." Có như thế thì quý vị mới có thể dứt bỏ được những ý nghĩ xấu xa, xằng bậy, và nhất là những vọng tưởng về sắc dục.

### **Chú thích:**

Ngũ trước (năm thứ dơ ở cõi Ta-bà): Kiếp trước (kỳ kiếp trước), Kiến trước (ý kiến, sự thấy biết ô trước), Phiền não trước (các mối mê dục ô trước), Chúng sanh trước, Mạng trước (đời sống ô trước).

## Chương 30

### **Dục Hỏa Viễn Ly**

(Lánh Xa Lửa Dục)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Phù vi Đạo giả, như bị can thảo, hỏa lai tu ty. Đạo nhân kiến dục, tất đương viễn chi."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người hành Đạo cũng giống như cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người tu Đạo thấy sự dục lạc tất phải tránh xa."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ ba mươi; đại ý khuyên người đời nên xa lánh mọi dục niệm, đừng để bị lửa dục thiêu thân. Ở đây, "củ khô" dụ cho cái gì? Lục tình - sáu thứ tình cảm tương ứng với sáu căn - có thể ví như củ khô vậy; còn cảnh giới của lục trần thì tựa như lửa dữ bốc cháy phừng phừng. Khi quý vị chưa đạt tới cảnh giới "tâm và cảnh đều quên," thì nên tu hạnh thù thắng "viễn ly (lánh xa)"! Thế nào gọi là "tâm, cảnh đều quên"? Đó chính là:

Nội quán kỳ tâm, tâm vô kỳ tâm,

Ngoại quán kỳ hình, hình vô kỳ hình.

*(Trong, quán xét tâm, tâm kia chẳng có,*

*Ngoài, quán hình tướng, tướng nọ cũng không.)*

Tâm cũng không còn nữa - thật sự là không, là trống rỗng. Ngay cả bên ngoài cũng không còn một cảnh giới nào cả. Tâm không, thân cũng không. Cả tâm lẫn cảnh đều bị lãng quên. Mắt nhìn mọi vật, nhưng thấy đều chẳng còn. Đây chính là lúc mà quý vị không còn bị lục căn và lục trần chi phối hoặc điều khiển nữa.

Đức Phật dạy: "Người tu Đạo..." Có thể nói rằng "người tu Đạo" là bao gồm các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di - tức là tất cả những người tu học và thực hành Đạo. Những người tu Đạo thì "cũng giống như củ khô, lửa đến phải tránh." Ở đây ngụ ý rằng vấn đề nam nữ chẳng khác nào củ khô và lửa dữ (hoặc lửa với rơm) vậy. Củ khô thì cũng như củ khô vậy - củ đã khô rồi thì chỉ một đốm lửa

nhỏ cũng có thể bắt lửa và cháy phừng lên! Cho nên, hễ lửa đến thì quý vị phải tránh xa, chớ tới gần nó.

Phàm là người tu Đạo, hễ lửa đến thì nên tránh xa. "Lửa tức là gì? Ở đây, "lửa" là dụ cho dục vọng và ái tình, và cũng là tình cảm mong muốn các cảnh giới của lục trần. Lục căn thì thuộc về tình, còn lục trần thì thuộc về cảnh. Cả sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) hợp với sáu trần (hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, tiếp xúc, pháp) làm cho con người bị đắm say mê muội, mê đắm đến nỗi "sống say chết mộng"!

Vì vậy, "người tu Đạo thấy sự dục lạc tất phải tránh xa." Người tu Đạo cần phải lánh xa dục vọng. Nếu quý vị có thể "thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe," tức là đã đạt được cảnh giới:

Nhãn quán hình sắc nội vô hữu,

Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.

*(Mắt nhìn hình sắc, lòng không động,*

*Tai vắng chuyện đời, dạ chẳng hay.)*

Thì bây giờ quý vị không cần phải tu hạnh "viễn ly" nữa. Nếu quý vị ngày ngày tiếp xúc với trần cảnh mà không bị đắm nhiễm thì không sao; nhưng nếu không làm được như vậy thì cần phải nghiêm cần tu hạnh "viễn ly" - lánh xa lửa dục!



## Chương 31

### **Tâm Tịch Dục Trừ**

(Tâm Vắng Lặng, Dục Vọng Dứt)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn:** "Hữu nhân hoạn tâm bất chỉ, dục tự đoạn âm. Phật vị chi viết: 'Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như Công-tào, Công-tào nhược chỉ, từng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?'" **Phật vi thuyết kệ:**

"Dục sanh ư nhữ ý,

ý dĩ tư tưởng sanh.

Nhị tâm các tịch tịnh,

Phi sắc diệt phi hành."

**Phật ngôn:** "Thử kệ thị Ca-Diếp Phật thuyết."

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy:** "Có người lo lòng tâm dục chẳng dứt được, muốn tự đoạn âm. Phật bèn bảo rằng: 'Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như vị Công-tào; nếu Công-tào nghỉ, thì kẻ tòng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì?'"

**Đức Phật vì đó mới nói bài kệ:**

**"Dục sanh từ ý ông,  
ý do tư tưởng sanh.  
Cả hai tâm vắng lặng,  
Phi sắc cũng phi hành."**

**Đức Phật dạy: "Bài kệ này là do Đức Phật Ca-Diếp nói."**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi một nói rõ rằng việc đoạn trừ dục vọng phải được tiến hành từ tự tâm. Muốn biết về phương pháp "đoạn tâm," quý vị cần phải nhận thức được rằng dục vọng vốn nảy sanh từ tâm ý, mà tâm ý thì do tư tưởng mà có.

Theo quý vị thì tư tưởng của chúng ta là tự chúng nảy sinh ra, do thứ khác sanh ra, cùng nhau nảy sanh ra, hoặc không do một nhân tố nào cả mà nảy sanh ra? Quý vị cần phải tìm hiểu xem tư tưởng là ở trong, ở ngoài, hay là ở giữa trong và ngoài; và chúng thuộc về quá khứ, hiện tại, hay vị lai.

Quý vị tìm tư tưởng theo cách này, thì tư tưởng sẽ dần dần trở nên tịch tĩnh, vắng lặng, không có tự thể. Một khi tư tưởng đã vắng lặng thì tâm ý của quý vị cũng trở nên vắng lặng. Tâm ý đã vắng lặng thì dục vọng cũng lắng đọng theo. Khi dục vọng đã vắng lặng rồi, thì quý vị sẽ thấy hết thảy sắc và pháp đều giống như bóng dáng trong gương. Nếu

giống như hình ảnh phản chiếu trong gương tức là không phải thật - mọi hành vi tựa hồ như bọt nổi trên mặt nước, mà bọt nước thì cũng là hư huyền. Cho nên, chư Phật đều triển chuyển quán sát, triển chuyển truyền thọ pháp môn phương tiện điều tâm này để mọi người đều có thể theo đó mà điều phục tâm mình trước.

Đức Phật dạy: "Có người lo lòng dâm dục chẳng dứt được, muốn tự đoạn âm." Có người mắc bệnh dâm dục, không thể nào ngừng được cái tâm dâm dục dù chỉ trong một khoảnh khắc. Vì thấy dục niệm của mình nặng nề, lợi hại như thế, người ấy bèn nghĩ cách giải quyết. Người ấy nghĩ ra cách gì? Người ấy muốn cắt bỏ nam căn của mình!

Phật bèn bảo rằng: "Đoạn âm không bằng đoạn tâm. " Đức Phật nói với người ấy: "Ông nói ông muốn cắt bỏ nam căn của mình, nhưng như thế vẫn không bằng cắt đứt cái tâm vọng tưởng của chính ông."

"Tâm như vị công-tào, nếu công-tào nghỉ thì kẻ tòng sự đều nghỉ." Tâm ví như một kẻ cầm đầu các công nhân, một vị công-tào vậy. Công tào là người mà bất luận làm việc gì thì y cũng làm kẻ cầm đầu - như một ông "supervisor" vậy. Nếu người cầm đầu mà thôi làm, thì những kẻ theo ông ta làm việc cũng đều ngưng công việc cả.

"Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì?" Vì trong lòng dấy khởi vọng tưởng về vấn đề này, nên mới có hành vi như vậy. Nếu trong lòng không khởi vọng tưởng, tức là không có trợ duyên, thì thứ hành vi này sẽ chấm dứt. Do đó, "kẻ tòng-sự đều nghỉ" ngụ ý rằng tất cả vọng tưởng đều chấm dứt.

Đức Phật chất vấn: "Nếu ông không ngăn dứt cái tâm dâm dục này, thì cắt bỏ nam căn có tác dụng gì chứ? Biện pháp ấy hoàn toàn vô dụng!"

"Phật vì đó nói kệ." Đức Phật cũng nhân đó mà nói cho người ấy nghe một bài kệ như sau: "Dục sanh từ ý ông. Các ý nghĩ dâm dục vốn bắt nguồn từ tâm ý của ông, do tâm ý của ông sanh ra. ý do tư tưởng sanh. Còn ý thì từ đâu mà ra? ý là do tư tưởng sanh ra. Cả hai tâm vắng lặng. Phi sắc cũng phi hành. Khi cả hai tâm của ông đều vắng lặng - tâm dục vọng đã lắng đọng và tâm chứa đựng đủ thứ tà tri tà kiến cũng đã ngừng dứt - thì sẽ không có thứ hành vi sắc dục và cũng không có thứ hành vi sắc tâm - các hành vi dục niệm đều không còn."

Phật dạy: "Bài kệ này là do Đức Phật Ca-Diếp nói." Chính Đức Phật Ca-Diếp đã nói bài kệ này.

Chương 32

## **Ngã Không Bồ Diệt**

(Không Còn Cái "Ngã" Thì Hết Sợ Hãi)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Nhân tòng ái dục sanh ưu, tòng ưu sanh bồ. Nhược ly ư ái, hà ưu hà bồ?"**

**Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: "Người ta vì ái dục mà sanh lo, vì lo mà sanh sợ. Nếu xa lìa được ái dục thì còn gì để lo, còn gì để sợ?"**

Lược giảng:

Đây là chương thứ ba mươi hai; đại ý giải thích tại sao con người có cảm giác lo âu và sợ hãi. Chính vì có lòng tham ái và tham dục nên chúng ta mới sanh ra lo buồn và sợ sệt. Nếu cắt đứt được ái dục thì chúng ta sẽ không còn cảm thấy lo âu và sợ hãi nữa.

Từ vô lượng kiếp về trước cho đến nay, chúng ta vì nhận lầm tứ đại làm tướng của thân mình và lầm tướng "lục trần duyên ảnh" (bóng dáng của sáu trần cảnh) là tướng của tâm mình, nên sanh ra chấp trước, tham luyến, không muốn buông bỏ chúng. Chính vì thế mà nầy sanh biết bao sự rắc rối, phiền phức. Một khi rắc rối, phiền phức nầy sanh, thì vô số lo âu và phiền não sẽ dậy khởi, và mọi nỗi sợ hãi cũng nổi dậy.

Quán xét tứ-đại, quý vị sẽ nhận thức được rằng thân này là do tứ-đại hợp lại mà thành, chứ vốn không có một cái "ngã" hay cái "tôi" nào cả. Nếu lại quán sát "lục trần duyên ảnh", quý vị sẽ thấy rằng đó cũng là không, chẳng hề hiện hữu. Một khi quý vị biết được cái tâm này là vô thường và có thể cắt đứt lòng ái dục, thì mọi nỗi lo âu, sợ hãi của quý vị sẽ tự nhiên tiêu tan.

Đức Phật dạy: "Người ta vì ái dục mà sanh lo, vì lo mà sanh sợ." Vì có ái tình và dục vọng cho nên quý vị mới có điều để lo nghĩ - có lo âu, có phiền não. Từ những lo âu và phiền não ấy sẽ nảy sanh sự sợ hãi.

Cho nên, "nếu xa lìa được ái dục thì còn gì để lo, còn gì để sợ?" Nếu quý vị có thể cắt đứt hoặc chuyển hóa được ái tình và dục niệm, thì có gì khiến quý vị phải nơm nớp, phập phồng nữa chứ? Tuyệt nhiên không còn gì cả! Con người sở dĩ có lo âu và sợ hãi là chỉ vì họ còn mê chấp và không chịu buông bỏ mà thôi!

## Chương 33

### Trí Minh Phá Ma

(Trí Huệ Và Sự Sáng Suốt Phá Tan Chúng Ma)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Phù vi Đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân chiến. Quả khái xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thôi, hoặc cách đầu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học Đạo, ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc Đạo-quả."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người hành Đạo ví như một người chiến đấu với muôn người; mang giáp ra**

**cửa, hoặc có ý khiếm nhược, hoặc nửa đường rồi lui, hoặc chống cự đến chết, hoặc đắc thắng mà về.**

Bậc Sa-môn học Đạo phải giữ lòng bền vững và tinh tấn lướt tới, chẳng sợ cảnh trước, phá diệt bọn ma, chứng được Đạo-quả."

Lược giảng:

Đây là chương thứ ba mươi ba. Trong chương này, Đức Phật dùng thí dụ để cho chúng ta thấy rõ rằng người tu Đạo cần phải tu học ba môn học vô-lậu là Giới, Định, Huệ và nên một lòng một dạ tinh tấn học Đạo.

Lấy thí dụ là có một người có nhiều điều gian dối, vô số thói hư tật xấu và đủ các thứ "hoặc" - kiến-hoặc, tư-hoặc, trần-sa hoặc - tích lũy từ vô thủy. Nếu quý vị có thể giữ tâm cho chuyên nhất mà học Đạo, thì quý vị được ví như "một người." Nếu quý vị có rất nhiều điều giả dối, rất nhiều mỗi "hoặc" cùng thói hư tật xấu - những thứ ấy được ví như "muôn người." Nếu quý vị có thể thọ trì và tu tập giới hạnh thanh tịnh, thì quý vị chẳng khác nào người chiến sĩ được trang bị áo giáp và nón sắt.

Ngoài ra, nếu quý vị có thể giữ vững quyết tâm, không khiếm nhược, tức là quý vị có được sự tinh tấn xuất phát từ Giới-lực. Nếu quý vị có thể tinh tấn, dũng mãnh, không nửa đường quay về, tức là quý vị có được Định-lực. Có Định-lực thì không bỏ cuộc giữa đường, không nửa đường quay về. Lại nữa, nếu quý vị không sợ trùng trùng điệp điệp cảnh

giới trước mặt, không sợ hăng hà sa số địch quân ở đằng trước đang chờ dịp để tấn công mình, thì quý vị sẽ không bị mất mạng ngay khi vừa giao chiến - đây là một thứ Huệ-lực.

Liên kết ba sức mạnh của Giới, Định, Huệ với nhau, tất sẽ dứt trừ được những thói hư tật xấu và thói quen giả dối có từ vô thủy. Vô số thói hư tật xấu này được ví như "chúng ma." Phá tan "chúng ma" thì sẽ chứng được Đạo-quả. Chứng được Đạo-quả tức là "chiến thắng quay về" vậy!

Đức Phật dạy: "Người hành Đạo ví như một người chiến đấu với muôn người." Nếu quý vị có thể chuyên tâm tu hành thì quý vị chẳng khác nào một người mà phải chiến đấu, đương đầu với cả vạn kẻ địch. Ở đây ngụ ý rằng trừ khử các thói hư tật xấu, thói giả dối, tham, sân, si, của bản thân thì cũng cam go như chiến đấu chống lại cả vạn địch quân vậy.

Người ấy "mang giáp ra cửa." Bây giờ, quý vị cũng như người đã được trang bị áo giáp và nón sắt, sẵn sàng chiến đấu, không run sợ.

Người ấy "hoặc có ý khiếp nhược." Nếu ý chí của quý vị không kiên quyết, có vẻ như sợ sệt - đó là khiếp nhược.

"Hoặc nửa đường rồi lui." Có thể quý vị tu hành được một lúc rồi lại nản lòng chùn bước, không tu hành nữa - bỏ dở nửa chừng.



"Hoặc chống cự đến chết." Có thể là khi chiến đấu với những tập khí hư vọng và ma quân, quý vị bị bại trận, phải bỏ mình - tu hành không thành công.

"Hoặc đắc thắng mà về." Có thể là quý vị được trở về trong chiến thắng vinh quang.

"Bậc Sa-môn học Đạo phải giữ lòng bền vững. Bền tâm vững chí, chớ bỏ dở nửa chừng, và tinh tấn lướt tới, dũng mãnh dẫn thân, chỉ có tiến chứ không chịu lùi bước. Chẳng sợ cảnh trước, phá diệt bọn ma, chứng được Đạo-quả." Nếu quý vị không khiếp sợ đông đảo địch quân ở phía trước, kiên quyết đánh bại hết thầy bè lũ Ma vương, thì tự nhiên chứng được Đạo-quả.

## Chương 34

### **Xử Trung Đắc Đạo**

(Giữ Trung Dung Tất Đắc Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Sa-môn dạ tụng Ca-Diếp Phật Di-Giáo Kinh, kỳ thanh bi khẩn, tư hồi dục thối.**

**Phật văn chi viết: "Nhữ tích tại gia, tăng vi hà nghiệp?" Đồi viết: "Aị đàn cầm."**

**Phật ngôn: Huyền hoãn như hà?" Đồi viết: "Bất minh hỷ."**

**"Huyền cấp như hà?" Đồi viết: "Thanh tuyệt hỷ."**

**"Cấp hoãn đặc trung như hà?" Đồi viết: "Chư âm phổ hỷ."**

**Phật ngôn: "Sa-môn học Đạo diệt nhiên. Tâm nhược điều thích, Đạo khả đặc hỷ. Ư Đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh não; ý nhược sanh não, hành tức thối hỷ; kỳ thành ký thối, tội tất gia hỷ. Đản thanh tịnh an lạc, Đạo bất thất hỷ."**

**Dịch Nghĩa: Có thầy Sa-môn ban đêm tụng kinh Di-Giáo của Phật Ca-Diếp, giọng nghe có vẻ buồn thảm, hồi hận muốn thụt lùi.**

**Đức Phật hỏi thầy: "Trước kia, ông ở nhà từng làm nghề gì?"**

**Đáp rằng: "Thưa, con thích gảy đàn cầm."**

**Phật hỏi: "Dây đàn chùng thì sao?" Đáp rằng: "Thưa, thì không rền vang được."**

**"Dây đàn căng thì sao"?" Đáp rằng: "Thưa, thì âm thanh đứt đoạn."**

**"Chùng, căng vừa chừng thì sao?" Đáp rằng: "Thưa, thì âm thanh phổ khắp."**

**Đức Phật dạy: "Bậc Sa-môn học Đạo cũng thế. Tâm, nếu giữ chừng mực thì Đạo có thể chứng được. Đối với Đạo, nếu hấp tấp thì thân mỏi mệt; thân nếu mỏi mệt thì ý liên sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hành liên thụt lùi; hành đã thụt lùi thì tội tất thêm lên. Chỉ có thanh tịnh, an lạc thì Đạo mới không mất vậy!"**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi bốn nói về phương pháp học Đạo. Người học Đạo cần phải điều phục thân và tâm một cách khéo léo; không nên để cho thân và tâm bị quá căng thẳng hoặc quá ù lì, biếng nhác.

Trong Nho giáo cũng có nói rằng hễ tiến tới càng nhanh bao nhiêu, thì thối lui càng chóng bấy nhiêu! Khi tu Đạo, quý vị không nên xao lãng hoặc quên Đạo, nhưng đồng thời cũng đừng miễn cưỡng ép mình theo Đạo. Được như thế thì đó mới là phương pháp tu Đạo hoàn hảo; bằng không, sẽ không thành tựu Đạo quả được. Chỉ vì quý vị không biết cách dụng công, nên cứ không vội vàng thì lại chậm chạp. Có câu:

Khẩn liễu bằng, mạn liễu túng.

Bất khẩn, bất mạn, tài thành công.

*(Chặt thì căng, lơ thì chùng,*

*Không lơ không chặt mới thành công.)*

Như dây đàn chẳng hạn, nếu lên dây thật chặt thì sẽ căng quá dễ bị đứt, còn nếu buộc lỏng lẻo thì dây lại bị chùng xuống. Tu hành cũng tương tự như thế, không gấp cũng không chậm thì tu Đạo mới thành công được.

Có thầy Sa-môn ban đêm tụng Kinh Di-Giáo của Phật Ca-Diếp. Một buổi tối nọ, có một thầy Sa-môn ngồi tụng Kinh Di-Giáo được lưu truyền từ thời Đức Phật Ca-Diếp. Khi thầy tụng bộ kinh ấy thì giọng nghe có vẻ buồn thảm, hối hận, muốn thụt lùi. Giọng thầy nghe rất bi thiết, áo não và đượm đầy căng thẳng, hoang mang. Thầy cảm thấy rất hổ thẹn và ân hận vì thâm tâm thầy không muốn tu hành nữa. Thầy đã thối chuyển, chỉ muốn rút lui.

Đức Phật hỏi thầy: "Trước kia, ông ở nhà từng làm nghề gì? Khi ông còn ở nhà với gia đình thì ông làm nghề gì, có khả năng làm được việc gì?"

Đáp rằng, thầy Sa-môn trả lời Đức Phật: "Thưa, con thích gảy đàn cầm. Con thích tấu nhạc gảy đàn. Đó là việc mà con thích nhất."

Đức Phật hỏi: "Dây đàn chùng thì sao?" Đức Phật bèn hỏi thầy ấy: "Như thế là ông biết rành về việc đánh đàn chứ gì? Vậy nếu dây đàn buộc lỏng, bị chùng, thì sao?" Đáp rằng: "Thưa, thì không rền vang." Thầy Sa-môn này mới bạch với Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Thì gảy không ra tiếng. Nếu dây bị chùng thì tiếng đàn nghe khàn đục, không âm vang, không ngân nga. Đàn không lên tiếng, chẳng có âm nhạc."

"Dây đàn căng thì sao?" Đức Phật lại hỏi: "Vậy nếu dây đàn buộc căng quá thì sao?" Đáp rằng: "Thưa, thì âm thanh đứt đoạn." Thầy Sa-môn bạch với Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Thì khi gãy, dây đàn sẽ bị đứt và tiếng nhạc không còn nữa."

"Chùng, căng vừa chùng thì sao?" Đức Phật hỏi tiếp: "Nếu dây đàn không căng cũng không chùng, mà ở vào mức tương đối giữa căng và chùng thì sao?" Đáp rằng: "Thưa, thì âm thanh phổ khắp." Thầy Sa-môn bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Thì tiếng nhạc tấu lên sẽ rền vang réo rắt, chan hòa khắp nơi, nghe rất hay!"

Đức Phật dạy: Bạc Sa-môn học Đạo cũng thế." Bạc Sa-môn - những người siêng năng cần mẫn tu học Giới, Định, Huệ và muốn dứt sạch tham, sân, si - học Đạo thì cũng phải giống như thế.

"Tâm, nếu giữ chùng mực thì Đạo có thể chứng được." Nếu quý vị không vội vàng hấp tấp, cũng không trì trệ, buông lung phóng dật, thì quý vị có thể thành Đạo. Đừng nôn nóng cũng đừng lười biếng, thì có thể đắc Đạo.

"Đối với Đạo, nếu hấp tấp thì thân mỏi mệt." Trong lúc tu Đạo, nếu nôn nóng vội vàng thì sẽ làm cho thân thể mệt nhọc. Hễ quý vị sốt ruột, nóng nảy, giận dữ, thì thân rất dễ bị mệt nhọc. "Thân nếu mỏi mệt, thì ý liền sanh phiền não." Một khi thân thể đã mệt mỏi, suy nhược thì ý niệm của quý vị cũng sanh phiền não, chán nản. "Ý nếu sanh phiền não thì hành liền thụt lùi." Hễ phiền não nảy sanh thì sẽ dễ dàng đưa đến tâm trạng nản lòng thối chí, muốn lùi bước, muốn

hoàn tục, không hăng hái tu hành nữa. "Hành đã thụt lùi thì tội tất thêm liền." Hành của quý vị đã thụt lùi, không còn tinh tấn nữa, thì tội nghiệp của quý vị chắc chắn sẽ gia tăng và có thể sẽ nặng nề, nghiêm trọng hơn nữa.

"Chỉ có thanh tịnh, an lạc, thì Đạo mới không mất vậy." Chỉ cần quý vị giữ cho tâm mình luôn được trong sạch, yên vui thanh thản, thì nhất định quý vị sẽ chứng được Đạo!"

Chương 35

## **Câu Tịnh Minh Tôn**

(Tẩy Sạch Cấu Bản, Chỉ Còn Vẻ Sáng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Như nhân đoàn thiết, khử chỉ thành khí, khí tức tinh hảo; học Đạo chi nhân, khử tâm cấu nhiễm, hành tức thanh tịnh hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Như người luyện sắt loại bỏ chất cặn rồi làm thành đồ dùng thì đồ dùng được tinh hảo; người học Đạo từ bỏ tâm cấu nhiễm thì hạnh liền thanh tịnh vậy."**

Lược giảng:

Đây là chương thứ ba mươi lăm. Trong chương này, Đức Phật dạy: "Như người luyện sắt loại bỏ chất cặn rồi làm thành đồ dùng thì đồ dùng được tinh hảo." Người ta luyện sắt bằng cách nung chảy sắt thô rồi gạn lọc để loại bỏ cặn bã. Khi trong sắt không còn cặn bã nữa thì đem rèn hoặc đúc bất cứ vật dụng gì cũng đều vô cùng hoàn hảo cả. Nếu không lọc bỏ chất cặn trong sắt trước, thì đồ vật đúc ra sẽ không có phẩm chất tốt.

Tương tự như thế, "người học Đạo từ bỏ tâm cấu nhiễm thì hạnh liền thanh tịnh vậy." Tất cả chúng ta, những người tu hành, học Đạo, cần phải gạt bỏ mọi tư tưởng dơ bẩn, ô uế ra khỏi tâm trí. Một khi mọi nhiễm ô, như bợn đã bị loại trừ, thì quý vị sẽ có được tâm thanh tịnh, trong sáng. Nếu tâm cấu nhiễm không trừ khử, thì tâm thanh tịnh sẽ không hiển lộ; cũng giống như cặn bã trong sắt nếu không được loại bỏ thì chẳng thể nào rèn nên một vật dụng tinh hảo vậy. Thế nhưng, nếu được lọc sạch, trong sắt không còn chất cặn, thì sẽ rèn được những đồ vật với phẩm chất tốt.

Tất cả mọi người đều có thể thành Đạo, và ai ai cũng là "đồ dùng" của Đạo. Tuy nhiên, nếu không trừ khử cái tâm nhiễm ô thì quý vị sẽ không thể "chở" Đạo (tải Đạo), không thể thành Đạo được. Do đó, nếu muốn cho Đạo-quả của mình được thành tựu, thì trước hết, quý vị phải dứt trừ tâm cấu nhiễm, tẩy sạch mọi dơ bợn trong tâm!

Ở đây, "cấu nhiễm" tức là những dục vọng trong tâm, đặc biệt là những ý nghĩ về sắc dục. Không dứt bỏ lòng dâm dục tức là có cấu nhiễm; loại trừ lòng dâm dục rồi tức là

không còn cầu nhiễm nữa. Khi cầu nhiễm không còn thì tâm được thanh tịnh, trong sạch - các hạnh mà quý vị tu hành đều được thanh tịnh cả. "Hạnh" tức là "hạnh môn," phương pháp tu hành. Nếu cầu bản trong tâm không được trừ khử thì sẽ không đạt được sự thanh tịnh trong việc tu hành. Lòng dâm dục cố nhiên là nhớ uế, và cũng là thứ dục vọng to lớn nhất. Ngoài ra, các thói tham, sân, si, kiêu mạn và nghi hoặc cũng đều là những cầu nhiễm trong tâm. Trừ sạch các thứ cầu nhiễm này thì sự tu hành của quý vị sẽ tương ứng với Đạo. Bấy giờ, quý vị sẽ có thể "trở về nguồn cội" (phản bản hoàn nguyên) và tìm lại được cái tâm thanh tịnh vốn có của mình.

## Chương 36

### **Triển Chuyển Hoạch Thắng**

(Sự Chuyển Đổi Thù Thắng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Nhân ly ác đạo, đặc vi nhân nan; ký đặc vi nhân, khứ nữ tức nam nan; ký đặc vi nam, lục căn hoàn cụ nan; lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan; ký sanh trung quốc, trực Phật thế nan; ký trực Phật thế, ngộ Đạo giả nan; ký đặc ngộ Đạo, hưng tín tâm nan; ký hưng tín tâm, phát Bồ-đề tâm nan; ký phát Bồ-đề tâm, vô tu vô chứng nan."**



**Dịch Nghĩa: Đức Phật dạy: 1) "Người ra khỏi ác đạo, được làm người là khó; 2) đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó; 3) đã được thân nam, sáu căn đầy đủ là khó; 4) sáu căn đã đủ, được sanh ra ở vùng trung tâm đất nước là khó; 5) đã sanh ra ở vùng trung tâm đất nước, gặp Phật ra đời là khó; 6) đã gặp Phật ra đời, lại được gặp bậc tu Đạo là khó; 7) đã được gặp Đạo, lại sanh lòng tin là khó; 8) đã sanh lòng tin, lại phát tâm Bồ-đề là khó; 9) đã phát tâm Bồ-đề, mà đạt đến chỗ vô tu, vô chứng là khó."**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi sáu nói về các sự khó khăn như khó mà được mang thân người, khó mà được sinh trưởng ở vùng trung tâm đất nước, khó mà được gặp bậc Thiện-tri-thức, khó mà được gặp Phật ra đời, v.v...

Đức Phật dạy:

1. "Người ra khỏi ác đạo, được làm người là khó." Tam ác đạo (ba đường ác) tức là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Thoát khỏi ba đường ác và được sanh làm người là điều không phải dễ!

Khi Đức Phật còn trụ thế, Ngài đã có lần nêu ra một câu hỏi để các đệ tử cùng nhau suy gẫm. Câu hỏi gì? Một hôm nọ, Đức Phật bốc một nắm đất lên rồi hỏi chư đệ tử: "Các ông hãy cho Ta biết: Là đất trong lòng bàn tay Ta nhiều hay đất

trên đại địa nhiều? Các ông mỗi người đều phải trả lời câu hỏi của Ta."

Tất cả đệ tử của Phật đều đáp: "Bạch Đức Thế Tôn! Đương nhiên là đất trong lòng bàn tay của Phật thì ít hơn đất trên đại địa!" Đó là một sự kiện hiển nhiên, đâu có gì đáng phải thắc mắc?

Bấy giờ, Đức Phật mới bảo chúng đệ tử rằng: "Số chúng sanh có thể thoát khỏi ba ác đạo - địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh - và được làm người trở lại cũng ít ỏi như nắm đất trong tay Ta; còn số chúng sanh vẫn còn luẩn quẩn trong trong ba đường ác và không được mang thân người, thì nhiều như đất cát trong đại địa vậy!"

Điều này chứng tỏ rằng thoát khỏi ba đường ác để làm người không phải là chuyện dễ.

2. "Đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó." Được làm người là khó, tuy nhiên, được làm người nam (thay vì người nữ) thì lại càng khó hơn nữa! Song, đó là nói theo quan điểm của những người muốn làm người nam mà thôi - vì họ muốn mang thân nam nhưng không được toại nguyện nên mới cho là khó. Thế thì, muốn được thân nữ có khó không? Cũng khó khăn không kém! Cho dù quý vị có thích làm người nữ, thì quý vị cũng khó đoan chắc rằng mình sẽ được toại ý, bởi vì đó là chuyện không thể nói chắc được!

Làm người nam hay người nữ là việc mà bản thân quý vị không có quyền quyết định hay lựa chọn. Đó không phải là

chuyện mà mình muốn là được. Cho nên, điều này cũng chẳng dễ dàng chút nào!

3. "Đã được thân nam, giả thử quý vị đã được làm người nam hoặc người nữ rồi; sáu căn đầy đủ là khó." Tôi không muốn chỉ nói về việc "được thân nam" mà thôi, bởi vì cũng có người ao ước được mang thân nữ kia mà! Nếu quý vị có được thân người với giới tính mình muốn - kẻ thích làm người nam thì được mang thân nam, kẻ thích làm người nữ thì được mang thân nữ - tức là quý vị đã được tùy tâm mãn nguyện, không thấy điều đó là khó nữa. Tuy nhiên, làm người mà có được sáu căn đầy đủ, hoàn chỉnh, lại càng không phải dễ.

Sáu căn tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Có nhiều kẻ tuy được mang thân người nhưng lại bị mù lòa hoặc không có mắt. Cũng có kẻ được làm người, song là người điếc, căn tai bị hư hoại. Hoặc có người thì lỗ mũi nghẹt, chẳng thông khí, nên có mũi mà cũng như không. Lưỡi là để nếm hương vị và nói năng, thế nhưng có người không nói được hoặc không biết được mùi vị - đó là do căn lưỡi bị hư hoại. Những người bị tê liệt, bán thân bất toại, không nhúc nhích hoặc cử động được, tức là căn thân của họ bị hư hoại. Hoặc có người thì căn ý bị hư hoại - họ không thể suy nghĩ và không hiểu được gì cả. Đó là những thí dụ điển hình về trường hợp sáu căn không được đầy đủ, hoàn chỉnh.

Sáu căn không toàn vẹn là chuyện thông thường, rất dễ xảy ra. Có được sáu căn đầy đủ, hoàn chỉnh mới là khó, rất khó.

4. "Sáu căn đã trọn đủ, hoàn chỉnh, không khuyết điểm - mắt ra mắt, tai ra tai - mà còn được sanh ra ở trung tâm quốc gia là khó." Trường hợp tai có hình dạng giống mắt còn mắt có hình dạng giống tai, hoặc môi thì trông giống như mắt còn mắt lại trông giống như môi - như thế là không tương xứng, không cân đối. Hoặc có trường hợp các căn đều "dọn nhà" tới ở chung với nhau - mắt, tai, mũi, miệng không tách riêng ra mà lại quy tụ về một chỗ như muốn làm thành một công ty hợp doanh vậy! Mắt, tai, mũi, miệng mà tập trung vào một chỗ với nhau, quý vị thấy như thế có khó coi lắm không" Song le, chẳng còn cách nào khác!

Đã có sáu căn hoàn bị rồi mà còn được sanh ra ở vùng trung tâm đất nước nữa là điều khó.

Ở Trung-Hoa, dân chúng sinh sống tại bốn miền gần ranh giới chung quanh quốc gia được mệnh danh là Nam man, Bắc mạch (Bắc dịch), Đông di, Tây hung. Người ở phương nam thì được gọi là "man tử" (kẻ dã man, thô lỗ), ở phương bắc thì được gọi là "mạch" (mọi), ở phương đông thì được gọi là "di nhân," ở phương tây thì được gọi là "hung nhân" (rợ). Đó là theo sự phân chia trong nước Trung-Hoa, và những khu vực ấy bị xem là vùng "biên địa hạ tiện." Muốn được sanh ở miền biên giới là chuyện rất dễ dàng; nhưng muốn được sanh ra ngay giữa vùng trung tâm của quốc gia thì không phải dễ! Muốn được sanh ra tại trung tâm của nước ngoài thì cũng chẳng phải là chuyện dễ. Vậy, được sanh ra ở những nơi thuộc khu vực trung tâm đất nước là khó.

5. "Đã sanh ở trung tâm quốc gia, được gặp đời có Phật là khó." Đã được sanh ra ngay tại trung tâm của đất nước rồi, mà lại còn được nhắm vào thời kỳ có Phật ra đời nữa là chuyện không phải dễ.

6. "Đã gặp đời có Phật, được gặp bậc Đạo-giả là khó." "Bậc Đạo-giả" tức là bậc Thiện-tri-thức. Nếu quý vị đã được sanh vào thời Phật trụ thế, gặp được đời có Phật rồi, mà lại còn được hạnh ngộ bậc Thiện-tri-thức- người có Đạo và tu Đạo - thì chính quý vị cũng có thể tu Đạo. Điều này không dễ dàng lắm, cho nên, "được gặp bậc Đạo-giả là khó."

7. "Đã gặp được Đạo, phát khởi tín tâm là khó." Mặc dù đã gặp và hiểu được Phật Pháp, đã thấu suốt được các pháp môn tu Đạo rồi, mà nếu quý vị còn có thể khởi lòng tin nữa thì lại không phải dễ. Có thể rằng quý vị đã gặp được Đạo, nhưng quý vị lại không tu hành, không sanh tín tâm. Nếu không sanh tín tâm thì dầu có gặp Đạo cũng bằng thừa - bởi được gặp rồi mà vẫn không tin tưởng thì cũng chẳng khác gì chưa bao giờ gặp vậy.

8. "Đã khởi tín tâm, phát Bồ-đề tâm là khó." Cho dù quý vị đã sanh lòng tin tưởng, mà muốn "y pháp tu hành" vẫn không phải dễ. Bởi vì đó chỉ là tin suông mà thôi! Có rất nhiều người tin tưởng Phật Pháp, nhưng khi quý vị bảo họ hãy lo tu hành thì họ lại không muốn. Đừng nói gì khác, chỉ nội một việc cai thuốc lá, bỏ hút thuốc, mà lắm người còn làm không được thay! Bỏ thì thương mà vương thì tội - bỏ không được nên buông không đành!

A! Sanh khởi tín tâm là khó, nhưng cho dầu quý vị đã có được tín tâm rồi đi chẳng nữa, muốn phát tâm Bồ-đề lại càng khó hơn - quý vị không thể "y pháp tu hành."

9. "Đã phát tâm Bồ-đề, được vô tu vô chứng là khó." Giả sử quý vị đã phát Bồ-đề tâm rồi. Phát khởi tâm Bồ-đề là chuyện khó, song cứ cho là quý vị cũng đã thực hiện được rồi. Thế nhưng, đạt đến cảnh giới không còn gì để tu, không còn gì để chứng, "sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu" (mọi việc cần làm đều đã làm xong, không còn phải luân hồi nữa) thì lại càng khó khăn hơn nhiều!

"Vô tu vô chứng" tức là đã tu xong rồi, đã chứng đắc rồi; do đó mà không cần phải tu thêm nữa - giống như ăn no rồi thì không cần ăn thêm, hoặc là ngủ đầy giấc rồi thì không cần phải ngủ thêm nữa vậy.

Vì sao tu Đạo mà lại "vô tu vô chứng?" Đó tức là đạt đến ngôi vị Vô-học (không còn gì để học), chứng được Tứ-quả A-la-hán. Đây là giải thích theo quan điểm của Tiểu-thừa.

Dưới cái nhìn của Đại-thừa, thì "vô tu vô chứng" có nghĩa là chứng được Phật-quả, và bây giờ:

Thượng vô Phật Đạo khả cầu,

Hạ vô chúng sanh khả độ.

*(Trên không còn Phật đạo để cầu,*

*Dưới chẳng còn chúng sanh để độ.)*

Đó là cảnh giới "vô tu vô chứng," và ngôi vị này lại càng không dễ đạt tới.

Cho nên, đối với việc tu hành, nếu quý vị không hiểu Phật Pháp thì không nói làm gì, nhưng nếu hiểu Phật Pháp thì phải gấp rút nỗ lực dụng công tu hành!

Chương 37

## **Niệm Giới Cận Đạo**

(Nhớ Nghĩ Đến Giới Là Gần Với Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Phật tử ly ngô số thiên lý, ức niệm ngô giới, tất đắc Đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc Đạo."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Phật tử ở cách Ta vài ngàn dặm mà nhớ nghĩ đến Giới của Ta, tất sẽ chứng được Đạo quả; còn ở ngay bên phải bên trái Ta, tuy thường trông thấy Ta, nhưng chẳng y theo Giới của Ta, thì rất cuộc sẽ không đắc được Đạo."**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi bảy nói rằng nếu quý vị hết lòng tin tưởng vào giới luật của Đức Phật, thì dù quý vị có ở cách Phật đến bao xa đi chăng nữa cũng vẫn như đang ở trước mặt Ngài; còn nếu quý vị không tin tưởng và không thọ trì giới luật của Phật, thì dầu có được thường xuyên ở trước mặt Phật, quý vị cũng chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được Pháp! Điều này cũng tương tự như lời dạy của Đức Lục Tổ Huệ Năng: "Nếu các ông tin Ta, thì dù ở cách Ta đến mười vạn tám ngàn dặm đường mà vẫn như đang ở bên cạnh Ta. Nhưng nếu các ông không tin Ta, thì tuy các ông luôn luôn ở bên cạnh Ta mà lại như xa cách Ta cả mười vạn tám ngàn dặm đường vậy!" Và, đó cũng là đại ý của chương kinh này.

Đức Phật dạy: "Phật-tử ở cách Ta vài ngàn dặm mà vẫn nhớ nghĩ đến giới của Ta, tất sẽ chứng đắc Đạo-quả." Đức Phật dạy rằng: "Những đệ tử của Ta mà ở cách Ta rất xa, xa tới cả vài ngàn dặm đường đi nữa, nếu họ có thể luôn luôn ghi nhớ, không bao giờ quên nghĩ đến giới luật của Ta, và nếu hành trì đúng theo giới luật, thì họ nhất định sẽ chứng được quả-vị trong việc tu Đạo."

"Còn ở ngay bên phải bên trái Ta, những đệ tử luôn kề cận bên mình Ta, tuy thường trông thấy Ta nhưng chẳng y theo Giới của Ta, thì rốt cuộc sẽ không đắc Đạo được. Mặc dù họ luôn luôn gặp Ta, nhưng nếu họ chẳng vâng theo giới luật của Ta đặt ra mà tu hành, thì không dễ gì chứng được Đạo."



Phần kinh văn này cho thấy rằng nếu quý vị vâng theo lời dạy của Phật và tu hành đúng theo Phật Pháp, thì quý vị là những đệ-tử chân chánh của Đức Phật - quý vị sẽ thường được thấy Phật, thường được theo Phật để học hỏi. Trái lại, nếu quý vị không thọ trì giới luật, thì quý vị cũng có thể lỡ mất dịp may trước mắt như thường!

Thuở trước, có hai thầy Tỳ-khưu nọ ở nước Ba-la-nại (Varanasi) muốn đến nước Xá-vệ (Shravasti) để bái kiến Đức Phật. Cả hai thầy đều đi bộ và phải vượt qua những chặng đường dài thăm thẳm. Dọc đường, họ cảm thấy rất khát nước; khát đến nỗi không có cách gì để đi tiếp tục nữa. Khi họ sắp chết khát thì bỗng thấy đằng trước có một chút nước đọng trong một cái sọ người! Một thầy Tỳ-khưu liền chụp lấy cái sọ và bưng lên uống, rồi đưa cho thầy kia. Thầy Tỳ-khưu này vì thấy đó là nước đọng trong sọ người, hơn nữa, trong nước lại có rất nhiều lãng quăng, giòi bọ, nên từ chối, không uống.

Thầy Tỳ-khưu thứ nhất bèn hỏi: "Tại sao thầy không uống! Coi chừng bị chết khát đó!"

Thầy Tỳ-khưu kia đáp: "Vì trong giới luật của Đức Phật có dạy không được uống nước có lãng quăng, giòi bọ. Tôi thà chịu chết khát chứ không đời nào uống thứ nước có giòi bọ này! Tôi muốn tu hành đúng theo giới luật của Phật."

Thầy Tỳ-khưu thứ nhất nói: "Thầy thật là ngu xuẩn! Thầy sắp bị chết khát rồi - nếu thầy uống nước thì còn có thể gặp Phật; còn không uống thì thầy sẽ phải chết khát. Thầy phải biết linh động một chút, không nên cố chấp như thế!" Thấy

nói như vậy mà thầy kia vẫn khẳng khẳng không chịu uống, thầy Tỳ-khưu thứ nhất bèn uống luôn nước cạn; và khi tiếp tục đi, thầy cảm thấy trong người khỏe khoắn hơn nhiều.

Thầy Tỳ-khưu thứ hai, người không chịu uống nước, quả nhiên bị chết khát dọc đường. Nhờ chuyên tâm trì giới nên sau khi chết, thầy được sanh lên cõi trời Đao-Lợi và có đầy đủ phước tướng của người trời (thiên-nhân). Từ cung trời Đao-Lợi, thầy đi bái kiến Đức Phật và được Phật thuyết pháp cho nghe. Bấy giờ, thầy đắc được Tịnh Pháp Nhãn và chứng được quả-vị.

Trong khi đó, thầy Tỳ-khưu uống nước trong sọ người thì ba ngày sau mới đến được nước Xá-vệ. Thầy Tỳ-khưu bị chết khát thì được bái kiến Phật ngay tối hôm thầy chết và sau đó chứng được quả-vị. Ba hôm sau, thầy Tỳ-khưu không bị chết khát cũng tới nơi và đến bái kiến Phật. Đức Phật hỏi thầy: "Ông từ đâu đến? Có bao nhiêu người cùng đi với ông? Ông đi đường được bình an cả chứ?"

Thầy Tỳ-khưu kia thưa với Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Con từ nước Ba-la-nại đến. Đường đến đây rất xa xôi; dọc đường còn phải vượt qua một nơi hoàn toàn không có nước uống. Về sau, tìm được chút nước còn đọng trong một cái sọ, con bèn uống tạm một chút. Còn người bạn đồng tu đi với con vì thấy trong nước ấy có nhiều lắng quặng, giòi bọt, nên không chịu uống, do đó mà bị chết khát rồi. Ấu cũng bởi thầy ấy không có thiện duyên với Phật nên mới phải chết mà chưa được gặp Phật! Và lại, thầy ấy cũng cố chấp quá. Lòng chấp trước của thầy ấy quá nặng nề!"

Thầy kia nói xong, Đức Phật gọi thầy Tỳ-khưu bị chết khát ra cho thầy kia gặp mặt, và dạy: "Chính trong ngày hôm đó ông ấy được vãng sanh lên cõi trời và được hưởng thọ mạng rất lâu dài của một vị thiên nhân. Ông ấy đã đến Pháp-hội của Ta, và Ta đã thuyết pháp cho ông ấy nghe. Nay ông ấy đã chứng được quả-vị! Ông chê ông ấy ngu xuẩn, kỳ thực, chính ông mới thật là ngu xuẩn! Ông không giữ giới luật của Phật, thì tuy ông được gặp Ta mà cũng như không gặp. Đó là vì ông không thật lòng, không thành tâm, không nghiêm trì giới luật!"

Qua công án này có thể thấy rằng bất luận quý vị có ở trước mặt Phật hay không, nếu quý vị lúc nào cũng tu hành đúng theo giới luật của Phật, tức là quý vị được thấy Phật. Trái lại, nếu quý vị không y theo giới luật của Phật mà tu hành thì dầu có ở bên cạnh Phật cũng chẳng khác nào chưa từng được gặp Phật vậy!

## Chương 38

### **Sanh Tức Hữu Diệt**

(Có Sanh Tức Có Diệt)

Kinh Văn:

Hán Văn:

**Phật vấn Sa-môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?"**

**Đôi viết: "Số nhật gian."**

**Phật ngôn: "Tử vị tri Đạo."**

**Phục vấn nhất Sa-môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?"**

**Đôi viết: "Phạn thực gian."**

**Phật ngôn: "Tử vị tri Đạo."**

**Phục vấn nhất Sa-môn: "Nhân mạng tại kỳ gian?"**

**Đôi viết: "Hô hấp gian."**

**Phật ngôn: "Thiện tai! Tử tri Đạo hỷ."**

**Dịch Nghĩa:**

**Đức Phật hỏi một vị Sa-môn: "Mạng người được bao lâu?"**

**Đáp rằng: "Thưa, trong khoảng vài ngày."**

**Đức Phật dạy: "Ông chưa hiểu Đạo!"**

**Lại hỏi một vị Sa-môn khác: "Mạng người được bao lâu?"**

**Đáp rằng: "Thưa, trong khoảng một bữa ăn."**

**Đức Phật dạy: "Ông chưa hiểu Đạo."**

**Lại hỏi một vị Sa-môn khác: "Mạng người được bao lâu?"**

**Đáp rằng: "Thưa, trong khoảng một hơi thở."**

**Đức Phật dạy: "Lành thay! Ông đã hiểu Đạo rồi vậy!"**

Lược giảng:

Đức Phật hỏi vị Sa-môn: "Mạng người được bao lâu?" Ở đây, Đức Phật cố ý đặt ra một cuộc vấn đáp. Đức Phật vốn không cần phải hỏi người khác về vấn đề này, và cũng không phải vì Ngài không biết nên cần phải hỏi các thầy Sa-môn để có được một đáp án rõ ràng. Thật ra, bởi biết rằng chẳng ai biết tánh mạng con người có thể kéo dài trong bao nhiêu lâu, cho nên Đức Phật mới có ý hỏi thầy Sa-môn: "Mạng người được bao lâu? Ông cho rằng con người sống được bao lâu?"

Đáp rằng, thầy Sa-môn này bạch với Đức Phật rằng: "Thưa, trong khoảng vài ngày. Chẳng một vài hôm là có thể chết. Đời người không dài lắm đâu!"

Đức Phật dạy, Đức Phật nói với thầy Sa-môn này rằng: "Ông chưa hiểu Đạo. Ông vẫn còn chưa hiểu được Đạo!"

Đức Phật lại hỏi một vị Sa-môn khác: "Mạng người được bao lâu?" Sanh mạng con người dài độ bao nhiêu?

Đáp rằng, thầy Sa-môn bạch với Phật: "Thưa, trong khoảng một bữa ăn." Nghĩa là trong thời gian bằng chừng ăn xong một bữa cơm, sanh mạng con người có thể không còn nữa!

Đức Phật dạy. Đức Phật nói với thầy ấy: "Ông chưa hiểu Đạo." Ông vẫn chưa hiểu rõ Đạo!

Đức Phật lại hỏi một vị Sa-môn khác: "Mạng người được bao lâu?" Trong quãng thời gian bao lâu thì mạng sống con người kết thúc?

Đáp rằng, thầy Sa-môn này trả lời Đức Phật: "Thưa, trong khoảng một hơi thở." Thọ mạng của con người chỉ nội trong một hơi thở ra vô mà thôi!

Đức Phật dạy, Đức Phật nói với vị Sa-môn ấy: "Lành thay! Thật tốt lắm thay! Ông đã hiểu Đạo rồi vậy." Ông đã thấu rõ được Đạo rồi!

Thuở trước, tại Ấn-Độ có một vị vua sùng tín ngoại đạo. Phái ngoại đạo thường tu nhiều loại khổ hạnh; như có người thì trì ngư-giới (sống theo cách của bò), có người thì trì cầu-giới (sống theo cách của chó), có người thì lấy tro bôi khắp mình mẩy, có người thì ngủ giường đinh... Họ tu những khổ hạnh của phái Du-già, tự hành xác theo đủ mọi hình thức. Trái lại, các thầy Tỳ-khưu tu theo Phật Pháp thì trông có vẻ thanh nhàn, và họ không phải tu tập những khổ hạnh ấy.

Vì thế, vị vua nọ hỏi các đệ tử của Đức Phật: "Trẫm tin rằng mặc dù phái ngoại đạo tu nhiều thứ khổ hạnh như thế, họ vẫn chưa thể đoạn trừ được lòng tham muốn sắc dục. Tỳ-khưu các thầy tùy tiện như thế thì làm sao mà đoạn trừ được phiền não và lòng dâm dục? Chắc chắn là các thầy không thể nào đoạn trừ được!"

Có một vị Pháp-sư trả lời nhà vua rằng: "Xin Bệ-hạ hãy cho gọi một tù nhân có án tử hình còn bị giam giữ trong ngục đến, và phán rằng: "Trẫm giao cho ngươi một bát dầu. Ngươi phải bưng bát dầu này bằng hai tay và đi trên đường phố. Trong lúc đi như thế, nếu ngươi làm nhiều một giọt dầu ra khỏi bát, Trẫm sẽ cho đem ngươi ra xử tử; còn nếu nhà ngươi không làm đổ một giọt dầu nào cả, thì khi ngươi trở về, Trẫm sẽ tha tội chết và ngươi sẽ được phóng thích." Sau đó, Bệ-hạ hãy cho một số mỹ nữ đến đàn hát trên con đường mà tên tử tội bưng bát dầu sẽ phải đi qua. Đợi đến khi tên tù đáng tội chết kia đi hết con đường, Bệ-hạ hãy xem xét bát dầu của hắn. Nếu dầu có bị đổ, thì đương nhiên là hắn phải bị giết. Tuy nhiên, nếu một giọt dầu cũng không đổ, thì Bệ-hạ hãy hỏi hắn đã trông thấy những gì ở dọc đường, thử xem hắn trả lời ra sao."

Nhà vua liền làm theo đúng như thế. Vua cho gọi một tù nhân đã bị kết án tử hình đến và truyền: "Hôm nay đáng lẽ nhà ngươi sẽ bị xử tử, nhưng nay Trẫm cho nhà ngươi một cơ hội có thể thoát được tội chết. Như thế nào ư? Trẫm sẽ giao cho ngươi một bát dầu; và ngươi phải bưng bát dầu trên tay mà đi điểu qua đường phố. Nếu ngươi không để cho một giọt dầu nào sánh ra ngoài, thì khi trở về, ngươi sẽ được miễn tội chết. Còn nếu như ngươi làm đổ dù chỉ một giọt dầu, thì lúc trở về, Trẫm sẽ chiếu theo bản án khi trước mà xử tử nhà ngươi! Vậy ngươi hãy đi thử đi.!"

Người tù nhân theo lệnh vua. Sau khi hắn đi hết con đường và quay trở về, bát dầu của hắn vẫn còn nguyên vẹn, không đổ một giọt!

Nhà vua bèn hỏi: "Khi đi trên đường phố, người đã trông thấy những gì?"

Người tử tù đáp: "Tôi không trông thấy gì khác ngoài bát dầu này! Từng giây từng khắc tôi mãi lo canh chừng bát dầu, giữ cho dầu khỏi sánh ra ngoài. Ngoại trừ dầu trong cái bát này ra, tôi chẳng thấy và cũng chẳng nghe gì cả."

Nhà vua hỏi vị Pháp-sư: "Như thế là ngụ ý gì?"

Nhà Sư đáp: "Người tử tù ấy ví như những bậc Sa-môn xuất gia - bởi nhận thấy sanh tử là đại sự, là vấn đề quan trọng hơn cả, nên họ không có thì giờ để vọng tưởng về sắc dục. Họ chỉ nghĩ đến chuyện sanh tử, tương tự như người tử tù kia vậy - nếu hấn sơ ý để sánh ra ngoài một giọt dầu hoặc có một chút phiền não, thì phải chịu chết. Các bậc Sa-môn xuất gia cũng thế - tại sao họ có thể đoạn trừ được tâm dục? Bởi vì họ xem vấn đề sanh tử là trọng đại! Vì sao những kẻ ngoại đạo không thể dứt bỏ lòng ham mê sắc dục? Vì họ không thể hiểu được vấn đề sanh tử, không biết rằng sanh tử là một sự việc lớn lao. Do đó, họ không đoạn trừ được lòng tâm dục."

Vì sao quý vị tu Đạo mà chưa đoạn trừ được tâm tâm dục? Vì quý vị chưa chân chánh nhận thức được rằng sự vô thường của sanh tử sẽ xảy đến. Nếu biết được tánh cách cấp bách của lẽ vô thường đối với vấn đề sanh tử, hẳn quý vị sẽ chẳng có thì giờ để khởi các vọng tưởng về sắc dục và cũng chẳng có thì giờ để sanh phiền não về vấn đề ấy!



## Chương 39

### **Giáo Hôi Vô Sai**

(Sự Dạy Bảo Vốn Không Phân Biệt)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Học Phật Đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận. Thí như thực mật, trung biên giai điền, ngô Kinh diệc nhĩ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người học Đạo Phật, đối với những lời Phật nói đều phải nên tín thuận. Ví như ăn mật, trong ngoài đều ngọt; kinh điển của Ta cũng vậy."**

Lược giảng:

Chương thứ ba mươi chín dạy rằng chúng ta nên tin tưởng và thọ trì tất cả kinh Phật. Chúng ta không nên phân biệt Đại-thừa hay Tiểu-thừa, đốn (mau) hay tiệm (chậm), hoặc so đo bộ kinh nào quan trọng và bộ kinh nào không quan trọng. Chớ sanh ra nhiều tâm phân biệt như thế!

Tất cả kinh điển do Đức Phật thuyết giảng nói chung thì không vượt ra ngoài hai thứ Quyền-giáo<sup>2</sup> và Thực-giáo<sup>3</sup>. Quyền-giáo được nói ra là vì Thực-giáo. Vì Thực-giáo nên Phật mới thuyết giảng Quyền-giáo. Nếu nói về Quyền-giáo

một cách tỉ mỉ, cặn kẽ thì sẽ hiển xuất Thực-giáo; cho nên, Quyền và Thực thật ra chỉ là một!

Người học Phật Pháp không nên phân biệt Đại-thừa, Tiểu-thừa. Vì vậy, lúc ở Los Angeles tôi đã nói với vị Tỳ-khưu từ Thái-lan rằng: "Trong Phật Pháp vốn không có sự phân biệt giữa Đại-thừa và Tiểu-thừa. Chẳng qua là vì trong Phật-giáo có một số Phật-tử cố chấp, không muốn chân chánh học Phật Pháp, cho nên mới phân chia ra Đại với Tiểu, trở thành những đệ tử bất hiểu của Phật." Đó cũng là ý chính của chương này.

Đức Phật dạy: "Người học Đạo Phật, đối với những lời Phật nói đều phải nên tín thuận. Tất cả quý vị, những người học tập Đạo Phật, đều phải tin tưởng và thuận theo các kinh điển, giáo pháp do Đức Phật thuyết giảng mà hành trì, chớ nên có tâm phân biệt.

Ví như ăn mật, trong ngoài đều ngọt; kinh điển của Ta cũng vậy. Mật đường thì ở giữa ngọt mà trên mặt cũng ngọt; cho nên cả trong lẫn ngoài đều có hương vị ngọt ngào như nhau, giống như giáo điển của Ta vậy. Kinh điển do Ta thuyết giảng đều là 'vi Thực thí Quyền, khai Quyền hiển Thực' - vì Thực-giáo mà ban bố Quyền-giáo và lập ra Quyền-giáo để làm hiển lộ Thực-giáo - nhằm giáo hóa chúng sanh, khiến tất cả chúng thành Phật Đạo! Tất cả đều nằm trong đạo lý này."

## Hành Đạo Tại Tâm

(Tâm Phải Thực Hành Theo Đạo)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Sa-môn hành Đạo, vô như ma ngư, thân tuy hành Đạo, tâm Đạo bất hành. Tâm Đạo nhược hành, hà dụng hành Đạo?"**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Bậc Sa-môn hành Đạo đừng như con trâu kéo xay, tuy thân hành Đạo nhưng tâm lại chẳng theo Đạo. Nếu tâm theo Đạo thì cần gì hành Đạo?"**

Lược giảng:

Chương thứ bốn mươi nói rõ rằng tu Đạo là ở tâm chớ không phải ở hình thức. Nếu không đặt hết tâm trí vào Đạo, chỉ chú trọng tới việc phô trương bên ngoài, thì chúng ta sẽ giống như con trâu kéo bàn xay - suốt ngày trâu cứ đi vòng quanh cái cối xay, mãi miết kéo tới kéo lui, không hề rời khỏi nhà xay lúa.

Đức Phật dạy: "Bậc Sa-môn hành Đạo đừng như con trâu kéo bàn xay." Thầy Tỳ-khưu tu hành Đạo vô-thượng không nên giống như con trâu kéo bàn xay - cứ ru rú trong nhà xay mà kéo tới kéo lui, quanh đi quẩn lại mãi bên cái cối xay, chẳng ra được tới bên ngoài.

"Tuy thân hành Đạo nhưng tâm lại chẳng theo Đạo." Tuy rằng bên ngoài thì thân của quý vị vẫn tu hành theo Đạo - lạy Phật, tụng Kinh, trì Chú, nhưng bên trong thì tâm của quý vị lại không làm và cũng không chú ý đến những công hạnh ấy.

"Nếu tâm theo Đạo thì cần gì hành Đạo." Nếu tâm của quý vị thật sự muốn tu Đạo, nếu quý vị có thể tu Đạo một cách chuyên nhất, không khởi vọng tưởng, và nếu quý vị có thể luôn luôn ở trong Định, thì quý vị cần gì phải hành Đạo? Trong trường hợp này, quý vị không tu Đạo cũng chẳng sao!

Ở đây ngụ ý là quý vị đã hàng phục được tâm mình. Nếu trong lòng quý vị không còn dấy khởi những vọng tưởng về sắc dục nữa, tức là tâm của quý vị đã được điều phục rồi. Còn nếu quý vị cứ tiếp tục khởi các vọng tưởng về sắc dục, tuy bề ngoài ra vẻ hiền lành, thật thà, nhưng bên trong lại không thành thật, cứ móng tâm vọng tưởng chuyện sắc dục; như thế thì bề ngoài dầu có tốt đẹp thế nào đi nữa cũng chẳng có ích lợi gì cả!

Cho nên, tu hành cần phải chú trọng ở cái tâm. Hàng phục được tâm mình thì sẽ chứng được quả vị rất chóng. Nếu không hàng phục được tâm mình, cứ khởi các vọng tưởng về sắc dục, thì quý vị chẳng khác gì con trâu kéo bàn xay - cứ quanh quẩn bên cái cối xay mà kéo tới kéo lui, vất vả nhọc nhằn hết sức nhưng chạy không thoát, không ra khỏi nhà xay được!

## Chương 41

### **Trực Tâm Xuất Dục**

(Ngay Thẳng Dứt Trừ Dục Vọng)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Phù vi Đạo giả, như ngư phụ trọng, hành thâm nê trung. Bì cực, bất cảm tả hữu cố thị. Xuất ly ứ nê, nãi khả tô tức. Sa-môn đương quán, tình dục thậm ư ứ nê, trực tâm niệm Đạo, khả miễn khổ hỷ."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Người hành Đạo ví như con trâu chở nặng đi trong bùn sâu. Trâu hết sức mỗi mệt, chẳng dám nhìn phải ngó trái; ra khỏi chỗ bùn lầy rồi mới được thư thả. Bậc Sa-môn phải quán tưởng tình dục còn hơn cả bùn lầy. Phải trực tâm niệm Đạo thì mới có thể thoát được sự khổ."**

Lược giảng:

Trong chương thứ bốn mươi một này, Đức Phật dạy chúng ta nên dùng trực tâm mà tu Đạo và suy nghĩ về Đạo. Trong mỗi niệm, chúng ta nên lấy việc thoát vòng tình dục làm mục tiêu của mình. ái tình và dục vọng chính là bùn lầy; chúng ta cần phải vượt ra khỏi vũng bùn ấy.

Đức Phật dạy: "Người hành Đạo, tất cả đại chúng, những kẻ tu Đạo, ví như con trâu chở nặng đi trong bùn sâu." Trên lưng đã chất đầy những đồ vật rất nặng nề, lại còn phải lội qua vũng bùn rất sâu, nên trâu bị sa lầy, không tự kéo chân ra được - hễ rút được chân này lên thì chân kia bị lún xuống; kéo được chân kia ra thì chân nọ lại lún sâu hơn!

"Trâu hết sức mỏi mệt, chẳng dám nhìn phải ngó trái." Trâu mệt mỏi vô cùng, mệt mỏi đến cực điểm, mệt đến nỗi nó không dám nhìn ngó hai bên.

"Ra khỏi chỗ bùn lầy rồi mới được thư thả." Chỉ đến khi đã lội qua khỏi vũng bùn, trâu mới có vẻ thanh thoi, thoải mái đôi chút.

"Bậc Sa-môn, các vị Sa-môn xuất gia - Tỳ khưu, Tỳ-khưu ni - đều phải quán tưởng tình dục còn hơn cả bùn lầy." So với vũng bùn lầy lội, thì lòng ham muốn tình dục và các vọng tưởng về sắc dục còn nguy hại, đáng sợ hơn nhiều! Cho nên, "phải trực tâm niệm Đạo, phải một lòng một dạ, chỉ có một cái tâm ngay thẳng để suy nghĩ về Đạo và việc tu Đạo, thì mới có thể thoát được sự khổ, tránh khỏi nỗi thống khổ bị sa lầy."

Chương 42

## **Đạt Thế Như Huyền**

(Hiếu Được Cõi Đời Là Hư Huyền)

Kinh Văn:

Hán Văn: **Phật ngôn: "Ngô thị Vương Hầu chi vị như quá khích trần; thị kim ngọc chi bảo như ngổa lịch; thị hoàn tổ chi phục như tộ bạch; thị đại thiên giới như nhất ha tử; thị A-nậu trì thủy như đồ túc du."**

Dịch Nghĩa: **Đức Phật dạy: "Ta xem ngôi vị Vương, Hầu như bụi qua kẽ hở; xem vàng ngọc quý báu như ngói gạch vỡ; xem y phục bằng tơ lụa như vải thô; xem đại thiên thế giới như một hạt ha; xem nước hồ A-nậu như dầu thoa chân."**

Lược giảng:

Chương thứ bốn mươi hai, chương cuối cùng, nói rõ rằng Đức Phật bình đẳng quán sát tất cả các pháp và phá tan mọi chấp trước của chúng sanh. Một trăm năm ở cõi nhân gian chúng ta chỉ là một ngày và một đêm ở cõi trời Đao-Lợi; một đại kiếp ở thế giới Ta-Bà này cũng chỉ bằng một ngày và một đêm ở thế giới Cực-Lạc mà thôi. Cho nên, tất cả đều là hư huyền, không thật.

Đức Phật dạy: "Ta xem ngôi vị Vương, Hầu như bụi qua kẽ hở." "Vương" là Quốc-vương," tức là vua của một nước. "Hầu", hay "chư hầu", là vua của nước nhỏ (nước chư hầu). So với Hoàng-đế thì ngôi vị Chư-hầu có kém thua một chút - Hoàng-đế thì cũng như Tổng-thống, và chư hầu thì như

Tĩnh-trưởng vậy. Nói chung, đó đều là những địa vị rất cao sang, quyền quý. Thế nhưng, Đức Phật xem các địa vị Quốc-vương và Chư-hầu này đều như bụi bặm trong lồng hổng vậy - chúng chẳng có giá trị gì cả, và cũng chẳng có gì đáng để chấp trước, bất quá chỉ là những hạt bụi trong khe hở mà thôi!

"Xem vàng, ngọc quý báu như ngói gạch vỡ." Đức Phật nhìn những thứ vàng, bạc, ngọc thạch cũng như nhìn gạch ngói vỡ. Đối với Ngài, các thứ châu báu chẳng qua chỉ là các mảnh vỡ của thứ ngói lợp nhà!

"Xem y phục bằng tơ lụa như vải thô." Những y phục may bằng tơ lụa là thứ y phục đẹp đẽ nhất, song Đức Phật chỉ coi như mảnh vải thô rách nát, chẳng có gì đáng để chấp trước!

"Xem đại thiên thế giới như một hạt ha." Đức Phật coi cả tam thiên đại thiên thế giới chỉ lớn bằng một hạt ha mà thôi! (Hạt ha là hạt của trái ha-lê-lặc và rất nhỏ chỉ cỡ trái trám hay trái cà-na).

"Xem nước hồ A-nậu như dầu thoa chân." Nước trong hồ A-nậu (Anavatapa) vốn rất nhiều, Song Đức Phật thấy nó chỉ bằng lượng dầu ít ỏi đủ để thoa chân chứ không phải là nhiều lắm.

Những đạo lý này được nêu ra nhằm khuyên chúng ta từ bỏ sự chấp trước. Quý vị đừng nên cái gì cũng cho là quan trọng, rồi sanh lòng chấp trước một cách quá đáng. Hễ chấp



trước, chẳng thể buông bỏ, thì sẽ không thể nào thành tựu được Đạo-quả!

Kinh Văn:

Hán Văn: "**Thị phương tiện môn như hóa bảo tỳ; thị Vô-thượng Thừa như mộng kim bạch; thị Phật Đạo như nhãn tiên hoa; thị Thiên Định như Tu-di trụ; thị Niết-bàn như trú tịch ngụ; thị đảo chánh như lục long vũ; thị bình đẳng như Nhất-chân địa; thị hưng hóa như tứ thời mộc.**"

Dịch Nghĩa: "**Xem môn phương tiện như đồng châu báu hóa hiện; xem Vô-thượng Thừa như giấc mộng vàng lụa; xem Phật Đạo như hoa trước mắt; xem Thiên Định như trụ Tu-di; xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức; xem sự đảo và chánh như sáu con rồng múa lượn; xem sự bình đẳng như Nhất-chân địa; xem sự hưng hóa như cây cối bốn mùa.**"

Lược giảng:

"Xem môn phương tiện như đồng châu báu hóa hiện." Tất cả các vật dụng trên cõi đời đều được làm bằng thất bảo. Thất bảo là bảy nguyên liệu quý giá; vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

Ở thế giới Cực-Lạc, mặt đất đều bằng vàng ròng. Khi Bồ-tát Di-Lặc thành Phật, mặt đất của chúng ta sẽ biến thành lưu ly. Hiện tại thì mặt đất của chúng ta là bằng đất, đá, nên rất thô cứng. Đối với vạn sự vạn vật, nếu quý vị thấy chúng là tốt thì chúng sẽ tốt, và nếu quý vị nghĩ chúng là xấu thì chúng cũng sẽ tùy theo tâm của quý vị mà biến đổi. Tất cả mọi thứ đều "duy tâm sở hiện" - đều từ trong chân tâm của chính quý vị biến hiện ra; vì thế, quý vị đừng để cho mình bị mê-hoặc bởi sự giả dối, hư vọng.

Những gì là giả dối, hư vọng? Tất cả hình tướng bên ngoài (ngoại tướng) đều là hư vọng, duy chỉ có bản tánh của chính quý vị là chân thật mà thôi! Vì thế, đừng nên "chấp vọng mê chân" - đừng bám víu vào cái giả tạm mà quên mất cái chân thật!

Môn phương tiện tức là Pháp-môn Tam-Thừa do chư Phật đặt ra, bao gồm các pháp phương tiện của Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát. Nếu chúng sanh tu hành theo các pháp môn này thì sẽ chứng được quả-vị, được thành Phật. Đức Phật "vi Thực thí Quyền" - vì Thực-pháp mà ban bố Quyền-giáo, dùng giáo pháp tạm thời làm phương tiện để dẫn đến giáo pháp chân thật, rất ráo. Cho nên, Ngài xem pháp môn phương tiện chẳng khác gì một đồng châu báu được biến hóa ra.

"Xem pháp Vô-thượng Thừa như giấc mộng vàng lụa." Vô-thượng Thừa vốn là chân thật, và cũng là thứ đạo lý sẵn có trong tự tánh của chúng sanh. Bởi chỉ có ở trong chứ không ở ngoài tâm chúng sanh, cho nên nói:

"Viên mãn Bồ-đề, quy vô sở đắc."

Một khi Bồ-đề đã viên mãn, sự giác ngộ đã trọn vẹn, thì cái gì cũng không còn nữa. Do đó, Đức Phật coi Vô-thượng Thừa chẳng khác gì vàng bạc, lụa là trong giấc chiêm bao. Những vàng bạc trong mộng thì đều là giả, là hư huyền cả.

"Xem Phật Đạo như hoa trước mắt." Tất cả những gì được nói đến trong Phật Đạo đều là vì hạng phàm phu. Nếu không có phàm phu thì Phật Đạo trở nên vô dụng; vì thế mà gọi là "Vô-vi." Pháp Vô-vi thì "Vô-khởi diệt" - không có sự sanh khởi mà cũng chẳng có sự tịch diệt - và cũng chẳng thật, như hoa đốm trong hư không. Do đó, Đức Phật xem Phật Đạo chẳng khác nào "không hoa", hoa đốm giữa không trung vậy.

"Xem Thiên Định như trụ Tu-di." Núi Tu-di vươn cao trên mặt biển cả và không sóng gió nào có thể lay chuyển được nó. Người tu Thiên Định cần có được thứ định lực "bất động" như núi Tu-di vậy. Thật ra thì núi Tu-di không phải là một thứ pháp chân thật để có thể chứng đắc; nó chẳng qua chỉ là một thí dụ để so sánh mà thôi. Khi thật sự chứng được quả vị, quý vị sẽ thấy mọi thứ đều là không!

Đức Phật nói rằng: "Ta xem môn phương tiện như đồng châu báu hóa hiện." Đối với Đức Phật thì pháp môn phương tiện "vi Thực thí Quyền, khai Quyền hiển Thực" giống như một hỗn hợp gồm những châu báu được biến hóa ra.

"Xem pháp Vô-thượng Thừa như giấc mộng vàng lụa." Đức Phật xem pháp Đại-thừa vô thượng giống như giấc mơ mà thấy vàng, bạc, châu báu.

"Xem Phật Đạo như hoa trước mắt." Đức Phật quán tưởng Phật Đạo cũng như hoa đóm trước mắt, không có cái gì là thật cả.

"Xem Thiên Định như trụ Tu-di." Đức Phật xem Thiên Định như núi Tu-di đứng sừng sững giữa biển, không hề lay động, chao đảo.

"Xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức." Đức Phật xem pháp môn Niết-bàn giống như cả ban ngày lẫn ban đêm đều thức, tỉnh táo, không hề ngủ vậy.

"Xem sự đảo và chánh như sáu con rồng múa lượn." Đối với Đức Phật, sự điên đảo và chánh đáng chẳng khác gì sáu con rồng múa lượn một cách hỗn loạn. Khi quý vị điên đảo, Lục-căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) liền chạy theo các cảnh giới của Lục-trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Bây giờ, sáu căn giống như sáu con rồng đang múa may uốn lượn vậy.

"Xem sự bình đẳng như Nhất-chân địa." Đức Phật coi pháp môn bình đẳng giống như Nhất-chân địa - nền tảng của sự chân thật.

"Xem sự hưng hóa như cây cối bốn mùa." Đức Phật xem sự hưng hóa Phật Pháp, hoằng dương Phật Pháp, giống như cây cối trong bốn mùa vậy. Vào mùa xuân thì cây cối đâm

chồi. Sang mùa hạ thì cây phát triển, lớn lên; qua mùa thu thì lá rụng; và tới mùa đông thì cây trơ cành trụi lá. Do đó, sự hưng thịnh của Phật Pháp cũng có chu kỳ, thời điểm của nó.

Đức Phật giảng như thế để dạy mọi người không nên chấp trước vào cái gì cả. Phàm hễ có sở chấp thì không thể nào đạt được cảnh giới "nhân không, pháp không". Hạng phàm phu chẳng cho rằng người và pháp đều không - với cái nhìn của họ thì có người, có pháp.

Muốn chứng đắc quả vị của hàng thánh nhân, quý vị cần phải thấy được người và pháp đều là không. Không thấy có người, không thấy có pháp, thì sự chấp trước vào người không còn và sự chấp trước vào pháp cũng chẳng hiện hữu. Khi cả hai thứ chấp trước ấy không còn tồn tại tức là quý vị đã phá được mọi sở chấp, hiểu được đạo lý về tánh không của tất cả mọi thứ. Vậy, người là không và pháp cũng là không. Nếu quý vị chẳng thấy được người là không thì chẳng thể chứng đắc thánh-quả, và chẳng thấy được pháp là không thì chẳng thể đạt được trí huệ của hàng thánh-nhân!

Đức Phật giảng chương này nhằm dạy chúng ta từ bỏ mọi vọng tưởng, chấp trước. Nếu quý vị buông bỏ được hết thì sẽ đạt được sự tự tại chân chánh. Đạt được sự tự tại chân chánh tức là đạt được sự tự do chân chánh. Có được sự tự do chân chánh rồi, quý vị muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Đến, đi tự do; tới, lui tùy ý. Tự do hành động, tự do trong tất cả mọi sự việc, hoàn toàn không bị bó buộc.

Đây là sự tự do chân chính chứ không phải là thứ tự do giả tạo!

**hết chương 42 trọn bộ**